

ĐINH KHANG HOẠT

*Tự Dục Khang
Sinh quán: Ninh Bình, VN.*

* Nguyên giảng-viên:

- Chính Trị tại Trung Tâm Biệt Chính/XDNT (1964-1967, Vũng Tàu)
- Ban Cao Đẳng Sư Phạm Nông - Lâm - Súc (1971-1973)
- Thanh Tra Nha Học Vụ Nông Lâm Súc, Sài Gòn, (1971-1973).
- Chương trình GED thuộc Đại Học Công Đồng Portland (PCC - 1994)

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN:

- Việt Sử Trường Ca (1994).
- Vấn Đề Văn Hóa Việt (Viết chung với Hoài Nguyên, 1994).
- Tinh Hoa Sử Việt, (1999).
- Điểm Sách “Phật Giáo & Quốc Đạo Việt Nam, 2002.
- Con Đường Cách Mạng Việt - I, (2003).
- Bàn về Thiên Chúa Giáo và Tam Giáo, (2004).
- Con Đường Cách Mạng Việt - II, 2006 (Viết chung trong Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Việt).
- Những Tính Tốt & Xấu của Người Việt (viết với Ts. VõQuí Hân, (2005).
- Tìm Hiểu Kinh Dịch, (2007).
- Hiểm Họa Xâm Lăng & Đồng Hóa của Trung Quốc, (2008)
- Hai Dòng Văn Chương Việt: Bác Học & Bình Dân, (viết chung với Ts. VõQuí Hân, (2009)
- Tết (viết chung với Đinh K. Thanh Hà, (2009).
- Bản Sắc Việt Nam, (2010)
- Thời Cuộc ViệtNam & Thế Giới (Viết chung trong Nhóm Nghiên-Cứu Văn Hóa Việt), 2010.
- Đạo Sống Việt (Minh Triết Việt , (2011)
- Vấn Đề Văn-Học Dân Gian (Viết chung với Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Việt), 2011.
- Vấn Đề Việt Ngữ, viết chung trong nhóm Quan Tâm Việt Ngữ, (2013).
- Nền Triết Học ViệtNam, 2013).
- Tương Quan Chủng Tộc với Ngôn Ngữ (Viết chung với nhóm quan tâm Việt Ngữ, (1916).
- Nền Triết Học Việt Nam (Triết Học Tổng Thê Lý Đông A (2017).

BÁO CHÍ:

* Chủ Nhiệm:

- Nguyệt San LUỐNG CÀY (1963)
- Nguyệt San CHÍNH KHÍ (1984)

* Chủ Bút: Nguyệt San DÂN Ý (1995)

2017 * Hai triều Hùng - Thục * Đinh K. Hoạt

Hai triều Hùng - Thục

Sử Luận

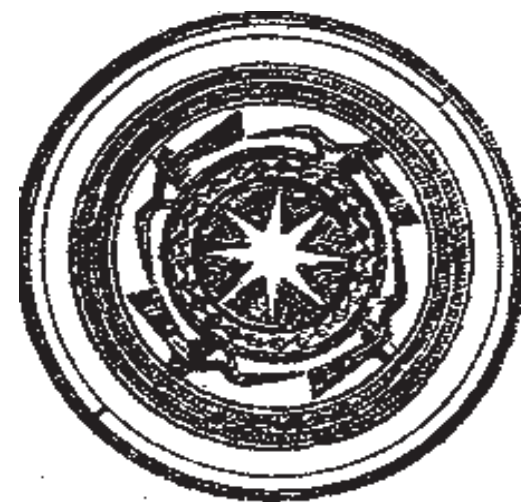


Đinh Khang Hoạt

2017

Hai triều Hùng - Thục

Sử Luận



Đinh Khang Hoạt

2017

*Truyện 4: Trọng Thủy Mỵ Châu . . .	.66
* Sủ luận	73
*Bảng đối chiếu các triều-đại	.76
*Đặc-điểm thời An Dương vương . . .	77
*Tiếp nối tinh thần Việt, Vạn Thắng.	.81
*Tổng luận thời Bắc thuộc	.85
*Công mở-mang đất-đai của nhà Nguyễn	.90
*Dứt Chiêm Thành	.90
*Mở đất Nam Việt	.91
*Cuộc thắng lợi Kháng Nguyên	.94
*Năm 1355 - 1368 Nhà Minh	.98
*Vua Quang Trung đại phá quân Thanh	102
*Anh-hùng chống Pháp	109
*Phong-trào Đông Du & Duy Tân . .	113
*Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên	115
*Hoa Chính Khí	116

III/ Đông Hải với Trường Sa &

Hoàng Sa	118
*5 tội ác của Tàu Cộng	.129
*Hịch Thời Đại	134
*Tổng Kết	.139
* Chú-thích	.145
* Bài đọc thêm 1	.155
*Bài đọc thêm 2	.159
*Annotated Bibliography	.169
*Tham-khảo sách ngoại quốc	175
*Sách trích-dẫn và tham-khảo	177



*Kính Dâng Tổ Quốc Việt Nam.
Kính ghi ơn các vị Anh Hùng Dân Tộc
đã Cứu Nước, Tồn Chứng.
Kính ghi ơn sinh thành của Cha Mẹ.
Ưu ái dành cho thế-hệ Maily, Liêm, Vĩnh.*

Đinh Khang Hoạt

Mục Lục	i
Thay Lời Tựa	1
I/ Thời-đại Cổ Việt	5
A/ Nguồn-gốc dân Việt	5
B/ Triều-đại	9
C/ Lãnh-thổ	11
D/ Thể chế	14
Đ/ Ngoại-giao	15
E/ Đời sống, xã-hội	15
Thời nhà Thục	21
II/ Giá-trị của huyền-thoại ..	25
Các huyền-thoại & truyện cổ tích hai triều Hùng - Thục	25
II-A/ Giá-trị huyền sử	27
II-B/ Truyền-thuyết triều Hùng	30
*Truyền-thuyết -1 “Lạc Long+Âu Cơ”	30
*Ý-thức “Âm - dương hòa-hợp” . . .	34
*Tam Tài giả	35
*Truyền-thuyết 2 “Đầm Nhất Dạ” . .	38
*Truyền-thuyết 3 “Truyện dưa hấu” . .	45
*Truyền thuyết 4 “Phù Đổng Thiên Vương.”	48
*Truyền thuyết 5 “Bánh Dầy, Bánh Chưng”	53
*Truyền thuyết 6 “Thánh Tản Viên . . .	54
II-C/ Huyền sử thuộc triều Thục	61
*Truyền thuyết 1 “Thần Kim Quy” ..	61
*Truyện 2: Thành Cổ Loa	63
*Truyện 3: Truyện Cao Lỗ	65

Thay Lời Tựa.

Thái Bình Dương, Long vương tiềm ẩn,¹
Vốn xưa nay, chẳng vấn sự đời.
Có sao, ma quỷ đương thời,
Kéo nhau đùa giỡn, coi trời bằng vung.²

Này ta bảo: Chúng bay lũ cướp.
Trời ra oai, sấm chớp đùng-đùng,
Đại-dương sóng dậy chín tầng
Quét đảo nhân-tạo khắp vùng Trường Sa.³

Hạm **Liêu Ninh** đem ra hù dọa.
Thành **liều mình** ⁴ rước họa vào thân.
Bảo cho dân Chiếm ⁵ ngu dân,
Buồng ngang, trơ-tráo, bất tuân pháp đình.

Lại to gan dự trình thù-dệt,
Vội manh tâm tiêu-diệt lân bang.
Trộm văn, đổi sử ngang-tàng ⁶
Đại Hán đứng nghĩa điểm-đàng gian-manh.

Dân trộm cướp không màng danh-dự,
Luật phán rồi vẫn cứ tỉnh-bơ.⁷
Chủ quyền bãi Ca-Bô-Rô ⁸
Nhận đại là bãi ‘ao nhà’ quá trơ!

Thêm Hoàng, Trường nhận vợ ⁹ hai đảo,
Lại tráo-trâng, ‘cãi cối cãi chầy’ !
Manh tâm Hán hóa xưa nay,
Vì dân vì nước, ra tay anh-hùng.

“Cây nhờ gốc, xanh cành tươi ngọn,
Nước có nguồn, biển cả sông sâu”.¹⁰
Cần thức-tỉnh trước Ba Tàu,
Chủ-động văn-hóa đứng đầu đấu-tranh.

Dừng gục mặt trở thành cầm thú;
 Dừng hóa thân làm lũ tay sai.
 Để rồi chuốc lấy mả-mai,
 Tôi đòi bán nước, là loài chó săn!
 Để hối-hận, ăn-năn quá muộn!
 Máu đồng bào đổ nhuộm nơi-nơi!
 Sống đê nhục, kiếp tôi đòi,
 Khéo che, khéo đẩy, cũng lòi cái đuôi!
 Trau giò sử, để nuôi hồn nước,
 Nên sáng soi từng bước, từng câu.
 Xưa nay, ý đẹp cao sâu
 Không nằm trước mắt, mà cầu ngoại ngôn.¹¹

“Đường lịch sử mưa tuôn vằn-vũ
 Nòi Rồng Tiên thác lũ bao phen.
 Cùng về ôn cuộc trăm năm
 Đuổi quân xâm-lược, duyên tròn lại duyên.

Trăm con một bọc
 Nòi giống Rồng Tiên,
 Nghìn năm sau trước một thuyền
 Nghĩa thề non nước tình nguyên nước non.

“Vâng, hôm nay cưỡi ngựa thần lên đỉnh Sóc
 Giục phi nhanh lên tận chín tầng trời.
 Lật sổ Nam Tào,
 Giở trang Bắc Đẩu,
 Xóa màn hư cấu.
 Tờ thiên thư, chép lại mấy dòng thơ
 Thơ rằng:
 Có con sông nào không xuôi về biển,
 Có biển nước nào chẳng bốc thành hơi.
 Hơi lên kết đọng mây trời,
 Gió đưa mây đến từng nơi non ngàn.
 Mây kết thành mưa

Mưa tuôn ào-ạt,
 Nước tinh truyền tắm mát đầu non.
 Nước đi là để về nguồn
 Tình ta qua những trang buồn lại vui.
 Rồi ta đếm tuổi cuộc đời ,
 Trong ta, cội đất cội trời giao nhau.
 Nghìn năm sau trước, trước sau
 Đố ai dựng vách ngăn rào núi sông.
 Nặng lòng thệ hải, minh sơn,
 Càng truân-truyền lắm, tình thêm mặn-mà.”¹²
 Muôn năm vẫn nước non nhà
 Thu Đông dù trải vẫn là nguyên Xuân..

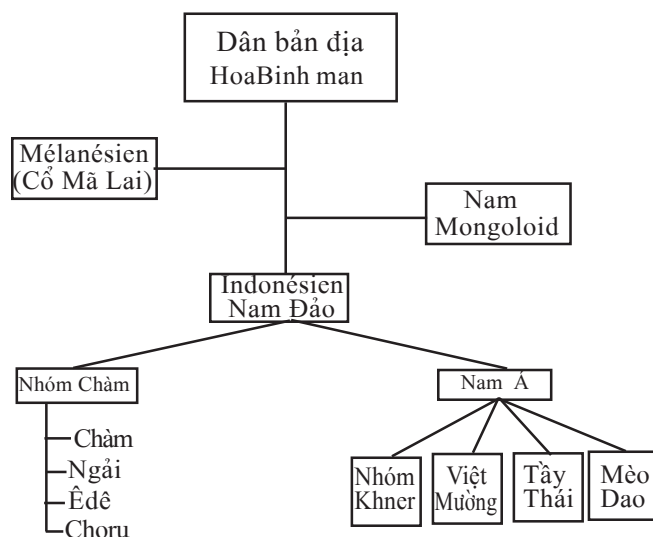
Cẩn đề,
 Duy Khang



Lạc Việt gom lại thành một nước, lấy tên là Văn Lang, và người đứng đầu xưng là Hùng vương.

Tóm lại, về chủng tộc, qua các công-trình khảo-cổ học, nhân-chủng học, ngôn-ngữ học. địa-chất. Di truyền học (DNA), cổ-sử học, v.v...xác-quyết **chủng-tộc Việt không phải từ bên Tàu,** ¹⁴ **mà là người bản địa (HoaBinh man), sau pha-trộn với các chủng Cổ Mã Lai (Mélánésien), nam Mongoloid, Nam Đảo (Indonésien);** tiếp sau phân thành hai nhóm Chàm và Nam Á. Nhóm Nam Á gồm các nhánh: Khmer, Việt, Mường, Tày Thái, Mèo Dao.

SƠ ĐỒ HÌNH THÁNH CHỨNG TỘC VIỆT



I/ Thời Đại Cổ Việt.

A/ Nguồn Gốc Dân Việt:

Khi tìm hiểu về nguồn gốc dân-tộc Việt, qua các cuốn:

“*Vấn Đề Văn Hóa Việt*” (xuất-bản năm 1994),

“*Tinh Hoa Sử Việt*” (xuất-bản 1999),

“*Hiểm Họa Xâm Lăng & Đồng Hóa từ Trung Quốc*” (xuất-bản 2008). của cùng soạn-giả.

Qua các sách trên, nay xin bổ-túc để dứt điểm những thắc-mắc, và cũng để dẹp tan những mưu-đồ xóa bỏ nguồn-gốc Việt, mà chính-sách “*Thiên Triều chủ-nghĩa*” của Tàu từng chủ-trương, hoặc thời thực-dân Pháp đô-hộ, cố tình lung-lạc tình-tự dân-tộc trong tinh-thần đấu-tranh của người Việt...

Nếu phân-loại:

☐ **Theo giả-thuyết** cho đến nay có 4 thuyết:

1- H. Maspéro, O. Jansé, Lê văn Siêu,... cho rằng: “*Người Việt Nam có nguồn-gốc bản địa.*”

2- Theo L. Aurousseau, Đào Duy Anh, ... cho rằng: “*Người Lạc Việt từ đường biển, và người Thái từ Quảng Tây và Vân Nam di-cư đến Bắc Việt, và vì có văn-hóa cao hơn nên đồng-hóa thổ dân Indonésien.*”

3- Theo G. Coèdes, H. Kahlke, Bình Nguyên Lộc,... thì người Việt Nam gốc từ vùng Tây Tạng.

4- L, Finot lại cho “*Người Việt có liên-quan với cư dân các quần đảo Thái Bình Dương.*”

□ **Theo thời-gian**, ta có:

- Người thái cổ (Arche - Anthropus, Java-man, *Hoabinh-man* có vào khoảng 100,000 - 240,000 năm về trước).

- Người thượng cổ (Paleo-Anthropus, Homo Erectus, có vào khoảng 40,000 - 100,000 năm về trước).

- Người linh nhân (Neo-Anthropus, Homo-Sapiens - Sapiens có vào khoảng 40,000 năm về trước, cuối thời đồ đá cũ chuyển sang đồ đá mới.¹³

- Tiếp-theo thời-kỳ “*linh nhân*” (Homo-Sapiens- Sapiens) loài người chia làm 3 nhánh chính:

* *Đại chủng Á* (Mongoloid) [*không có nghĩa là giống Mông Cổ (Mongol)*], chia làm hai nhánh: *Bắc Mongoloid* ở vùng Sibéri, Bắc Á và Trung Á. *Nam Mongoloid* từ Trung Á đến Nam Á đến Indonesia.

* *Đại chủng Europoid* (Đại chủng Âu) ở vùng lục-địa Âu châu.

* *Đại chủng Australoid-Negroid* (đại chủng Úc-Phi), từ Phi Châu đến hải đảo Thái Bình Dương.

□ **Theo màu da**, ta có ba đại chủng:

- *Da vàng*, đại chủng Á (Mongoloid).

- *Da trắng*, đại chủng Âu (Europeoid).

- *Da đen*, đại chủng Úc-Phi (Australoid-Negroid).

Nếu chỉ căn-cứ trên những *đặc-điểm trung tính* (*không thay đổi*) như *nhóm máu*, *vân tay*, *hình thái răng*, nhân-loại thành hai khối lớn:

- *Úc- Á*.

- và *Phi - Âu*.

□ **Theo Sử Học**:

Theo sử liệu từ 1945 trở về trước, đại-loại ta có thể chia làm ba nhóm: *Sử gia Tàu*, *sử gia Việt* và *sử gia thời Pháp thuộc*. Ở mỗi nhóm mang một sắc-thái riêng.

*- Nhóm sử-gia Tàu nổi tiếng như Tư Mã Thiên, Ban Cố, Lịch Đại Nguyên, Thẩm Hoài Viên, tiếc vì thái-độ kỳ-thị Hoa - Việt, nơi các sử gia này, ngoài ra mang sẵn lập-trường bảo-vệ quyền lợi Hán tộc xâm-lược, nên đã bóp-méo sự thật, hay nói cách khác các sử-gia này viết theo quan-điểm và thái-độ của kẻ thắng thế xâm-lược.

*- Nhóm sử-gia Việt, nhờ sau những cuộc chiến thắng đánh đuổi Bắc xâm và những thời-kỳ độc-lập, tự chủ, nhu-cầu khai-quật huyền-sử dân-tộc được đặt ra như một sử-mạng lịch-sử. Tiếc rằng, những sử-gia Việt trước cũng như gần đây đều đã dựa vào các tài-liệu, thư-tịch mệnh danh là Hán thư, Đường thư của Hán tộc viết về Giao Châu, hoặc thiếu chứng-tích khảo-cổ, hoặc quá nặng phần lý luận, hoặc thiên theo một trường-phái, nên đã tạo ra một số sai lầm có ảnh-hưởng đến chính sử.

□ **theo Khảo Cổ học**:

Đầu thời-kỳ đồ đồng, người Việt gồm khoảng 15 nhóm khác nhau sống trên vùng núi miền Bắc và miền Châu-thổ sông Hồng; hơn 12 nhóm **Âu Việt** sống ở vùng Đông Bắc, ngoài ra còn một nhóm người sinh sống ở lưu-vực thuộc Thanh - Nghệ - Tĩnh ngày nay.

Để tiện việc trao đổi, buôn-bán, phòng chống lụt lội, chung lưng chống lại kẻ thù, một số bộ lạc

An Dương vương.

“Theo sử Tàu thì vua đầu-tiên của họ là Hoàng Đế, vua đầu-tiên của Việt gọi là Viêm Đế. Hai ông vua này là tiêu-biểu của hai hành trong 5 hành (ngũ hành): Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

“Dân Việt chiếm-lãnh núi Thái Sơn được một thời-gian bị dân Hán tràn xuống chiếm Thái Sơn, dân Việt lui về phía Nam, lấy sông Dương Tử và Ngũ Hồ, Ngũ Lĩnh làm căn-cứ địa.¹⁸ Trong những cuộc đấu-tranh kịch-liệt chiếm giữ Thái Sơn là đã qua thời “thạch khí”, “đồ đồng” đến “sắt”, nên thời Hùng Vương thứ VII chống giặc Ân, Phù Đổng Thiên vương đã dùng ngựa sắt để chế-ngự lại. Tướng Ân lúc ấy là Cao Tông Vũ, nên trong kinh Dịch mới có câu: “Cao Tông phạt Quỷ phương, Xích Quỷ Nam phương tam niên khắc chế.” và đối-diện với đền Gióng (thờ Phù Đổng) ta còn thấy đền thờ Vũ Dịch (thờ giặc - tương tự như đền Phạm Nhan (Nguyễn Bá Linh), một tên Tàu gián-điệp chỉ đường cho quân Mông Cổ (Nguyên) xây đối diện với đền thờ đức Trần Hưng Đạo (khi lễ Thánh Gióng thì tất nhiên quay mông sang đền Vũ Dịch, cũng như, khi lễ đức Thánh Trần thì quay mông sang đền Phạm Nhan).

Căn cứ vào lịch-trình lập quốc của Tàu, cổ sử Việt cũng như cổ sử Tàu, địa-bản của Tàu và Bách Việt được phân-định rõ-rệt.

- Lãnh thổ Tàu trong thời-kỳ lập quốc (2697 trc. C.N.) cũng chỉ tới sông Trường Giang (trong vùng Tây Bắc Hoa Trung ngày nay, giữa trung lưu hai sông Hoàng Hà và Dương Tử). Trong khi đó, Bắc từ Đông Đình hồ, Nam giáp nước Hồ Tôn, Ba Thục tiếp phía Tây, Đông cận biển Đông Hải là địa-bản của Kinh Dương vương (Vua của vùng Châu

B/ Về Triều Đại:

Có ít nhất 18 đời (triều, chi?) Hùng vương trong thời-đại Hồng Bàng, từ 2879 cho đến năm 258 TCN. Ngoài truyền-thuyết còn có nhiều bằng-chứng khảo-cổ -học, như trống đồng Đông Sơn được tìm thấy có cùng niên đại với thời Hồng Bàng, thể-hiện một nền văn-hóa đồ đồng rất phát-triển.

Thời-kỳ Hồng Bàng theo truyền-thuyết và đã sử cho rằng bắt đầu từ năm 2879 TCN làm niên đại của Kinh Dương vương với quốc-hiệu Xích Quỷ.

Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Đế Minh là cháu ba đời vua Thần Nông đi tuần thú phương Nam, đến núi Ngũ Lĩnh gặp một nàng tiên, lấy nhau đẻ ra Lộc Tục. Sau đó Đế Minh truyền ngôi cho con trưởng là Đế Nghi làm vua phương Bắc, phong Lộc Tục làm vua phương Nam, tức Kinh Dương vương.

Kinh Dương vương lấy con gái Động Đình Hồ Quân là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm. Sùng Lãm nối ngôi tức Lạc Long quân. Lạc Long quân lấy Âu Cơ sinh ra một bọc trăm trứng, thành trăm con trai, ấy là tổ tiên của Bách Việt,¹⁵ suy tôn người con trưởng lên làm Hùng vương, nối ngôi vua, dựng nước gọi là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu, truyền 18 triều, đều gọi là Hùng vương.¹⁶

Theo “Việt Sử Tân Biên”, quyển 1, trang 86-92, Đại Nam xb. 1956, 18 triều Hùng gồm:

- 1- Viêm Đế
- 2- Đế Minh
- 3- Lộc Tục (Kinh Dương vương)
- 4- Lạc Long quân (Hùng Hiền vương)
- 5- Hùng Quốc vương
- 6- Hùng Hiệp vương
- 7- Hùng Hy vương

- 8- Hùng Huy vương
- 9- Hùng Chiêu vương
- 10- Hùng Vi Vương
- 11- Hùng Định vương.
- 12- Hùng Uy vương.
- 13- Hùng Trịnh vương
- 14- Hùng Vũ vương
- 15- Hùng Việt vương
- 16- Hùng Anh vương
- 17- Hùng Triệu vương
- 18- Hùng Tuấn vương.



== Lãnh-thổ Trung-Quốc thời Hiên-Viên Hoàng-Đế

C/Về Lãnh thổ:

Địa bàn Bách Việt:

Dựa vào cổ sử như “Đại Việt Sử Ký”, “Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục”, “An Nam Chí Lược”, và “Việt Sử Thông Luận” của Lý Đông A:

“Trên giải đất Á Đông mà ngày nay gọi là Trung Hoa (Tàu) thì từ xa xưa có ba (3) sắc dân từng tranh nhau để chiếm Trung Châu (Delta) của miền sông Hoàng Hà lên tới Thái Nguyên (Tàu) để giành lấy núi Thái Sơn làm trọng địa.

“Thế nào là Việt? Việt không phải là tên chúng ta đặt ra sau này, ngày xưa, Việt còn gọi là Viêm - Và thế nào gọi là Hán? Hán là chỉ sự phát tích từ sông **Hán Thủy** và còn gọi là “**Hoa**” (núi Hoa Sơn và “**Hạ**” chỉ nơi quân-tụ ở tỉnh Hạ (Hoa Hạ).

“Trong 3 sắc dân trên, trước tiên dân Việt đã chiếm được núi Thái Sơn¹⁷ và đã phát-sinh ra nền văn-minh của Tàu hiện nay. Những cái gốc Hà Đồ, Lạc Thư, Nam châm, chữ Việt, v.v...là những vật của giống nòi Việt. Rồi từ núi Thái Sơn, dân Việt bị giống Hán từ Thiên Sơn tràn xuống chiếm-lãnh. Dân Việt cứ lui dần về phía Nam, sau tìm được đất Phong Châu dùng làm hoa địa, dựng lại nền-tảng xưa...

“Lúc nhà Tần thống-nhất Trung Nguyên, sai Đồ Thư, Liễu Lộc với Nhâm Ngao cùng Triệu Đà xâm lấn Việt, dân Việt đã chống lại mãnh-liệt. Phong trào chống-chọi thời ấy, người Tàu gọi là Lục Lương hay Cường Lương (bọn dân cứng cổ) và đại-biểu cho phong-trào ấy là Cao Lỗ và Thục Phán

nhiên thuận lợi này đã giúp cho nền nông-nghiệp mau phát-triển.

Trong thời-kỳ này, người Việt dùng những công cụ bằng đá, sau đó được cải hóa bằng đồng, sắt bén và tiện-dụng hơn. Những rìu đá, lưỡi cày, lưỡi liềm, hình ảnh mặc áo tơi làm ruộng đã được ghi lại nơi trống đồng, và tồn-trữ trong bảo-tàng-viện quốc-gia. Di chỉ ở Đồng Đậu tìm thấy những hạt na, hạt trám và di chỉ Hoàng Ngô tìm thấy những hạt đậu.

Ngoài trồng lúa, người Việt còn biết săn bắn, hái lượm, đánh cá, và chăn nuôi.

Qua các dụng-cụ như rìu đá, lưỡi cày, nhạc cụ, và các trống đồng Đông Sơn, Ngọc Lũ, Hoàng Hà, Sông Đà, Cổ Loa đều là sản-phẩm có kỹ-thuật cao của hợp kim. Ngoài đồ đồng, những đồ sắt cũng xuất hiện trong thời kỳ này (*truyện Phù Đổng Thiên vương dùng ngựa sắt và roi sắt dẹp giặc Ân*).

Di tích khảo cổ cho thấy những đồ trang sức bằng đá như vòng đeo cổ, vòng tay, nhẫn,...

- Bên cạnh nghề nông, tiểu công nghệ cũng được phát-triển, như nghề làm đồ gốm để đáp-ứng các nhu dụng hàng ngày. Các loại hình sản-phẩm đồ gốm phong-phú và đa dạng nhưng chỉ là lẻ tẻ trong thôn xóm, chưa trở thành ngành sản-xuất. Do đó, ngành đồ gốm thời kỳ này nếu xếp hạng vẫn chỉ là đồ gốm thô.

- Về thương-mại, vì thời-kỳ này chưa có tiền tệ, chủ-yếu là trao đổi hàng-hóa trong những vùng lân-cận. Sông Hồng là trục giao-thông chính-yếu. Tuy nhiên có những sản-phẩm đã đi xa hơn, như trống đồng Đông Sơn đã sang tới Thượng Mã sơn ở Triết Giang mà các nhà khảo-cổ Tàu ghi nhận đây là chiếc trống đồng minh khí của Văn Lang. Một số trống đồng loại I Heger ở Thái Lan, Mã Lai, Nam Dương, Lào, Miên,

Kinh và Châu Dương thuộc họ Hồng Bàng với quốc hiệu là Xích Quỷ). Địa bàn này bao gồm nhiều thị tộc trong khối Bách Việt (*Ngô Việt, Mân Việt, U Việt, Âu Việt, Đông Việt, Nam Việt, v.v...*).

Theo sử-gia Phạm văn Sơn, tác-giả Việt Sử Tân Biên, trang 75 có ghi: “*Vào thế-kỷ thứ 30 trc. C.N., dân Hoa sống ở dọc sông Hoàng Hà. Tại lưu vực sông Dương Tử có dân bản thổ, phía Bắc có dân Miên, Man; phía Nam vùng Động Đình và Phiên Dương có dân Việt ở rải-rác đến Ngũ Lĩnh, các dân này có trình-độ xã-hội canh-nông...*”

Trong cuốn “*Trăm Việt Trong Vùng Định Mệnh*”, xuất-bản tại Hoa Kỳ 1997, tác-giả Phạm Việt Châu đã viết:

Theo Từ Hải, danh xưng Bách Việt là tiếng để chỉ “chỗ hỗn-tạp gồm bảy tám ngàn dặm của trăm giống Việt từ Giao Chỉ đến Cối Khê, mỗi xứ đều có dòng họ riêng”.

Theo ‘*Lĩnh Nam Chích Quái*’, quyển 1, Hồng Bàng thị truyện, nước Văn Lang :

- * Đông giáp Nam Hải, tức biển Đông,
- * Tây tới Ba Thục.
- * Bắc tới hồ Động Đình.
- * Nam tới nước Hồ Tôn, (Chiêm Thành).

Qua truyền thuyết, hai bộ tộc Lạc Việt và Hồng Việt theo Hùng Vương 3 định cư tại miền châu thổ sông Hồng và Trung-du Bắc Việt ngày nay. Hùng Hiến vương làm vua nước Văn Lang, đóng đô ở Bạch Hạc, Vĩnh Yên, chia nước làm 15 bộ: ¹⁹

- 1- Văn Lang : Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên.
- 2- Châu Diên : Sơn Tây, vùng Ba Vì.
- 3- Phước Lộc : Miền đồng bằng.
- 4- Tân Hưng : Hưng Hóa, Tuyên Quang.

- 5- Vũ Định : Thái Nguyên.
- 6- Vũ Ninh : Bắc Ninh và một phần Hoa Nam.
- 7- Lục Hải : Lạng Sơn & một phần Quảng Tây.
- 8- Ninh Hải : Quảng Yên & 1 phần Quảng Đông.
- 9- Dương Tuyền: Hải Dương.
- 10- Giao Chỉ : Hànội, Hưng Yên, Nam Định.
- 11- Cửu Chân : Thanh Hóa.
- 12- Hoài Nam : Nghệ An, Hà Tĩnh.
- 13- Cửu Đức : Lưu vực sông Đà, sông Mã.
- 14- Việt Thường : Quảng Bình, Quảng Trị.
- 15- Bình Văn : Ninh Bình.

Đến đây, ta thấy **sự khác biệt địa bàn Xích Quỷ (thời Kinh Dương vương) với địa bàn Văn Lang (Tiểu Việt).**

Các nhà khảo-cứu xưa, vì cho rằng thời Hùng vương đều là con cháu của Kinh Dương vương mà suy-đoán đất nước của Hùng vương nói chung bao gồm địa bàn của Kinh Dương vương. Thực ra **Văn Lang, nước Việt sau này chỉ gồm một vùng từ Hoành Sơn cho đến miền Nam Quảng Đông, Quảng Tây, từ biển Đông cho đến biên giới Việt-Lào ngày nay.**

Tiếp thời-kỳ Văn Lang là Âu Lạc (chỉ sự hợp nhất Âu Việt + Lạc Việt ²⁰), bắt-đầu từ Thục Phán, kinh-đô ở Phong Khê (nay là Loa Thành, thành Cổ Loa).

D/Về thể chế:

Thời đại triều Hùng là thời-kỳ đầu-tiên xây-dựng đất nước. Hùng vương là tù-trưởng bộ tộc Văn Lang, một bộ tộc mạnh nhất trong cộng đồng người Lạc Việt. Theo “Đại Việt Sử Ký Toàn Thư” và “Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục” chép kinh-đô nước Văn Lang ở Phong Châu thuộc bộ Văn Lang.

Theo “Lĩnh Nam Chích Quái”, Hùng vương cho em mình phân trị làm tướng văn thì gọi là **lạc hầu**, tướng võ là **lạc tướng**, con trai vua gọi là **quan**

lang, con gái gọi là **mỵ nương**,²¹ quan hữu ty (phụ tá cho các tướng) gọi là **bố chính**. Nói chung thể-chế thời Hùng rất đơn sơ, mang nhiều tính-cách “**công xã**”.

Đ/ Về ngoại-giao:

- Lần thứ nhất: Theo “*Thông Chí*” của Trịnh Tiều có ghi lại: *Đời Đào Đường, xứ Việt Thường ở phương Nam sang châu phải qua hai lần thông dịch mới hiểu, dâng một rùa thần cho đế Nghiêu. Rùa này sống đến nghìn năm, mình hơn ba thước, trên lưng có văn khoa đầu ghi việc từ khi trời đất mới mở-mang trở về sau, Vua Nghiêu sai chép lại, gọi là quy lịch.*

- Lần thứ hai: Theo Hậu Hán thư, quyển 86 có ghi: *Đời Chu Công năm thứ sáu, sứ giả nước Việt Thường dâng chim trĩ trắng cho Chu Công. Cống Bạch Trĩ là để tỏ ý ca ngợi sự ra đời của minh chúa. Việc này, trong “Việt Sử Lược”, quyển thượng có ghi tóm tắt: “Việt Thường thị mới đem dâng chim trĩ trắng”. Trong “Đại Việt Sử Ký Toàn Thư”, ngoại kỷ quyển 1. ghi cụ thể hơn: “**Nước Việt ta lần đầu sang thăm nhà Chu, xưng là Việt Thường thị hiến chim trĩ trắng (bạch trĩ). Chu Công nói: Chính lệnh không ban đến, thì người quân tử không coi người là bề tôi của mình, rồi sai làm xe chỉ nam đưa sứ giả về nước**”.*

E/ Về đời sống xã-hội:

- Nông nghiệp:

Nền kinh-tế chính-yếu trong thời Hùng và Thục An Dương vương là **nông nghiệp trồng lúa nước**. Gạo là nguồn lương-thực chính hàng ngày. Gạo nấu trong nồi,炒 hoặc ống bương.

Nhờ phù-sa sông Hồng tải ra biển từ 50-200 triệu tấn, và là loại phù-sa nhiều chất màu không kém các loại phân hữu-cơ và phân hóa-học. Điều-kiện tự-

. . . chúng tỏ có sự buôn-bán giữa người Việt cổ với các quốc-gia chung quanh.

- Về văn-hóa - tư-tưởng :

Người Việt cổ, từ bước sơ khai, đơn-thuần, sợ hãi trước những sức mạnh của thiên-nhiên (*sấm, chớp bão tố, lụt lội, ...*) cho đến khi dần hiểu các hiện-tượng trời đất, khắc-phục các trở-ngại tiến đến yêu-mến thiên nhiên, gần-gũi thiên nhiên - coi Trời - Đất - Người, **cả ba một thể**.²² Tín-ngưỡng của người Việt cổ gọi là “Đạo ba ” hay Việt đạo. Đồ tự khí đơn giản, một mảnh ván vuông-vắn đóng trên trụ cột hay một thân cây cắt cao vừa đủ, gọi là “*bản Thiên*”. Trên bản thiên có ba chung nước (**chung thủy**).²³ Ba chung nước tức là chung thủy đối với Trời - Đất - Tiên nhân.

Sự hình-thành và chuyển-dịch của vũ-trụ tương quan mật thiết với con người được hình-thành qua nhiều nghìn năm, từ khi người Việt du canh tìm đất mới, đại tộc “*Bat Diểu* ” đổi tên thành Việt tộc (Việt = vượt). Quá trình du canh, vượt hiểm-nguy, khắc-phục thiên-nhiên làm người Việt tiên sử suy-tư và chép lại qua các ký-hiệu trên mai rùa (*Quy tàng*), mà sau được hệ thống hóa thành Liên Sơn Dịch (*sự thay đổi của vũ trụ và con người*).

Tương truyền “*Lạc thư*” chính là “*Qui tàng*” và “*Liên-sơn*” là “*hà đồ*”, hai thứ này tìm được ở sông Hoàng Hà và sông Lạc. Phải chăng truyền-thuyết này có dính-dấp với tập truyền của người Việt xưa cũng như cận kim sống bằng nghề nông, thường tụ-tập thành làng bên cạnh những con sông. Họ có thói quen là dấu vật-dụng quý-giá dưới sông, hồ, ao mỗi khi chạy giặc.

Giặc nhà Chu (Châu), dân du-mục không những cướp đất-đai, còn Hán hóa dân Việt và tìm-tòi, tước



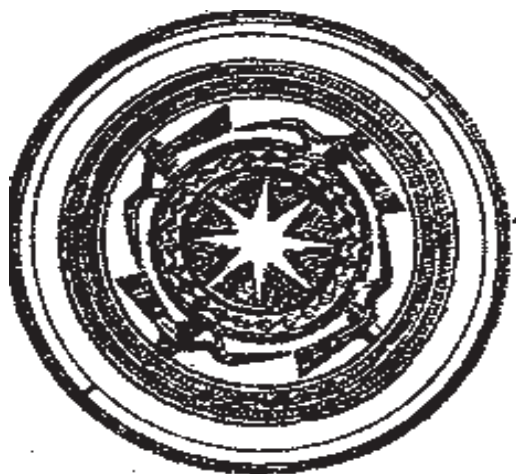
Địa bàn Giao Chỉ (Lạc Việt thế kỷ thứ III trước CN.

đoạt văn-hóa Việt. Hai báu vật “*Qui Tàng*” và “*Liên Sơn*” theo sử Tàu viết: “*Hà Đồ đã tìm được ở Hoàng Hà, và Lạc Thư tìm thấy ở sông Lạc*”.

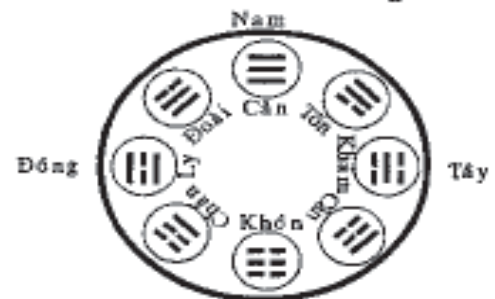
Hơn nữa, cốt yếu của Kinh Dịch là nói về Tam Tài (*Thiên - Địa - Nhân*). Trong Kinh Dịch xưa nay chỉ có Hà Đồ (*Thiên Đồ*), Lạc Thư (*Địa Đồ*) mà không có nhân đồ ?

Gần đây, nhà nghiên-cứu kinh Dịch, Nguyễn Thiếu Dũng dựa vào các huyền-thoại thời Hùng đã hình-thành được nhân đồ (*Trung đồ*).²⁴

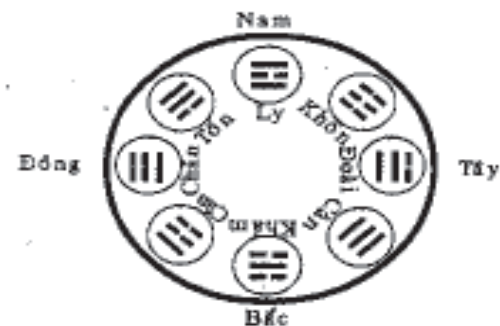
Căn-cứ các điều nêu trên. ta có thể kết-luận Kinh Dịch là do người Việt sáng-tạo, chứ không phải do dân Du mục (Tàu) hình-thành. Phải nói là ***dân du mục đã cướp-đoạt được Qui Tàng và Liên Sơn, tiếp đó có công tu-chỉnh và hệ-thống-hóa nên còn thiếu nhân đồ.***



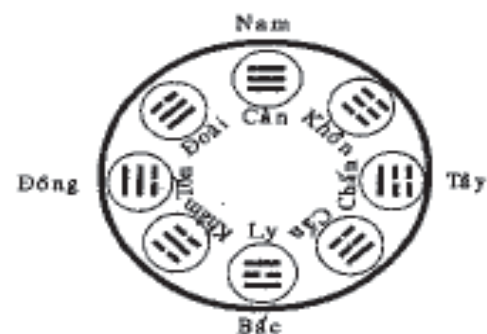
Ba Đồ Hình Chủ Chốt trong Kinh Dịch



Tiên Thiên Đồ



Hậu Thiên Đồ



Trung Thiên Đồ Bát Quái

(Chiếu theo bài “*Kinh Dịch - Di Sản Sáng Tạo của Việt Nam của Nguyễn Thiếu Dũng*)

Vậy, Đình Chàng. Sự chế-tạo đã biết bổ thép vào sắt làm cho công-cụ cứng và sắc hơn.

Tuy công-cụ bằng đá, đa-số đã được thay-thế bằng kim-loại, nhưng đặc-điểm số đồ đá trong nhóm di-chỉ Đường-Cổ, chủ-yếu là rìu bốn mặt. Kỹ-thuật chọn đá, cách chế-tác không còn được chú-ý như trước, và số lượng cũng giảm rất nhiều.

Đặc-điểm đồ đồng trong nhóm Đường-Cổ là các loại công-cụ như lao, giáo, rìu, mũi tên. Những công-cụ này có thể vừa dùng cho việc sản-xuất nông-nghiệp vừa dùng làm vũ-khí khi có chiến-tranh. Di-chỉ ở Vĩnh-Quang và Đình Chàng phát-hiện được loại rìu xéo gót vuông có trang-trí hoa-văn hình vuông.

*** Về mặt Chính-trị và Quốc-phòng:**

Dấu-tích thành Cổ-Loa, kho tên đồng hàng vạn mũi đã tìm thấy ở Cầu-Vực (Cổ-Loa) không những là nguồn giải-thích cho truyền-thuyết nở thần mà còn là dấu-tích của một công-trình quân-sự, và liên-quan đến tổ-chức một đội quân hùng mạnh, quy-mô với tầm-mức một quốc-gia dưới một thể-chế trung-ương chặt-chẽ hơn thời Hùng. Có như vậy, quân-đội thời An-Dương Vương mới đủ khả-năng chặn đứng nhiều cuộc tấn-công quân-sự của Triệu-Đà, khiến Triệu-Đà phải dùng gian kế mới chiếm được Âu-Lạc.

Thời-Đại An-Dương Vương tuy ngắn-ngủi nhưng đã đánh dấu bước chuyển mình lớn trong lịch-sử Việt. Từ tinh-thần thái-hòa của một quốc-gia thuần-túy nông-nghiệp chuyển sang ý-thức dân-tộc thống-nhất chống ngoại xâm; từ cơ-cấu tổ-chức chính-trị “lạc-chế” (Trung-ương điều-hợp - địa-phương phân quyền) ở đời Hùng sang triều Thục, thể-chế trung-ương chặt-chẽ hơn.

Thời Nhà Thục

Thục An Dương Vương

Theo “Việt Nam Sử Lược” của Trần Trọng Kim, nhà Thục trong sử Việt không phải là nhà Thục bên Tàu, vì Ba thục (Tứ Xuyên) đã thuộc về nhà Tần cai trị vào thời ấy - Còn Thục Phán sau khi lấy được Văn Lang, đổi quốc hiệu là Âu Lạc (danh hiệu bao gồm Âu Việt và Lạc Việt).

Sử xưa chép: Thục vương hỏi con gái của Hùng Vương thứ 18 là Mỵ Nương không được, khi mất, dặn con cháu báo thù. Vào năm 257 TCN, người cháu Thục vương tên Phán đem quân đánh chiếm Văn Lang, cải quốc hiệu là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê (nay thuộc huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên). Hai năm sau (255 TCN) xây thành Cổ Loa, thành xây ở Việt Thường, rộng nghìn trượng, cuốn tròn theo hình tròn ốc nên gọi là Loa Thành, nay còn di-tích ở huyện Đông Anh.

Theo “Việt Sử Tân Biên” của Phạm Văn Sơn sau này thì vua Hùng thứ 18 không có con trai, và xét ra không ai tài giỏi hơn phò-mã Sơn Tinh, nên ngài tỏ ý nhường ngôi cho phò-mã. Trong khi đó, vua Thục là con cháu họ Hồng Bàng, nghĩ mình là huyết-mạch họ Hồng Bàng lại không được nối nghiệp, nên quyết định chống lại vua Hùng.

Theo sách Hoài Nam Tử, Quảng Châu ký, và Giao Châu Ngoại Vực ký “Khoảng năm 221 trc. CN. sau khi diệt được nhóm Đông Âu và Mân Việt, Tần Thủy Hoàng sai Đồ Thư đem quân xâm chiếm Lĩnh

Nam, Lạc Dương, Quế Lâm, Nam Hải. Tây Âu cũng bị xâm chiếm, tù-trưởng Tây Âu là Dịch Hu-Tông bị hại, nhân-dân Tây Âu bèn cử Thục Phán lãnh-đạo cuộc kháng-chiến chống quân Tần. Cuộc kháng-chiến kéo dài 10 năm, quân Tần bị hại rất nhiều, Đồ Thư bị giết, nhà Tần đành ngưng lại, thiết-lập bộ máy cai-trị ở các miền đất đai đã chiếm được, lập ra ba quận: Nam Hải (Quảng Đông), Quất Lâm (Quảng Tây) và Tượng quận.”

An Dương vương trị vì tất cả 55 năm từ năm Giáp Thìn (257 TCN) đến năm Quý Tị (208 TCN) là dứt.



An Dương vương & My Châu chạy về Nam Hải.

Đặc-Điểm của Thời-Kỳ An-Dương Vương:

*Cứ theo “Thục An-Dương-Vương Tiên Đế Ngọc-Phả Cổ Lục”, An-Dương-Vương vốn cùng trong đại bộ-tộc “Bách-Việt”, do đó Âu-Lạc chỉ là sự phối-hợp hai bộ-tộc Tây-Âu và Lạc-Việt vào đầu thế-kỷ thứ III trước Tây-lịch.

Nhà Thục thay thế Hùng Vương cũng chỉ là sự xung-đột nội-bộ. Ngay truyền-thuyết dân-gian cũng không coi Thục-Phán như kẻ ngoại-xâm, nên đều tôn thờ cả hai Hùng-Vương và An-Dương Vương.

Mặc-dầu triều-đại An-Dương Vương ngắn-ngủi (257 - 208 trc. T.L.) nếu so với triều Hùng, nhưng lại ghi nhiều biến-chuyển của thời-đại:

* **Về mặt xã-hội**, cùng trong khối văn-minh Bách-Việt và gần-gũi Lạc-Việt, nên trong thời-kỳ An-Dương Vương, đời sống dân chúng Âu-Lạc tương-tự thời Hùng Vương: những ngôi nhà sàn kê cánh đồng lúa; những ngày hội đội mũ lông chim múa hát, tiếp-tục đúc những trống, thạp đồng nổi tiếng, thủ công-nghệ phát-triển cao, sản-phẩm bền hơn trước,...

*** Về Di-tích khảo-cổ:**

Những công-cụ bằng đá được thay-thế bằng kim-loại. Những lưỡi cày bằng đồng dày hơn, lớn hơn và cứng hơn đã tìm thấy tại xóm Nhồi (Cổ-Loa).

Khảo-cổ học đã xếp các di-chỉ trong thời An Dương-Vương thuộc nhóm “Di-chỉ khảo-cổ học Đường-Cổ”. Đó là các di-chỉ đã phát-hiện và khai-quật ở: Phú-Xuyên, Đại-Áng (huyện Thường-Tín), Nam-Chinh (huyện Ứng-Hòa), Vinh-Quang, Chiền-Vậy (huyện Hoài-Đức), Hoàng-Ngô (huyện Quốc-Oai), Gò Chùa Thông (huyện Thanh-Trì), Đình Chàng, Đường-Mây (huyện Đông-Anh).

Thời-kỳ Âu-Lạc đã bước sang thời-đại sắt. Một số lưỡi cuốc sắt đã tìm thấy như ở Đường Mây, Chiền

tạo tập-thể về giấc mơ siêu-ý-thức của thực-tại.” (*Le mythe est une création collective d'un rêve surconscient de la vérité.*), và Laurens Van Der Post, trong *Pattern of Renewal*, trang 9 cũng cho rằng: “Không có bộ thần thoại thì không thể thành một dân-tộc. Dân-tộc nào không có bộ thần-thoại thì không thể được coi là có văn-hóa hay văn-minh, vì bộ thần-thoại là những câu chuyện diễn-tả tinh-thần của dân-tộc ở mức-độ cao nhất, và cũng là di-sản thiêng-liêng của dân-tộc đó.”

Các nhà xã-hội-học nhận thấy trong lịch-sử tiến-hóa của các xã-hội nhân-loại, đặc-biệt ý-thức dân-tộc của Việt mang theo một ý-chí mãnh-liệt và thiêng-liêng. Điểm này đã thể-hiện cụ-thể qua “trống đồng Lạc Việt”.

Trống đồng là hiện-thân của “hồn nước”. Trống đồng là dấu-hiệu uy-quyền của tù-trưởng bộ-lạc, lãnh tụ đoàn-thể. Mỗi khi nổi hiệu trống là để kêu gọi nhân-dân, điều-động ba quân,... Nào trống thúc quân, trống cầm canh, trống ngũ liên, trống thu không, tất cả sinh-hoạt của nhân-dân hầu như khuôn theo nhịp trống.

Trống đồng quả là tượng-trưng cho tinh-thần dân-tộc Việt, cái ý-chí độc-lập, tự cường bất-diệt qua thời-gian và không-gian.

Đời Hậu Lê, quan thái-phó Nguyễn văn-Khải có bài thơ:

*Non Đài châu lại nước bao vây,
Chung đúc anh-linh tại chốn này.
Bầu giốc trên đàn mưa tưới khắp,
Trống khua trời thẳm, giặc tan bay,
Bia rùa, triện đá ngàn sương biếc,
Trát phượng, niêm vàng chói nắng gay.
Kim cổ cuộc cờ bao xóa đổi,
Lấy-lừng chính khí, nước non đầy.*

Xét thư tịch Việt liên-quan đến trống đồng, hay đồng cổ của văn minh Đông Sơn, sách “Đại Nam Nhất

II/ Giá trị của Huyền Thoại

&

*Huyền Thoại và Truyền Cổ Tích
thời Hùng và Thục.*



Bản đồ xưa phân biệt hai sắc dân Du-mục và các bộ tộc trong Bách Việt.

II-A/ Giá Trị của huyền sử

“Huyền-sử chính là di-sản văn-hóa, là sự kết hợp chặt-chẽ bản-chất của truyền-thống, tính liên-tục của văn-hóa, sự quan-hệ giữa già với trẻ, và thái-độ của con người về quá khứ. Cái cơ-năng của huyền-thoại là làm tăng giá-trị của một truyền-thống, rồi dựa vào truyền-thống này, qua việc thần-thánh-hóa các hiện tượng thời cổ xưa, để tạo một giá-trị và uy-tín siêu-việt.” (Taryo Obayashi).

“Bộ huyền-thoại của một dân-tộc là đạo sống của dân-tộc ấy, là yếu-tố quan-trọng trong việc tìm về nguồn.

* Thần-thoại và huyền sử có thể nói là một tín-ngưỡng thần-bí tối cổ ở các xã-hội xa-xưa, khi đoàn-thể ấy chưa ý-thức tự mình là một đoàn-thể độc-lập với hoàn-cảnh chung-quanh. Họ sống chìm vào trong ý-thức tập-thể bàng-bạc, nhưng rất linh-dộng như trong liên-hệ của một “lang” (làng). Tín-ngưỡng này là một sức mạnh liên-kết của một đoàn-thể.

Thần-thoại và huyền sử vốn có một giá-trị tự-tại và ít ra nêu lên quan-niệm sống của một dân-tộc, gói-ghém ý-hướng thâm-sâu của tiền nhân. Thần-thoại và huyền sử của một dân-tộc không những là một quốc bảo, mà còn là một kho tàng bất tận cho nguồn thi hứng và sáng-tác. Ta có thể nói thần-thoại và huyền sử là cốt-lõi của sử học. Thần-thoại bao gồm dĩ-vãng, hiện-tại và tương-lai. Đặc-tính của thần-thoại và huyền sử là “siêu-thời-gian”. Cái lõi của thần-thoại và huyền sử thường đặt trên triết-học nhiều hơn là sử-học.

Paul Diel, trong “Le Symbolisme dans la Mythologie Grecque” đã viết: “Thần thoại là một sáng-

-đâu cũng bị Hồ Tinh hãm hại. Nhân dân hai miền rất lo sợ.

Lạc Long Quân thương dân, một mình một gươm đến sào huyệt Hồ Tinh, tìm cách diệt trừ. Khi Lạc Long Quân đến cửa hang, yêu tinh thấy bóng người, liền xông ra, Lạc Long Quân liền hóa phép, làm mưa gió, sấm sét vây chặt lấy con yêu. Giao chiến luôn ba ngày ba đêm, con yêu dần-dần yếu sức, tìm đường tháo chạy, Lạc Long quân đuổi theo, chém đứt đầu nó. Nó hiện nguyên hình là một con cáo khổng-lồ chín đuôi, Lạc Long quân vào hang cứu những người còn sống sót, rồi sai các loài thủy tộc, dâng nước sông cái, xoáy hang cáo thành một vực sâu, người đương thời gọi là đầm Xác Cáo, đời sau mới gọi là Tây Hồ.

Đẹp yên nạn Hồ Tinh, Lạc Long quân đi ngược lên vùng rừng núi đến đất Phong Châu, Ở vùng này có một cây cổ thụ gọi là cây chiên-đàn, cành lá sum-xuê che kín cả một khoảng đất rộng. Sau bỗng khô héo, biến thành yêu tinh, người ta gọi là Mộc Tinh. Con yêu này hung-ác, quỷ--quyệt lạ thường. Chỗ ở của nó không nhất-định, khi ở rừng này, lúc ở rừng khác. Nó còn luôn-luôn thay hình đổi dạng ẩn-nấp khắp nơi, bắt người để ăn thịt. Lạc Long quân quyết ra tay cứu dân, diệt trừ loài yêu quái.

Qua nhiều ngày gian-khổ mới tìm thấy chỗ ở của con yêu quái. Lạc Long Quân chiến với nó trăm ngày đêm, cuối cùng Lạc Long Quân phải dùng đến chiêng trống làm cho nó khiếp sợ và chạy về phía Tây Nam, sống quanh-quất ở vùng đó, người ta gọi là quỷ Xương Cuồng.

Diệt xong nạn yêu quái, Lạc Long Quân còn dạy cho dân biết cách trồng lúa nếp, lấy ống tre thổi

Thống Chí ”, tập thượng có nói đến “Ở trên núi Khả Lao thuộc huyện An Định, ngày xưa vua Hùng đi đánh trận, đêm mơ thấy thần báo mộng: “Xin có cái trống đồng và dùi đồng giúp nhà vua thắng trận”. Đến lúc vua ra trận, thấy trên không văng-vẳng tiếng trống, quả nhiên vua được thắng.”

* Qua các phát-tích gần đây tại Taiwan, Bắc và Nam Việt Nam, Thái, Mã Lai, Phi Luật Tân, Bắc Úc Châu có thể làm thay đổi các lập luận từ trước về khởi nguồn văn-minh nhân-loại.

Khảo-cổ gia Wilhelm G. Solheim II đã đưa ra nhiều giả-thuyết mới:

- Một số dụng-cụ bằng đá định vào khoảng 20,000 năm trước C.N. đào được ở Bắc Úc Châu có liên-quan đến nền văn-minh Hòa Bình.

Cả hai nền văn hóa Lungshan (Long Sơn) và Yangshao (Ngưỡng Thiên) phát-triển từ nền văn-hóa Hòa Bình.

Theo hai giáo-sư Huard P., và Durand M., thoát đầu người Việt Nam sinh sống ở vùng vịnh Bắc Việt trước đây, do đất phù-sa sông Hồng Hà bồi-đắp, và những người này hợp chủng với người Anh-đô-nê-giêng.

Ông Georges de Gironcourt, nhà khảo-cứu về nhạc cổ, sau khi so-sánh các giọng hát địa-phương miền trung-du và miền ven biển Bắc Việt cũng cho rằng “Dân tộc Việt Nam khai quốc tại miền trên trung châu Bắc Việt.”

Gần đây nhờ đào được nhiều xương người cổ ở miền Bắc Việt. Các nhà khảo-cổ và khoa-học trên thế-giới đều công nhận những cư dân cổ sống tại miền Bắc Việt Nam đã đạt được nền văn-hóa cao.

- Văn-hóa Hòa Bình hay Tiền Sơn Vi có niên -

đại C14 là 33,000 năm + 250 TTL (phát-giác năm 1968 tại Sơn Vi, Vĩnh Yên, Bắc Việt).

- Văn Hóa Sơn Vi sớm: Con người Sơn Vi - Hòa Bình đã xuất-hiện cách đây trên 30,000 năm (di-tích ở Thẩm Khương, Lai Châu, Hòa Bình) có C-14 là 18390 + 125 TTL.

- Văn Hóa Sơn Vi muộn: Những di-tích ở hang Con Moong, Thanh Hóa có niên đại C14 = 11,840 + 15 năm TTL. Sùng Sam (Hòa Bình) với niên đại C14 = 11365 + 80 TTL.

Theo tiến-sĩ Stephen Oppenheimer: Từ khoảng 9,000 đến 10,000 năm về trước, tổ tiên người Việt đã kiến-tạo một nền văn-minh Hòa Bình trồng lúa nước.

Tương-tự, học-giả Peter Bellwood đã cổ võ cho thuyết “lúa nước phải ở vùng nhiệt đới từ Đông Dương xuống Mã Lai, Miến Điện.”

II-B/ Truyền thuyết về triều Hùng

* Truyền thuyết I : Lạc Long quân & Âu Cơ

Theo truyền-thuyết xưa “Ở Lĩnh Nam có một thủ-lãnh tên là Lộc Tục, hiệu Kinh Dương vương, sức khỏe tuyệt-luân, lại có tài đi lại dưới nước, như đi trên cạn. Một hôm, Kinh Dương vương đi chơi hồ Động Đình, gặp Long nữ là con gái Long vương, hai người kết-thành vợ chồng, và ít lâu sau sinh được một trai, đặt tên là Sùng Lãm. Lớn lên, Sùng Lãm rất khỏe, một tay có thể nhấc bổng lên cao tảng đá hai người ôm. Cũng như cha, Sùng Lãm có tài đi lại dưới nước như đi trên cạn. Khi nối nghiệp cha, chàng lấy hiệu là Lạc Long Quân.

Lúc bấy giờ, đất Lĩnh Nam còn hoang-vu, Một hôm, Lạc Long Quân đi đến vùng bờ biển Đông Nam, Lạc Long Quân gặp một con cá rất lớn, Con cá này đã sống từ lâu đời, mình dài hơn năm mươi trượng,

đuôi như cánh bướm, miệng có thể nuốt chửng mười người một lúc. Khi nó bơi, sóng nổi ngất trời, thuyền bè qua lại dễ bị nó nhận chìm, người trên thuyền đều bị nó nuốt sống. Dân chài rất sợ con quái vật ấy. Họ gọi nó là Ngư Tinh. Chỗ ở của Ngư Tinh là một cái hang lớn ẩn sâu dưới đáy biển, trên hang có một dãy núi đá cao ngăn miền duyên-hải ra làm hai vùng.

Lạc Long Quân quyết tâm giết loài yêu-quái, trừ hại cho dân, Lạc Long Quân đóng một chiếc thuyền thật chắc và thật lớn, rèn một thỏi sắt có nhiều cạnh sắc, nung cho thật đỏ, rồi đem thỏi sắt xuống thuyền, chèo thẳng tới Ngư Tinh. Lạc Long Quân đưa cao thỏi, giả cách như cầm một người ném vào miệng cho nó ăn. Ngư Tinh há miệng đón mồi. Lạc Long Quân lao thẳng khối sắt nóng bỏng vào miệng nó. Ngư Tinh bị cháy họng, vùng lên chống-cự, quật đuôi vào thuyền của Lạc Long Quân. Lạc Long Quân liền rút gươm chém Ngư Tinh làm ba khúc. Khúc đầu hóa thành con chó biển. Lạc Long Quân lấy đá ngăn biển chặn đường giết chết chó biển, vớt đầu lên một hòn núi, nay gọi hòn núi ấy là Cầu Đầu sơn, khúc mình của Ngư Tinh trôi ra xứ Mạn Cầu, nay còn gọi là Cầu Đầu Thủy, còn khúc đuôi của Ngư Tinh, Lạc Long Quân lột lấy da đem phủ lên hòn đảo giữa biển, đảo này, nay còn mang tên là Bạch Long Vĩ.

Trừ xong nạn Ngư Tinh, Lạc Long Quân đến Long Biên. Ở đây có con cá chín đuôi, sống đến hơn nghìn năm, đã thành tinh. Nó trú trong một hang sâu, dưới chân một hòn núi đá ở phía Tây Long Biên. Con yêu này thường hóa thành người, trà-trộn trong nhân gian, dụ bắt con gái đem về hang hãm hại. Một vùng từ Long Biên đến núi Tản Viên đều

ba là **con người**, tuy hình-thành sau vũ-trụ, nhưng lại rất quan-trọng. **Vũ-trụ vốn không tên, sức biết con người đến đâu, vũ-trụ có tên đến đó.**

Con người là cái tâm của trời đất, sánh ngang với trời đất, vì có thể “*Tán thiên địa chi hóa dục*” (tựa vào trời đất để tiến-hóa cho cuộc sống). Bởi vậy, nha cách-mạng Trần Cao Vân để lại bài thơ:

“*Vịnh Tam Tài*”

Trời, Đất sinh ta có ý không?

Chưa sinh trời, đất có ta trong.

Ta cùng trời, đất, ba ngôi sánh

Trời đất cùng ta một chữ đồng

Đất nứt ta ra, trời chuyển-động,

Ta thay trời, mở đất mênh-mông

Trời che, đất chở, ta thông-thả,

Trời, đất, ta đây đủ hóa công.



Một bọc trăm con.

cơm, đốn gỗ làm nhà sàn. Dân cảm ân đức, xây cho Lạc Long Quân một tòa cung điện nguy-nga trên ngọn núi cao, nhưng Lạc Long Quân không ở, thường về thủy phủ và dặn rằng: “*Hễ có tai biến gì thì gọi ta, ta về ngay.*”

Lúc bấy giờ, Đế Lai từ phương Bắc đem quân tràn xuống. Đế Lai có người con gái yêu là Âu Cơ. Âu Cơ gặp Lạc Long Quân thấy chàng tuấn-tú uy-nghi đem lòng yêu mến, và tình-nguyện theo chàng.

Ít lâu sau, Âu Cơ có mang, sinh ra một bọc trăm trứng, mỗi trứng nở ra một con trai. Trăm người con đó khỏe-mạnh và thông-minh tuyệt-vời.

Thời-gian trôi qua, Lạc Long Quân sống bên cạnh đàn con, nhưng lòng thường nhớ về thủy phủ.

Một hôm, Lạc Long Quân từ-giã Âu Cơ và nói rằng: “*Ta thuộc loài Rồng, nàng là giống Tiên, khó ở với nhau lâu dài. Nay ta đem 50 con về miền biển, còn nàng đem năm mươi con về miền núi, chia nhau trị-vì các nơi, kẻ lên núi, người xuống biển, nếu gặp sự nguy-nan thì báo cho nhau biết, cứu-giúp lẫn nhau, đừng có quên.*”

Người con trưởng ở lại Phong Châu, được tôn làm vua nước Văn Lang, lấy hiệu là Hùng Vương. Vua Hùng chia nước mười lăm bộ, đặt tướng văn gọi là lạc hầu, tướng võ là Lạc tướng. Con trai vua là Quan Lang, con gái vua là Mỵ Nương. Ngôi vua đời-đời gọi chung danh hiệu là Hùng vương.

Do sự tích này, dân tộc Việt kể mình là dòng giống Rồng Tiên.

(Phỏng theo “*Truyền Thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ*” trong truyencotich/truyenthuyet/2006/11.html).

*

Qua huyền-thoại này, ta thấy:

* Ý-thức “*Âm-dương hòa-hợp - Có hòa hợp mới tương sinh*”.

- Tiên (Âu Cơ), biểu-tượng cho tinh-thần trong sáng, đôn-hậu, phóng-khoáng, bao-dung (Người ta thường ví: *Đẹp như tiên, lộng-lẫy như thần tiên, xướng như tiên,...*).

- Rồng, biểu-tượng cho, đại dũng, đại trí.

- Núi là nơi tiên ngự, biển là chốn rồng ẩn.

- Mẹ Âu Cơ đem 50 con lên núi, Long quân dẫn 50 con xuôi biển. Vì vậy mà núi sông là “*Đất Mẹ, quê Cha*”. Nói đến đất nước là nói đến núi sông, ta nghĩ đến Tiên Rồng.

Truyền-thuyết Rồng Tiên với bọc 100 trứng chính là thông- điệp về hòa-hợp và tình đoàn-kết, nghĩa yêu thương giữa các dân-tộc anh em, đồng bào, mà còn chứa đựng một thông-tin về di-sản tinh thần vô giá của dân-tộc Việt đã được tổ tiên chúng ta bí-mật cất giữ.

Chính truyền-thuyết *Lạc Long - Âu Cơ*, truyện *Hồ Tinh, Mộc Tinh, Ngự Tinh*, mà nhà nghiên-cứu Dịch Lý Việt Nam, Nguyễn Thiều Dũng đã hoàn-thành sứ-mạng thiết-lập được “**Trung Thiên Đồ**” hay “**Nhân Đồ**” mà xưa nay Dịch Lý dù trải qua mấy nghìn năm chỉ có “*Tiên Thiên Đồ*” (Hà Đồ) và “*Hạ Thiên Đồ*” (Lạc Thư), mà không có “*Trung Thiên Đồ*” (Nhân Đồ) để nêu rõ “*Tam Tài*” (Thiên - Địa - Nhân).

“Âm” và “Dương”, cứ theo “*Hệ Từ Thượng Truyện*”, tiết thứ nhất, chương thứ năm: “*Nhất âm, nhất dương chi vị đạo*”, nghĩa là sự lưu-hành trong

vũ-trụ chỉ có âm dương.”

Bàn về “âm”, “dương”, theo sử sách, dân Hoa Hạ (Hán) trước khi tiến chiếm miền Nam, họ chưa có ý-niệm rõ-ràng về lý vận-hành âm - dương, nên họ không có từ *âm* và *dương*.

Theo các nhà ngôn-ngữ học, hai từ *Yin* (âm) và *Yang* (dương) bắt nguồn từ hai tiếng **Ina** và **Yang** trong ngôn-ngữ Đông Nam Á cổ Đại (Bách Việt), với nghĩa gốc là “*mẹ*” và “*cha*”.

“*Triết-lý âm dương, tư-tưởng về bản-chất của vũ-trụ có tương-quan chặt-chẽ với sinh-hoạt nông nghiệp. Trong nghề nông, sự sinh-sôi nảy-nở của hoa mầu cũng như của con người là mối quan-tâm hàng đầu (Được mùa và gia-đình đông-đức).*”

“*Sự sinh-sản của con người do hai yếu-tố: cha và mẹ, nữ và nam; còn sự sinh-sản hoa mầu thì do đất với trời (trời sinh đất dưỡng). Việc hợp nhất của hai cặp “mẹ, cha” và “đất, trời” chính là những khái-quát-hóa trên con đường đi đến triết-lý âm - dương.*”

“*Sống trong hoàn-cảnh nghề trồng lúa nước, người nông-dân thường tiếp-xúc với những hình-thái đối-lập như “úng - hạn”, “nắng - mưa”, đầm mình trong nước lạnh, và phơi mình dưới nắng lửa. Bản thân cây lúa cũng là loài thực-vật, gốc ngâm trong nước (âm), ngọn tắm trong nắng nóng (dương). Đến dịp nảy bông, thì hoa lúa chỉ phơi mầu vào giờ Ngọ (giữa trưa lúc dương khí thịnh), và giờ Tý nửa đêm lúc âm khí thịnh, để hấp-thụ đủ khí âm dương của trời đất mà biến thành hạt lúa...*”

* **Tam Tài giả** = Thiên - Địa - Nhân.

Nếu chỉ có âm (**Đất**) và dương (**Trời**) thì dù có vũ-trụ thì chỉ là vũ-trụ không hồn. Vai-trò thứ

Nhà vua tưởng con mình làm phản, bèn sai đem quân trừng phạt.

Nghe tin quân triều-đình tới, Tiên Dung nói với quân dân dưới trướng: “Ta đâu dám cãi lệnh vua cha!”

Đến sáng hôm sau, quân lính triều-đình và nhân dân trong vùng đều ngạc-nhiên trước sự lạ chưa từng có. Những thành-quách, lâu-đài quân lính đều biến tất cả, giữa có một cái đầm rộng mênh-mang. Duy chỉ có cái nền cung của hai vợ chồng Đồng Tử vẫn còn.

Người ta gọi cái đầm đó là “Đầm Một Đêm” (Đầm Dạ Trạch) và cái nền là “Bãi Tự Nhiên.”

(Phỏng theo “Lĩnh Nam Chích Quái” của Trần Thế Pháp trong vi.wikipedia.org/wiki/:inhnamchichquai.)

Qua câu truyện trên, về mặt tư-tưởng ta thấy

Xã-hội Việt vào thời Hùng là xã-hội nông nghiệp . Nghề nông gắn liền với thiên-nhiên, nên nông dân Việt giàu tình-cảm, bình-dị và phóng-khoáng.

Mối hòa-đồng giữa con người với thiên-nhiên đã được diễn-tả qua ca-dao như:

Gió vào ve-vuốt má đào;

Má đào quyện gió, lối nào gió ra?

(Ca Dao)

Thiên-nhiên mang tình người, lòng người trải rộng vào thiên-nhiên

Vì sương cho núi bạc đầu,

Vì chưng gió thổi cho rêu-rĩ hoa!

(Ca Dao)

Thiên-nhiên, cây-cỏ cũng lấy nét lãng-mạn, tình-tử của con người:

Vì mây cho núi lên trời,

Vì cơn gió thoảng, hoa cười với trăng.

hay *Non xanh bao tuổi non già?*

Vì chưng sương tuyết hóa ra bạc đầu!

(Ca Dao)

Thơ Vĩnh

Long Quân & Âu Cơ

Thuở lịch-sử hỗn- mang mờ-mịt

Họ Hồng Bàng khởi dựng Văn Lang.

Lạc Long quân gặp nàng Tiên nữ

Tượng Rồng - Tiên, ²⁵ phối-hợp âm - dương.

Bọc trăm trứng, ²⁶ dị thường cho lạ,

Lời sâu xa, ý ngoại ngôn từ.

Cùng giống nòi, coi như một bọc .

Cha giống Rồng, ngang dọc biển khơi.

Mẹ dòng Tiên thanh-thời non cảnh.

Cặp Mẹ Cha phúc hạnh hài-hòa

Buổi chia con, ²⁷ mong hoa kết trái,

Để mở mang bờ cõi nước nhà.

Mạnh Xuân Tân Dậu, 2017.

Duy Khang

Truyện thuyết 2: Truyện **Đầm Nhất Dạ** (Đầm hình-thành sau một đêm), và Bãi Tự Nhiên.

Đời vua Hùng thứ ba, ở Chử Xá có hai cha con Chử Cù Vân và con là Chử Đồng Tử sống vui vẻ trong túp lều ở trên bãi cát.

Không may, một hôm xảy ra hỏa hoạn thiêu trồn túp lều, hai cha con Chử Đồng Tử chỉ còn một chiếc khố độc nhất, mỗi khi ra ngoài thay nhau để che thân. Ít sau, người cha qua đời. Chử Đồng Tử không nỡ chôn cha một cách trần-trồng, bèn cuốn khố để chôn cha.

Từ đó Chử Đồng Tử phải dấn thân mình nửa người dưới nước, mỗi khi đổi cá lấy thực-phẩm với thuyền bè qua lại trên sông.

Một hôm, mọi người kháo nhau có thuyền của công-chúa sắp tới địa-phương. Từ đằng xa, chiếc thuyền sơn hiện ra mỗi lúc một gần, có cờ quạt, chiêng trống đàn sáo vang động ca một khúc sông. Chử Đồng Tử bèn nấp vào bụi lau ở bãi, rồi lấy cát vùi kín thân mình.

Không ngờ vào lúc đó, công-chúa Tiên Dung sai cấm thuyền, và vây màn ngay bụi lau nơi Chử Đồng Tử ẩn nấp để tắm. Trong khi tắm, nước dội vô tình làm lộ thân hình Chử Đồng Tử. Công-chúa kinh ngạc, tưởng là ma quái, toan la lên, nhưng thấy Chử Đồng Tử trầm-tĩnh kể rõ sự tình.

Nghe xong, công chúa cảm-động trước chí tình của người con có hiếu, bèn phán Đồng Tử mau tắm rửa, và ban quần áo mặc, rồi cùng về thuyền.

Trước mặt mọi người trên thuyền, công-chúa tuyên-bố: “Người này, do duyên đã định, sẽ là chồng ta ”.

Tất cả đều theo ý Tiên Dung. Nhưng sau khi

đưa tin về triều-đình, vua Hùng nổi giận và phán: “Tại sao nó không chờ hỏi ta. Từ nay hễ nó vác mặt về Phong Châu, ta cho phép lạc-tướng chém đầu nó trước rồi tâu sau ”.

Nghe tin, vua cha giận-dữ, hai vợ chồng Đồng Tử quyết-định cho các người theo hầu được về với triều-đình, hay trở về quê-quán sinh sống.

Hai vợ chồng sống một cuộc đời mới, công-việc buôn bán mỗi ngày một khá. Một hôm Chử Đồng Tử theo một khách buôn, định ra nước ngoài mua hàng tận gốc để có lời to.

Thuyền đi về phương Nam, đến ngọn núi tên gọi Quỳnh Viên, thuyền dừng lại lấy nước ngọt.

Đồng Tử xuống thuyền lên đảo, vui chân lên tận đỉnh đảo, có một am nhỏ, gặp một đạo sư ngồi nhập thần bên phiến đá, như chờ đợi Đồng Tử.

Hai người đàm đạo quên cả giờ giấc, khi bọn lái buôn đến gặp Đồng Tử, Đồng Tử trao tất cả vàng bạc cho họ và nói: “Các bạn tiếp-tục đi đi, tôi ở đây cho đến khi thành đạo ”.

Đồng Tử hiểu đạo rất mau, Đạo sư còn cho Đồng Tử nhiều phép màu. Cho đến khi thuyền buôn trở lại đón Đồng Tử, anh được Đạo sư trao cho một chiếc gậy và một cái nón mà bảo:

Nay con có thể hạ sơn hành đạo giúp đời. Ta giao cho con hai vật này, Đồng Tử truyền đạo lại cho vợ. Một hôm trời đã tối, không một quán trọ, họ nghỉ trên một bãi cỏ, Đồng Tử cắm cây gậy xuống đất rồi úp nón lên, bỗng có tiếng chuyển động - phút chốc trên bãi cỏ hiện lên lâu-đài nguy-nga tráng-lệ, đầu-đau cũng có người hầu, quân lính canh gác. Nhân dân trong vùng lũ-lượt lại dâng quà và chào mừng hai vợ chồng Đồng Tử.

Tiếng đồn sau cùng đến triều đình Hùng Vương.

Vĩnh
Tiên Dung & Chủ Đồng Tử

Lĩnh Nam nhiều núi liền sông,
Tiên Dung rong-ruổi thuyền rồng vui chơi.
Hồ đầm tôm, cá ngon tươi,
Giúp chàng Đồng Tử, cuộc đời bớt lo.
Cơ trời run-rủi dẫn đo,
Duyên may đẹp tốt cũng do nơi mình.
Tự-do luyến-ái trữ-tình,
Quây màn tấm mát, lộ hình nên duyên.
Vua cha nổi giận phán truyền:
Tiên Dung làm thế, khá phiền lòng cha!
Sống đời tự lập bốn-ba,
Phép tiên xây dựng nguy-nga lâu dài.
Nghe tin, vua tướng tranh tài.
Đem quân trừ hại, một hai dứt tình.
Ai hay lòng hiếu, quang minh
Một đêm biến cả quách thành lên mây.
Giờ “Đầm Dạ Trạch” còn đây,
Dấu xưa, truyện cũ chứa đầy yêu thương.

Mạnh Xuân Tân Dậu, 2017.
Duy Khang

Sự hòa-hài giữa con người với thiên-nhiên được thể-hiện trong những hội xuân ngày “Tết”.

Các trò vui xuân như “đánh gòn”, “bắt chạch trong chum”,... đủ chứng-tỏ **văn hóa Việt khác với văn hóa Hán**. Ở Tàu cho đến ngày nay, vì cốt-lõi tinh-thần du-mục, nên “trọng nam khinh nữ”.

Khi chưa có tập-quán Hán Nho do bọn quan lại Tàu du-nhập, áp-đặt thì trên dưới xã-hội Việt đều trọng tự-do luyến ái (truyện *Tiên Dung và Chủ Đồng Tử*). . .

Như vậy, Việt học là một sự-kiện có thực, nội dung khác-biệt với mọi học-thuật đã du-nhập và thống trị xã-hội Việt. Từ những học- thuật cũ như Hán Nho, Phật học,... đến những học thuật mới như Christogrec-Latin, và Mác-Xít - Lê-Nin.

Bị ảnh-hưởng văn-hóa du-mục, trọng nam khinh nữ hay những giáo-điều khe-khắt như “tam cương, ngũ thường” của Khổng Nho đã gây ra nhiều cặp tình nhân chia ly thảm khốc! Những cảnh cha con không chút tình phụ tử, chỉ vì người con không thuộc dòng vợ chính (vợ cả như trong nhiều phim Tàu hay phim Đại Hàn đã trình chiếu).

Nhiều người đã quên rằng Văn hóa Việt khác với văn hóa Tàu, và nhiều người còn tưởng rằng Văn hóa Việt là bản sao của văn-hóa Tàu!

Theo tiến-sĩ Wilhelm G. Solheim II, giáo-sư nhân-chủng-học tại Đại-học đường Hawaii, trong bài “Ánh Sáng Mới Dọi vào Một Quá Khứ Bị Quên Lãng” đăng trên tập-san National Geographic tháng 3 năm 1971: “...

Quan-niệm cổ-điển về thời tiền-sử vùng Đông Nam Á là sự di dân từ miền Bắc mang theo các kỹ-thuật quan-trọng xuống vùng Đông Nam Á. Tôi đề-nghị ngược lại là vào thời-đại Tân Thạch Khí, nền văn-hóa

Bắc Trung Hoa phát-triển từ nền văn-hóa chi-nhánh của văn-hóa Hòa Bình, vào khoảng năm 6000 hay 7000 TTL,..”(...The traditional reconstruction of Southeast Asian prehistory has had migrations from the north bringing important developments in technology to South-east Asia. I suggest instead that the first neolithic (that is, late Stone Age) culture of North China, known as the Yangshao, developed out of a Hoabinhian subculture that moved north from northern Southeast Asia about the sixth or seventh millennium B.C....”)

Cho nên quan-niệm tự-do luyến-ái của người Việt vào thời Hùng không có gì làm lạ. Tiên Dung kết duyên cùng Chủ Dồng Tử, nói lên tính cách **tự do và bình đẳng hôn nhân** đã làm nổi bật nền văn-hóa Việt. Bằng-cớ ngày nay vẫn còn tập-tục này ở vùng thượng du, mà đồng bào Mường ta gọi là **“Bộ mệnh hôn nhân”** (Tự do luyến ái, nhưng trong sạch).

Trong kho tàng văn-chương bình-dân Việt có rất nhiều ca-dao nói lên tình-cảm phóng-khoáng giữa nam và nữ:

Con trai ngỏ ý với con gái.

*Hôm qua tát nước đầu đình
Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen.
Em được thì cho anh xin,
Hay là em để làm tin trong nhà?
Áo anh sút chỉ đường tà,
Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu.
Áo anh sút chỉ đã lâu,
Mai mượn cô ấy vào khâu cho cùng
Khâu rồi anh sẽ trả công,
Đến khi lấy chồng, anh lại giúp cho:
Giúp cho một thúng xôi vò,
Một con lợn béo, một vò rượu tăm,
Giúp em đôi chiếu em nằm,
Đôi chăn em đắp, đôi trằm em đeo.*

*Giúp em quan tám tiền treo,
Quan năm tiền cưới lại đèo buồng cau.
(Ca dao)*

Ngược lại, con gái cũng ngỏ ý với con trai:

*Vào vườn hái quả cau xanh,
Bổ ra làm tám, mời anh xơi trầu.
Trầu này tằm nhũng vôi Tàu
Giữa đêm quế cánh, hai đầu thơm cay.
Trầu này, ăn thực là say,
Dù mật, dù nhạt, dù cay, dù nồng,
Dù chẳng nên đạo vợ chồng
Xơi dăm ba miếng kéo lòng nhớ thương.
(Ca dao)*

Không giống như ở Tàu: Trọng nam khinh nữ, nam nữ đồng tịch, bất đồng sàng, hay nam nữ thọ thọ bất thân, hay nhất nam viết hữu - thập nữ viết vô,...



Truyện thuyết 4: **Phù Đồng Thiên Vương.**

Vào đời Hùng thứ sáu, dân gian sống trong cảnh thái-bình. Vua Hùng không triều cống nhà Ân bên Tàu. Vua Ân bèn sai người đi tuần thú, do-thám tìm cách đánh chiếm nước ta.

Hùng vương hội họp quần thần, bàn kế chống giặc. Có người tâu với vua rằng “Bệ hạ nên khẩn với Long Quân để ngài sai thiên tướng xuống giúp”.

Vua nghe lời, lập đàn lễ trong ba ngày, bỗng trời nổi cơn giông, sấm chớp âm-âm, mưa như trút nước. Sau đó , một cụ già cao lớn, râu tóc trắng xóa ngồi ở một ngã đường, vừa cười vừa nói , và ca hát - ai trông thấy cũng cho là lạ.

Có người tâu vua, vua thân hành đến gặp và mời cụ lão đến đàn lễ, vua hỏi : “Sắp có giặc phương Bắc xâm lăng nước Nam, cụ có phương kế gì hay, xin mách bảo ”.

Cụ già liền đáp: Ba năm nữa giặc sẽ kéo đến đây, nhà vua nên tìm trong thiên-hạ, cầu người kỳ tài thì thế nào cũng phá được giặc. Nói xong, cụ già bay lên trời.

Vua theo lời, sai sứ giả truyền rao khắp nước tìm người tài dẹp giặc.

Bấy giờ, ở làng Phù Đồng, huyện Võ Ninh, có hai vợ chồng già hiền đức, đã ngoài 60 mới sinh được một con trai, được 3 tuổi mà chưa biết nói, chỉ nằm trơ-trơ. Khi nghe sứ giả truyền rao, bà mẹ nói giỡn với con: Để được một đứa con trai chỉ biết ăn, nằm thì nói gì đến đánh giặc được mà lãnh thưởng đền công cha mẹ.

Nghe vậy, cậu bé vụt nói với mẹ: Xin mẹ mời sứ giả vào đây. Bà mẹ lấy làm ngạc-nhiên, đem chuyện kể cho mọi người trong làng - Mọi người đều góp ý,

Truyện thuyết 3: **Tích Dưa hấu.**

Theo truyền thuyết, Mai An Tiêm là con nuôi của Hùng Vương XVII, được vua yêu mến, sau vì làm phật ý nhà vua, An Tiêm bị đày ra hoang đảo, tương truyền nay là vùng Nga Sơn, Thanh Hóa.

Tại đảo, vợ chồng An Tiêm ra sức khai-khẩn, trồng-trọt để sống. Một hôm, vào mùa hạ, có đàn chim bay qua đảo, vô tình nhả một số hạt cây xuống đảo. Ít lâu sau mọc lên cây lá lan rộng. Đến mùa cây nở hoa và kết thành những trái to, vỏ màu xanh, ruột đỏ. An Tiêm bèn hái, nếm thử, mùi vị thơm ngọt, mát dịu. An Tiêm bèn lấy hạt đem trồng khắp đảo.

Một ngày kia, một thuyền buôn ghé đảo để lấy nước ngọt., thấy có nhiều trái lạ - Ăn thử thấy thơm, ngon và có thể thay cho nước uống, bèn trao đổi thực phẩm lấy dưa hấu.

Tiếng đồn gần xa, sau nhiều thuyền bè tới đảo để trao đổi hàng-hóa lấy dưa hấu, đời sống vợ chồng An tiêm trở nên phát-đạt.

Tiếng đồn xa gần, khi đến tai triều-đình, nhà vua thăm nghĩ, vợ chồng An Tiêm dù sống nơi hoang đảo, cuộc sống rất khó-khăn, mà vẫn cố-gắng đem sức cần-cù, và đầu óc suy-nghĩ để có được cuộc sống tươi sáng.

Nhà vua khen cho sự vượt thắng gian-nan mà cho triệu hồi vợ chồng An Tiêm về kinh, và phục chức cũ cho An Tiêm.

(Phỏng theo *Sử Tích Dưa hấu* trong WWW.sachhayonline.com wikipedia.) .

Qua truyện “Dưa hấu” hay truyện “An Tiêm” tuy đơn-giản nhưng lại mang nhiều ý-nghĩa cho người đọc:

- Đang có một cuộc sống sung-sướng ở kinh đô, bất-chợt bị đẩy ra hoang đảo mà An Tiêm vẫn vượt qua những gian-khổ, và cuối cùng trở nên giàu có - Điều này nói lên tinh-thần tích-cực đấu-tranh để sống, còn, tiến, nổi, hóa.

Sống tức là tranh-đấu - Tây Phương có câu “Vào trường đời tức là vào trường tranh-đấu” (Entre en guerre en entrant dans le monde.).

- Sống phải có tinh-thần tự-lực, tự-cường, không thể nào nương-tựa vào người khác (*sống bám vào gia đình, hay tài sản có sẵn của cha ông*) để mà sống.

- Phải biết tựa vào hoàn-cảnh mà xoay-sở - tựa vào hoàn-cảnh hiện có, cũng như An Tiêm tựa vào hạt cây mà chim nhả xuống mà phát-triển thành đảo trồng dưa hấu. Điều này đúng với chức năng nơi con người, mà nho học xưa đã nói: “*Tán thiên địa chi hóa dục*”. (*Tựa vào trời đất để phát-triển sự sống cho con người*).

*“Cho lúa ngập vàng đồng, nong vàng kén
Cho trăng trong, gió quạt sáo diều du,
Cho cười vang trong mọi nẻo thôn cù...”*

(Sinh Thành)

Đồng cỏ hoang vu đầy, nhưng với sức con người thì đồng phải ngập lúa vàng, và nong phải đầy kén ; Trời xanh, trăng sáng vô tình đầy, nhưng con người cột sáo nơi diều bay lơ-lửng để vọng lên những tiếng sáo vi-vu cho tươi đẹp những buổi “*Trăng sáng vườn chè*”, để nơi-nơi rộn tiếng vui cười cho tô thắm tình người. Không có sự thoải-mái nếu không có sự cố gắng tranh đua - Không có sự vui sướng khi thành đạt mà không có nỗ lực sáng-tạo,...

*



*Thân vi nam tử yếu vi kỳ
Khẳng hứa càn khôn tự chuyển di...*

(Phan Bội Châu)

Truyện Phù Đổng Thiên vương không những khuyến khích ý thức dân-tộc cần bưng-tĩnh nơi mỗi người dân mà còn nêu lên những đức tính vô kỷ, vô công và vô ngôn trong văn-hóa Việt.

Vinh

Phù Đổng Thiên Vương

Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh,
Đối giặc Tàu, càng tránh càng thua.
Sử nhiều bài học cay chua,
Cây thì muốn lạng, gió chưa muốn ngừng!
Bệnh xâm -lăng khởi từ Tây Bắc,²⁸
Lãnh-tụ tên Hoàng Đế đầu-tiên.²⁹
Sau Ân diệt Trụ cầm quyền
Xua quân tướng chiếm lạng-giềng ra oai.
Làng Phù Đổng, thiên-tài tuổi trẻ,³⁰
Vung gươm thần, diệt kẻ xâm-lăng.
Tả-tơi quân giặc đầu hàng,
Từ đây không dám mơ-màng đất ta.
“Nam quốc sơn hà, nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.”³¹



thử mời sứ giả xem sao.

Sứ giả vào nhà, tiểu nhi kia gọi ta để làm gì?
Tiểu nhi ngồi dậy nói với sứ giả:

Hãy mau về tâu vua, đúc cho ta một ngựa sắt
cao 18 thước, một thanh kiếm dài 7 thước, và một nón
sắt, rồi đem đến cho ta. Ta sẽ ra trận, giặc thấy ta tự
nhiên phải chạy, có gì mà phải lo.

Sứ giả mừng rỡ, về tâu vua. Nhà vua vui mừng,
lập tức sai đúc ngựa sắt, nón sắt đem đến cho cậu
bé. Cha mẹ cậu bé lấy làm lo-lắng, sợ con mình nói
xằng, mang vạ cho cả nhà,

Cậu bé cười lớn và nói: Cha mẹ cứ yên tâm,
lấy cơm rượu cho nhiều, để con ăn no rồi đi đánh giặc.

Khi giặc Ân đến Châu Sơn thì sứ giả đem ngựa,
kiếm và mũ sắt trao cho cậu bé. Cậu bé vươn vai,
đứng lên cao 2 trượng, ngẩng mặt lên trời, vung thanh
kiếm rồi hét lớn: “Ta là thiên tướng nhà trời đây”.

Lập tức nhảy lên ngựa sắt, phóng ngựa như bay,
chớp mắt đã đến chỗ đóng quân của giặc, theo sau là
các quân lính triều-đình. Đánh đến đâu, giặc tan đến
đó, đánh đến nỗi kiếm sắt cũng phải gãy, ngải bèn
nhổ tre làm vũ khí (tre bị chóm lửa trở thành màu
vàng, nên đến nay gọi là tre làng Ngà).

Giặc tan tác, tranh nhau quỳ lạy xin hàng.

Đánh đến Ninh Sóc thì giặc tan hết. Ngải cởi
mũ áo để lại, lạy tạ Cha Mẹ, cưỡi ngựa bay lên trời.

Vua Hùng nhớ ơn, phong ngài là Phù Đổng
Thiên Vương, lập đền thờ tự.

Đời vua Lý, gia phong là Sung Thần Thiên
Vương.

(Phỏng theo chuyện Cổ nước Nam)

Người Mông Cổ, người Mãn Thanh đã chiếm
cứ và cai trị nước Tàu, sau bị Tàu đồng hóa. Thực
tại Mông Cổ, Mãn Thanh đã tan biến trong cái

thực tại Tàu. Trái lại, mặc dầu bị Tàu chiếm cứ, cái thực tại Việt Nam đã lớn dần trong cái thực tại Tàu, và khi có đủ sức mạnh, nó đã đứng lên, oai dũng như Phù Đổng Thiên Vương, để bắt buộc Tàu nhìn nhận nó là một thực tại.

Nhà cách mạng Pháp Sieyès đã viết: “*Dân tộc có trước tất cả*”, và là nguồn-gốc của tất cả. Tất cả những gì chúng ta có, tất cả những gì chúng ta là, đều thuộc về dân tộc và khi cần, phải trả lại cho dân tộc. Để cho dân tộc trường tồn, để cho con cháu chúng ta tiếp-tục được tự xưng và được gọi là người Việt Nam...

Có nước, có nhà rồi mới có thân. Cái bản thân con người của chúng ta là sản-phẩm của dân tộc. Bởi vậy, ca dao mới có câu::

*“Cây có gốc mới xanh cành tươi ngọn...
Nước có nguồn mới biển cả sông sâu.”*

Tuy chỉ một câu thu gọn, nhưng sâu-sắc mang đầy-đủ hình ảnh một cây gồm gốc với những cành và ngọn, liên-hệ đến một gia-tộc gồm ông Tổ với nhiều ngành, rộng hơn đó là hình-ảnh một dân-tộc.

Trong một dòng tộc, con cháu sinh-hoạt đông-dảo, thịnh-vượng, tất cả là nhờ ở Tổ Tiên. Tương tự, cây kia cành xanh, tươi ngọn là nhờ có gốc.

Thấy được sự chuyển động của sự sống từ gốc lên cành, lên ngọn, là thấy được sự sống đang chuyển từ tổ-tông đến con cháu. Không những thế, mà còn thấy được cả sự tài-bồi của con cháu, khác nào như **nhựa nguyên** từ gốc lên ngọn, và **nhựa luyện** từ ngọn chuyển về gốc.

Tổ tông với con cháu tuy hai mà một, cũng như gốc và cành ngọn. Gốc mà bỏ liều, để sâu mục, cằn-

cỗi thì cành, ngọn sẽ héo mòn.

Thấy được sự chuyển-động của sự sống từ gốc lên ngọn, và từ ngọn tới gốc là thấy được sự sống của Tổ Tông với con cháu. Nếu gốc mà bỏ liều, sâu mục thì cành, lá sẽ héo-hon, ngược lại cây kia bị chặt đi cành lá, thì gốc cũng khô cằn!

Thấy được sự chuyển động của sự sống từ gốc lên cành, lên ngọn, là thấy được sự sống đang chuyển từ tổ-tông đến con cháu. Không những thế, mà còn thấy được cả sự tài-bồi của con cháu, khác nào như nhựa nguyên từ gốc lên ngọn, và nhựa luyện từ ngọn chuyển về gốc.(2 chiều).

Tổ tông với con cháu tuy hai mà một, cũng như gốc và cành ngọn. Gốc mà bỏ liều, để sâu mục, cằn-cỗi thì cành, ngọn sẽ héo mòn.

Cũng nhờ có nối tiếp rộng và lâu, nên cuộc đời cá-nhân không thật sự là chấm dứt. Dòng sống còn thì cá nhân còn. Cá nhân chỉ thật sự chết khi dòng sống truyền từ trước đến nó về sau bị chấm dứt..

Khi bàn về Dân-tộc, nhà giáo Lý Chánh Trung đã viết: “*Dân-tộc ví như biển cả im lặng, con dân chỉ là những đợt sóng nối-tiếp nhau, rì-rào trong khoảnh-khắc để rơi vào yên lặng. Nhưng đó không phải là im lặng của sự chết, mà chính là sự sống đang lặng-lẽ vươn lên xuyên qua lòng vũ-trụ,... Họ biết rằng quá-khứ không phải là hư-vô, mà sẽ được giữ lại trong cái thực tại siêu-việt của dân-tộc cho đến tận cùng lịch sử.*”

Khi nước nhà gặp nạn ngoại xâm, thì bốn-phận con dân phải xung-phong ra trận giữ nước.

Phù Đổng vươn vai thành lớn, ý nói bình-thường thì nhỏ, nhưng một khi ý-thức bùng-tỉnh thì có thể trở nên lớn lao vô-cùng. Xưa kia, ở Ấn Độ, nhờ giây phút giác-ngộ dưới gốc Bồ-đề mà Tất Đạt Đa đã trở thành Phật.

phần nhỏ để đền ơn trong muôn một, vì anh đã cứu nhiều người trần thế mà không bao-giờ nghĩ đến công lao. Những vật này có thể trước là giúp mẹ già có được đủ thứ cần-thiết khi anh đi thăm thủy phủ mà vắng nhà. Sau là giúp anh có đủ phương tiện cứu đời. Đức Long vương còn muốn tặng anh nhiều thứ quý nữa. Nhưng anh nên nhớ trước mặt người, anh chỉ nên xin quyển sách không có chữ nào. Anh mới là người xứng-đáng dùng quyển sách đó.

– Nay anh xin phép mẹ già và gấp thu xếp việc nhà, ta vội-vã đi kéo muện.” Nguyễn Thông đành cúi nhận cả phẩm vật lẫn lời mời. Xếp vội việc nhà, xin phép mẹ và xách gậy ra đi theo hoàng-tử Long cung. Gió cuốn mây bay đưa đoàn người đi nhanh. Tới biển Đông, hoàng-tử dang tay rạch nước ra làm đôi. Tạo nên một con đường đi xuống phủ Long vương. Được một quãng đã thấy cá voi, cá mập chờ sẵn, mỗi người ngồi trên lưng mà đi sau những loại cá màu sắc lộng-lẫy tỏa ánh sáng ngời, mỗi bước đi là gặp một điều mới-mẻ lạ-lùng thích-thú đến say mê, Nguyễn Thông không hết lời ca ngợi.

Đến Long phủ, Nguyễn Thông đã thấy đức Long vương đứng chờ sẵn nơi thềm ngọc, áo mão huy-hoàng. Theo lời giới-thiệu của hoàng-tử tiểu vương, Nguyễn Thông làm lễ triều kiến. Sau đó, đức Long vương ban yến và rất hài lòng về diện-mạo và đức-độ của Nguyễn Thông.

Long vương cho phép chàng tự-do đi du-ngoạn khắp nơi thủy cung và muốn lấy gì cứ việc tự tiện. . Nhận Nguyễn Thông là con, và đặt tên là Nguyễn Tuấn.

Tuy vui, nhưng ở lâu nơi thủy cung Nguyễn Tuấn nhớ mẹ. Nhớ dương gian nên xin phép trở về. Long vương bằng lòng và thấy Nguyễn Tuấn trở về tay không, liền hỏi: “Thủy phủ của ta không có gì

Truyền thuyết 5: **Sự-tích Bánh Chưng - Bánh Dầy.**

Ngày xưa, vào đời Hùng. sau khi dẹp xong giặc Ân, vua có ý định nhường ngôi cho con.

Nhân dịp đầu xuân, vua cho họp các hoàng tử lại nói rằng: “Con nào tiến được thức ăn ngon lành để bày tỏ có ý nghĩa nhất, ta sẽ truyền ngôi.”

Các hoàng-tử tranh nhau đi tìm của ngon vật lạ. Riêng hoàng tử Tiết Liêu là người con hiếu-thảo, nhưng mẹ mất sớm nên ít người phò-trợ !

Trong khi lo-lắng, buồn phiền, nằm mộng được thần nhân mách bảo:

Này con, vật trong trời đất không có gì quý bằng gạo, gạo là thức ăn nuôi sống con người. Con hãy lấy gạo nếp làm bánh hình tròn và hình vuông để tượng hình trời đất; hãy lấy lá bọc ngoài, đặt nhân trong bánh để tượng công cha mẹ sinh thành.

Tỉnh dậy, Tiết Liêu mừng rỡ, y theo lời thần dạy, chọn gạo nếp thật tốt làm bánh chưng, và giã xôi làm bánh tròn tượng hình trời, gọi là bánh dầy. Còn lá xanh bọc ngoài và nhân trong ruột bánh, tượng tình yêu thương của cha mẹ.

Đến ngày dâng lễ vật, các hoàng tử khác dâng lên đủ sơn hào hải vị, riêng Tiết Liêu chỉ có bánh dầy và bánh chưng.

Vua Hùng nếm thử, thấy lễ vật của Tiết Liêu không những hợp khẩu vị, rất ngon và nhiều ý nghĩa, nên tuyên-bố truyền ngôi cho Tiết Liêu. Như vậy nhà vua đã truyền ngôi cho người hiền chứ không truyền cho trưởng nam, đồng thời lấy ý nghĩa sâu xa: tròn - vuông tượng cho Trời Đất, lấy gạo làm thực

phẩm là trọng nông nghiệp, Vuông tròn còn mang ý nghĩa cách đối xử ở đời. Người xưa đã nói: “Ở sao tròn nghĩa vuông tròn” (rong vuông ngoài tròn, hình các đồng tiền kim loại xưa, ngụ ý đối với mình thì ngay thẳng, đối với người thì tròn trặn, chín bỏ làm mười).

*** Truyền thuyết 6: Thánh Tản Viên.**

Một hôm đi ra rừng, bà Man Thị thấy một trẻ sơ sinh nằm trên lá, được chim tha mỗi và hồ cho bú. Bà mang về nuôi, đặt tên là Kỳ Mệnh. Lớn lên, mẹ nuôi già yếu, Kỳ Mệnh ra rừng hái củi về bán lấy tiền nuôi mẹ cho tròn chữ hiếu. Một hôm ra rừng đốn củi, thấy một cây gỗ to, cành lá rườm-rà, ước được nhiều củi, liền quyết định hạ. Lấy rìu đốn gốc, suốt cả ngày, cây gần đứt thì trời tối. Kỳ Mệnh bỏ về nhà, định hôm sau ra chặt nốt. Hôm sau ra thấy cây liền gốc như cũ, Kỳ Mệnh lại chặt lần nữa; ngày tàn mà cây chưa đứt hẳn. Lại bỏ về như hôm trước. Song ngày hôm sau ra vẫn thấy cây liền gốc như cũ. Rất lấy làm lạ mà trời lại tối quá, bèn tìm đến hốc đá gần cây nằm nghỉ đợi sáng ra tiếp-tục công việc dở-dang. Nửa đêm thấy một bà già, tóc bạc phơ, y phục như sương tuyết, cầm một cây gậy chỉ vào chỗ cây đã chặt. Bà đi quanh gốc cây, chỉ đến đâu cây lành đến đó, Kỳ Mệnh bèn chạy ra, níu lấy vạt áo bắt đền.: “Tôi nhà nghèo phải đốn củi bán nuôi mẹ, đã mấy ngày chặt cây không xong vì Bà đã ngăn-trở tôi, mẹ con tôi sẽ đói, xin đền trả công.” – “Cây này là nơi ta trú ngụ. Ban ngày ta đi chơi, tối về thấy bị phá. Ta biết đâu là con muốn chặt. Con là người hiếu nghĩa lại kiên tâm trì chí, và thông minh. Ta cho con cây gậy này, con có thể dùng vào nhiều việc để cứu đời, vừa nuôi mẹ, nuôi thân được.”

Gậy có đầu đen là đầu tử, điểm tới có thể làm cho kẻ ác đau khổ hay tiêu tán. Gậy có đầu đỏ là đầu sinh; chỉ đầu sinh vào vật nào mới chết, hay bệnh tật, có thể làm vật đó sống lại hay khỏi bệnh. Nay tên con là Nguyễn Thông, con khá dùng cây gậy cho có ích.

Khẩu đầu tạ ơn. Nguyễn Thông về. Giữa đường thấy một con rắn nước trắng, mà kẻ chặn trâu mới đánh chết. Nguyễn Thông bèn lấy gậy ra. Dem đầu gậy đỏ đặt lên đầu rắn, rồi rà đến tận đuôi, con rắn lành vết thương mà sống lại. Ngóc đầu nhìn người cứu nạn, rồi vội trườn mình xuống suối bơi đi mất dạng. Nguyễn Thông mừng thấy gậy có linh nghiệm. Ra về, và từ ngày đó dùng gậy để chữa bệnh cho dân làng, nhờ đó mẹ con sống ung-dung.

Rồi một sớm kia, có đoàn người rất đông đi vào phía lều mẹ con Nguyễn Thông. Người đi đầu là một chàng trai quần áo trắng lóa như bạc dát. Mũ cấn ngọc, da ngăm-ngăm màu nước, môi thắm sắc san hô và mắt long-lanh tia sáng nhanh như lửa chớp. Chàng ta bảo tùy tùng đứng xếp một hàng ngoài ngõ, tiến vào trước mặt Nguyễn Thông tự giới-thiệu: “Tôi là con trai út Long vương, đi chơi quá bước lên trên cạn, chẳng may gặp nạn đến chết, may nhờ anh ra tay cứu mạng. Trình với vua cha, người cho tôi mang chút ít lễ vật tới tạ ơn anh cùng kính biểu mẹ già. Người lại có ý mời anh xuống thăm thủy phủ để người được gặp mặt, và để biết bậc anh tài.”

Nói rồi hoàng tử Long phủ ra lệnh cho bọn người dẫn lễ vật vào, mở nắp quả ra bày lên chõng tre. Từ những quả đó, thoảng bay mùi long duyên hương với các vị thuốc quý, trân châu, san hô, sáng lóa cả nhà. Vị hoàng-tử giới-thiệu từng món. Với các công-dụng và giá-trị diệu kỳ. Nguyễn Thông từ-chối cho rằng công không xứng với của. Song hoàng-tử ngắt lời: “Không phải thế! Đây mới chỉ là một

tác-động thì sức lực của cả chín đốt dồn vào có một đốt để hoặc tương thôi, tương hợp hay tương phản mà chế hóa lẫn nhau theo như ý của người cầm gậy.”

Các truyền thuyết trên, và nhiều huyền-thoại khác như “Sơn Tinh và Thủy Tinh”, “Sự tích trầu cau”, “Cóc Tía đi kiện trời”, v.v... nếu cho đó đều là truyện bịa-đặt, hoang-đường mà không xét đến những tình ý ký ngụ ở trong, thì thật là điều đáng tiếc!

Để tránh cái nhìn phiến diện, một chiều, ông cha ta đã nhắc nhở vào truyện “Năm anh mù sờ voi”, anh nào cũng cho chỉ mình là đúng! nhưng thực ra mỗi anh chỉ sờ được một diện!

Khi nhận xét giá-trị của huyền thoại, Mircea Eliade đã nhận định: “Bộ huyền thoại của một dân tộc không phải là những chuyện hoang-đường mà là những chuyện gần chân-lý nhất. Hơn nữa bộ huyền thoại là gia-sản quý báu nhất vì tính-chất thiêng-liêng điển hình và mang lại ý nghĩa sống.”



đáng cho người vừa ý mà lấy sao? Thấy vẻ mặt Long vương nghiêm-nghị và lời nói có vẻ trách-móc. Nguyễn Tuấn quỳ thưa: Con thấy cái gì nơi thủy phủ cũng rất đẹp, rất quý. Song sức không sao lấy mang đi hết được, nên con chỉ ước sao được quyển sách lụa bạch đặt nơi bàn thờ ở hậu cung, nhưng sợ không dám lấy, mà cũng không dám xin, e làm phật ý vương phụ. Sau một hồi suy nghĩ, Long vương mỉm cười:

“Đó là quyển sách ước vốn không có chữ, song ai có lòng trong dạ sạch, trí sáng mà dốc sức nguyện cầu thì muốn gì được nấy.” Sách không có đầu có đuôi, nhưng gồm 5 (năm) trang (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ). Con thông-minh đức-độ, đủ sức gìn-giữ và xứng-đáng được dùng sách ấy. Ta bằng lòng cho con, nhưng ta phải giữ lại tờ hành “thủy” cho con út của ta, mà nó cũng là em, là bạn của con. Nguyễn Tuấn! Con khá dùng quyển sách, bày hương án làm lễ rồi tự tay Long vương cầm ban cho Nguyễn Tuấn. Tay cầm gậy, tay cầm sách, Nguyễn Tuấn cảm tạ Long vương, theo chân hoàng tử Long hầu đưa tiễn. Cả hai leo lên lưng cá voi ngồi mà trở về trần thế.

Một hôm để thử xem quyển sách linh ứng ra sao, Nguyễn Tuấn tắm gội, trai giới rồi để sách trước mặt, đặt tay lên mà dốc lòng khấn cầu: - Ước gì có một cánh rừng ngay gần nhà. Vừa ước nguyện, vừa lần trang sách và đến một trang thì không đỡ thêm nữa, tiếp theo đó đất rung, núi chuyển và một cánh rừng rậm-rạp phủ quanh nhà.

– Vừa sợ-hãi vừa mừng vui, Nguyễn Tuấn định đi xem xét thì thấy khu rừng bít cả lối đi, bèn trở vào ngồi tĩnh trí đặt tay lên sách mà ước: - Ước gì có lửa đốt hết cây trên đường đi ra sông để lấy nước, tay giở sách đến một trang ắt là trang thuộc hỏa, tức thì lại không đỡ được nữa, mà lửa bùng-bùng

nổi lên, đốt cháy cây cỏ để lộ đường đi rộng lớn đến bờ sông.

– Từ đó biết dùng sách ước, gây thần, Nguyễn Tuấn ngày-ngày đi hành đạo, cứu dân độ thế.

Khi vào xã hội người mới định phận và **hữu danh**, mà danh lại thay đổi mấy lần theo thể sống. Song danh đã biểu-tượng rõ bản-chất NGƯỜI khác người thường: Một đời sống lạ: Kỳ Mệnh, một người trí hiểu biết đến thông được với thần; Nguyễn Thông, một người tài xuất chúng, ngang thần thánh; Nguyễn Tuấn dù với danh nào, Nguyễn Tuấn vẫn đứng trên căn-bản NGƯỜI mà hành-sử giữa thế nhân với thế nhân (nhân bản, nhân chủ) gặp tiên với bao vật lạ, vẫn giữ thế NGƯỜI mà bất đền công không sợ. Gặp thánh (Long vương) với bao nhiêu giàu sang vẫn giữ thế sống của con NGƯỜI, không quá mê tham mà vong bản thế trần. Gây thần, sách ước trong tay sử-dụng mà không lạm-dụng, làm chủ nơi mình mà nên **vô kỷ**. Giúp đỡ mà không kể ơn ấy là **vô công**, đi hay về nhẹ-nhàng không lưu-luyến, không gáp vội như một bóng **vô danh**.

Tiên tự hiện-hữu ở lẫn thiên-nhiên. Tiên vốn có phép mầu-nhiệm, cây đã dẫn mà còn làm cho lành, lấy trí mà thử-thách, lấy tình mà điều-khiển. Biết rõ người tài đức thì trao cho gây thần, chỉ bảo cách dùng êm-dềm mà người gan-dạ cũng tuân theo.

Phép mầu của Tiên đã cho cả Rồng sống lại. Thế ra Rồng tùy thuộc vào Tiên vậy.

Long vương vốn tự hiện hữu, vốn hữu vì mà vô vi, mỗi việc mỗi suy-xét đắn-đo. Song suy-xét đắn-đo và làm tự-nhiên như nhiên, của cải giàu có là do thu vén xếp-dặt mà có cung điện, có kẻ phục-tùng, tuy thế chính bản thân còn phải quý trọng.

Sách ước mà chỉ trao cho NGƯỜI có đủ bản-lĩnh sử-dụng. Người đã biến chết ra sống được.

Qua huyền-thoại này, ta thấy:

* Nhân vật chính thay đổi tên theo thể sống: Lúc đầu không biết từ đâu đến, **vô danh**, sống giữa thiên nhiên, hòa với thiên-nhiên đến nỗi chìm vui, cây che chở, thú rừng nuôi-nấng.

* **Về Tư Tưởng**: Cả câu truyện xây-dựng trên âm dương học, căn-bản của Kinh Dịch. Âm dương là bản-thể của vũ-trụ. Thời vị là điều-kiện thiết-yếu cho âm dương vận-động; luật tương sinh, tương khắc với ngũ hành, tương quan, tương đối là điều-kiện đầy đủ để âm dương sinh thành vạn vật. Âm dương vốn là hai khí, là hai nguyên-động-lực tương-quan, tương-đối, tương thối, tương phản, tương sinh, tương khắc mà cũng bị tương hòa, tương hợp. Khi nào âm dương tương đối, cân bằng thì hòa-hợp mà yên bình. Khi nói âm dương tương thối, tương khắc mà chênh-lệch thì ly loạn.

Chi Tiết: Câu chuyện tỏ rõ những điều vươn lên cao, bày tỏ rõ ra, thuộc tượng dương là nơi Bà Tiên thuộc tượng âm trú ngụ. Ấy là dương hàm âm. Bà Tiên ngày đi xa vắng, đêm mới hiển-hiện. Đêm thuộc thái âm, hàm tráng âm, lực âm đang thời hoạt-động mạnh. Bà Tiên thuộc âm có gây thần thuộc thiếu dương, cái mầm của hoạt-động tương-lai. Gây thần theo truyện có hai đầu, đầu sinh thuộc dương và đầu tử thuộc âm.

Cũng theo truyền-thuyết, gây thần gồm chín đốt. Người điều-khiển gây thần nắm đốt giữa, để có sự cân bằng tương-đối. Như thế mới làm chủ được luật tương sinh, tương khắc, tức là sự hiệu-nghiệm, của sức mạnh, của hành sự ngụ trong gây đó. – Như thế gây thần khi ở thế tĩnh là một thể nhất quán thuộc thiếu dương. Khi ở thế động thì gồm hai phần: tráng âm tráng dương, tương đối cân bằng sẵn sàng đi vào hành-động. Khi

Một hôm, trong khi An Dương vương đi quanh thành vừa đi vừa suy nghĩ. đột nhiên một cụ già râu tóc bạc phơ từ phía xa đi lại, tự xưng mình là thần đất ở vùng này, nói với nhà vua:

- Nhà vua đừng lo, sáng mai nhà vua ra đọi ở bờ sông sẽ có sứ giả Thanh Giang đến giúp nhà vua đắp thành. Nói xong, cụ già biến mất.

Hôm sau mới tờ-mờ sáng, An Dương vương ra tận bờ sông. Vừa bắt đầu sương tan thì có một rùa vàng thật lớn từ phía Đông bơi vào bờ gần chỗ vua đứng, rùa tự xưng mình là “*Thần Kim Quy*”, sứ giả của vua Thủy Tề. An Dương vương sai đặt Giang sứ lên một chiếc mâm vàng, rước vào cung.

Vua hỏi kẻ đắp thành. thần Kim Quy nói rằng:

- Ở núi Thất Diệu có con gà trắng sống lâu năm thành tinh, có phép biến hóa khôn lường. nó thường hãm hại khách qua đường và khách ngủ ở quán trọ trong vùng này. Những u hồn ấy từ lâu lẫn khuất trong khe đá ở hang sâu nên đêm khuya vắng thường tự họp để xúi con gà trắng phá thành của nhà vua.

Nghe được lời thần mách bảo, An Dương vương sai mấy tướng đem quân vào rừng mai phục, rồi vua cùng thần Kim Quy cải trang thành khách bộ hành đến quán trọ (*nơi quần ma hay tụ họp*) xin nghỉ trọ.

Gần sáng, có những tiếng chân rầm-rập. An Dương vương liền ra lệnh cho quân mai phục đánh đuổi bọn yêu quái phải rút về núi Thất Diệu. Quân lính vừa đuổi vừa bắn tên theo, cùng nổi chiêng trống trợ vang.

Yêu quái đã trừ xong, thần Kim Quy hiện nguyên hình Rùa vàng trở lại. Trước khi từ biệt vua, thần rút ra một chiếc móng tặng nhà Vua và nói rằng:

II-C/ Huyền-sử thuộc triều Thục:

Truyện Cổ Tích thời An Dương vương

Truyện 1: Thần Kim Quy.

An Dương vương sau khi dứt Hùng Vương 18, cho xây thánh Cổ Loa, nhưng thành đắp đến đâu đổ đến đó, tốn nhiều công-lao mà không nên việc! Nhà vua cho rằng có yêu quái phá-hoại, bèn làm lễ cầu khẩn thần-linh yểm-trợ.

Một hôm, có một rùa vàng nổi trên mặt sông ở phía Đông cung điện. Rùa nói được tiếng người. Thần Kim Quy nói: “Nhà vua không xây nổi thành là vì có yêu ma quấy rối. Yêu ma đó là con gà trắng tức “*Bạch Kê tinh*”. Nó thường họp nhau ở quán Ngô Công, đêm-đêm sát hại khách trọ.

Nhờ có thần Kim Quy giúp đỡ, An Dương vương xây xong Loa thành. Trước khi từ biệt, thần Kim Quy còn biểu nhà vua một móng chân rùa. dặn chế thành lẫy nỏ. Khi có giặc đánh thành. đem nỏ ấy mà bắn, tất giặc sẽ tan.

An Dương vương sai tướng là Cao Lỗ, chế tạo nỏ thần, dùng móng rùa làm lẫy nỏ, tức “*Linh quang thần nỏ*” bắn một phát ra nhiều mũi tên.

Năm thứ 48 đời An Dương vương, Tần Thủy Hoàng sai Nhâm Ngao và Triệu Đà đem quân xâm

lược Âu Lạc. An Dương vương đem nỏ thần chống trả, quân Triệu Đà đại bại.

Triệu Đà thua trận, bèn dùng gian kế, đề nghị giảng hòa, và xin cho con trai là Trọng Thủy kết hôn cùng Mỵ Châu (con gái An Dương vương).

Sau khi lấy cắp được nỏ thần, Triệu Đà đem quân đánh Âu Lạc. Khi quân Triệu đánh thành Cổ Loa, An Dương vương đem nỏ thần ra bắn. Vuốt rùa thần đã mất, nhà Thục diệt vong!

Qua câu truyện trên, ta thấy:

** Rồng và Rùa là hai vật trong “tứ linh” (long, ly, quy, phượng). Rồng được chọn làm vật tổ (đi đôi với hèm kép Tiên Rồng) ; Rùa cũng đã được đề-cập vào thời Việt-Thường; Tiếp người anh-hùng ở đất Lam-Sơn (vua Lê-Lợi) được “Rùa dâng kiếm” nơi hồ Hoàn-kiểm”.*

Rồng hay Rùa tượng-trưng cho hồn sử, hồn đất, tầng của nòi giống, đáy lòng của mỗi người dân, đáy sống của Tổ Tiên truyền đời mãi-mãi.

Móng rùa hay gương thần là tinh-hoa của nòi giống, là khí thiêng của sông núi, là chính-nghĩa, là sức mạnh của truyền-thống bất-khuất, ... Tuy nhiên sức mạnh này (nỏ thần hay gương thần) cần được người anh-hùng dân-tộc xử dụng hay vận-dụng để cứu nước giữ nòi, chứ không phải để tạo-dựng quyền lợi cho cá-nhân hoặc phe-phái.

Có nỏ thần hay gương thần chưa đủ để chiến-thắng ngoại xâm. Điều quyết thắng được là nhờ ở lòng dân cố kết, lòng quân cảm-mến, trên dưới một lòng như cha với con. Gốc nước là dân. Vua quan không biết lấy lòng khoan nhân đại-độ, nghĩ cách làm cho dân no, răn dạy cho biết điều hay lẽ phải thì dân đâu có mến đức mà hết lòng chống đỡ khi

vận nước nguy-nan!

** “Cuộc hôn-nhân giữa Trọng-Thủy (nòi Hoa) và Mỵ-Châu (dòng Việt) có thể nói là cuộc hôn-nhân chính-trị qua sự bang-giao giữa nòi Hoa và tộc Việt. Nhờ sắp đặt gian kế, Trọng-Thủy được ở gửi rể, nói cách khác, ở ngay trọng địa của bộ chỉ-huy quân-sự tộc Việt. Dựa vào lòng tin của Mỵ-Châu, Trọng-Thủy đã tìm được cách chế-tạo “nỏ thần” (liên nỏ) Trọng-Thủy cũng hiểu được cách phòng-thủ ở Loa thành, biết đích-xác những căn-cứ thủy-quân trên sông lạch cùng những đồn trú lục-quân trên thành. Khi đã có tất-cả những chi-tiết quan-trọng cần thiết, Trọng-Thủy lấy cớ về thăm nhà, để đem tất cả những bí-mật quý-gía. Do đó, Triệu-Đà mới hoạch-định được kế-sách hạ thành Cổ-Loa...”*

Truyện 2: Sự tích thành Cổ Loa.

Khi đã chiếm được Văn Lang, An Dương vương đặt tên nước là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê.

Khu đất chọn để xây thành là một quả đồi đất rắn như đá. Mặc dầu đất rắn, nhưng dân chúng xây thành hi-hục qua nhiều ngày, thành dần cao. An Dương vương nhìn thành rất hài lòng, tin-tưởng thành có thể đứng vững muôn đời, sấm sét, mưa bão không làm sạt được, và quân giặc cũng không phá nổi.

Nhưng một đêm, cả bức tường thành đều sụp đổ, An Dương vương đến xem, lấy làm tức giận. Dân chúng gần đó, kể lại sự tình: Ban đêm, họ nghe thấy những bước chân rầm-rập ở khắp ngả kéo đến và gây tường thành ầm-ầm sụp đổ.

An Dương vương tiếp tục lệnh các tướng lãnh đốc thúc xây lại thành, nhưng cứ xây xong, thành lại bị sụp đổ như trước.

xác vợ nhảy xuống giếng gần đó tự vẫn! Về sau giếng đó được kêu là “Ngọc Tỉnh ” (Giếng rửa ngọc).

Ngày nay, tương truyền ngọc trai ở Mộ Dạ đem rửa vào giếng nước nơi Trọng Thủy tự vẫn, ngọc trai sẽ sáng đẹp vô ngần.

Nhà Thục diệt vong!

Đời sau có thơ vịnh:

Thuở khai quốc, danh xưng Lạc Việt,
Trải nhiều triều, tuấn kiệt anh tài.
Biển dâu trong chốn trần ai,
Xuân Thu là chuyện trải dài nhân sinh.

Đời mười tám, chính tình chuyển biến,
Thục Phán vương quyền chiếm Văn Lang.
Cũng trong Bách Việt, một giàn,³²
Bí - bầu cùng sống mảnh vườn tiền nhân.

Thời nhà Thục, góp phần trác-tuyệt,
An Thục vương tâm huyết xây thành,
Cổ Loa tròn ôc biệt danh,³³
Ngoài công gặp khó, đường quanh khá dài.

Việc binh cơ, vững tài tuyệt mật,
Chớ phô-trương tài thật của mình.
Để cho địch rõ sự tình,
Đến khi đối trận, ắt mình hạ phong!³⁴

Đã nhiều trận long-đong kém thế,
Triệu Đà dùng gian kế cầu thân.
Cố dò ra thuật nỏ thần,
Để đổi thế trận sang phần thượng phong.³⁵

An Dương vương không phòng Trọng Thủy
Có ngò dâu, kế quỷ Triệu Đà

-Nhà vua giữ lấy móng này làm lẫy nỏ, khi có giặc đem ra bắn, một phát có thể giết được ngàn quân giặc.

Nói xong, thần biến mất. Nhờ có thần Kim Quy, An Dương đắp xong Loa thành, rộng tới ngàn trượng, vừa đầy vừa cao, xoay vòng như hình tròn ốc, nên gọi là Loa Thành, đồng thời sai tướng Cao Lỗ lấy móng rùa tạo ra thần nỏ (liên nỏ, bắn một phát ra nhiều mũi tên)

(Phỏng theo Chuyện Cổ Tích Việt Nam trong [www.Bách Khoa Trí Thức](http://www.BáchKhoaTríThức))

Truyện 3: Truyện Cao Lỗ.

Cao Lỗ (?-178 TCN,) còn gọi là Cao Nỗ, Cao Thông, Đô Lỗ hay Đại Thần Đô Lỗ, Thạch Thần là một tướng tài của Thục Phán An Dương vương, quê quán tại xã Cao Đức, huyện Gia Bình tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

Tương truyền ông là người chế ra nỏ liên châu (bắn được nhiều mũi một lúc. mà còn được gọi là nỏ thần, sử sách xưa đã thần thánh hóa gọi là “*Linh quang thần cơ*”).

Cao Lỗ huấn-luyện cho hàng vạn binh sĩ ngày đêm tập bắn nỏ. An Dương vương thường xem tập bắn trên “*Ngự xạ đài*”, dấu vết nay vẫn còn (góc đông bắc ngoài thành nội).

Triệu Đà đem quân xâm lược Âu Lạc, quân Triệu Đà đã bị các tay nỏ liên châu bắn ra như mưa, thầy chết đầy nội và phải lui binh. Dương thời, nỏ liên châu trở thành thứ vô khi vô địch của nước Âu Lạc.

Sau Triệu Đà dùng gian kế thông gia, cho con trai Trọng Thủy lấy con gái An Dương vương là Mỵ Châu. Cao Lỗ phản đối chuyện này, nhưng An Dương

vương không nghe và xa lánh dần Cao Lỗ. Cao Lỗ sau bỏ đi ở ẩn.

Sau khi biết được bí mật của “ *Liên châu thần nỏ* ”, Triệu Đà đem quân đánh Âu Lạc. An Dương vương thua chạy, quân Triệu đuổi theo, Cao Lỗ được tin, ra đón đường chặn đánh quân Triệu cho vua chạy, nhưng cả hai đều tử trận.

Khi chết, ông trở thành thần bảo-hộ vùng Việt Trì, Bạch Hạc.

Đời Trần đã sắc phong là “*Quá Nghị Cương Chính Uy Huệ Chính Thần Đại Vương*.”

(Phỏng theo *Chuyện Cổ Tích Việt Nam* trong *www.Bách Khoa Trí Thức*)

Truyện 4: Truyện My Châu và Trọng Thủy.

Song song với thời An Dương vương ở Âu Lạc thì bên Tàu là Tần Thủy Hoàng. Thủy Hoàng là ông vua tàn bạo (Phân thư khanh Nho = đốt sách và chôn sống Nho sĩ) đã lệnh cho Nhâm Ngao và Triệu Đà đem quân xâm lược Âu Lạc, nhưng đều thất bại vì An Dương vương có nỏ thần chống trả.

Triệu Đà bèn dùng gian kế, đề-nghị cầu hôn giằng hòa, với thâm ý dùng con trai mình làm nội gián dò xét bí-mật quốc-phòng Âu Lạc. Ngay tình, An Dương vương vì cũng mong cho dân mình được yên ổn sinh-nhai, nên đã đồng ý cho Trọng Thủy (con trai của Triệu Đà) kết hôn cùng My Châu (con gái An Dương vương).

Theo phong-tục thời bấy giờ, Trọng Thủy được ở rể. Trọng Thủy vốn khôn-ngoa, khéo-léo nên được lòng An Dương vương, và được My Châu rất mực yêu thương.

Lâu dần, Trọng Thủy khéo-léo hỏi vợ về nỏ thần. Quá tin ở chồng, My Châu đem nỏ thần cho

Trọng Thủy coi. Trọng Thủy bèn tráo lấy giả thay vào. Ít lâu sau, xin phép về thăm nhà. để đem bí mật của nỏ thần cho cha là Triệu Đà.

Trước khi lên đường, Trọng Thủy bảo My Châu Tôi vì đạo hiếu phải về thăm nhà. Nay tôi về thăm cha, nếu chẳng may có loạn, tôi làm thế nào để tìm được dấu vết của nàng. “My Châu trả lời: Nếu gặp cảnh biến, thiếp cón chiếc áo lông ngỗng, thiếp sẽ rải lông ngỗng ở mỗi ngã rẽ để làm dấu vết.”

Sau khi lấy cắp được nỏ thần, Trọng Thủy trao bí-mật quốc phòng của Âu Lạc cho cha. Triệu Đà đem quân đánh Âu Lạc. Khi quân Triệu đánh thành Cổ Loa, An Dương vương đem nỏ thần ra bắn. Vuốt rùa thần đã mất, nỏ thần nỏ thần trở nên vô hiệu. An Dương vương bèn cùng My Châu lên ngựa trốn chạy về hướng Nam.

My Châu ngồi sau yên ngựa, qua mỗi ngã rẽ, rút lông ngỗng rải xuống đường. Nhà vua ngạc-nhiên, chạy đến đâu cũng bị giặc biết đường mà bám sát! Đến Mộ Dạ cùng đường, nhà vua định tự vẫn thì thần Kim Quy hiện lên nói:

- “Giặc ngồi sau lưng nhà vua đấy”. An-Dương vương chợt hiểu rằng con gái đã làm bại mình, bèn tuốt gươm. My-Châu biết mình phải chết, khẩn rằng:

“Làm phận nữ nhi, nếu có lòng phản nghịch vua cha, khi chết xin trở thành cát bụi. Nay chỉ vì bị lừa dối, xin được biến thành ngọc trai để tỏ lòng trong sạch và nỗi oan-khiên của thiếp”.

Chém xong My-Châu, An-Dương vương cầm sừng tê-giác nhảy xuống biển. Thần Kim-Quy mở đường rẽ nước cho nhà vua xuống thủy-cung. Máu My-Châu chảy xuống biển, loài trai biển ăn máu đó rồi máu kết thành ngọc-trai.”

Theo dấu lông ngỗng, khi Trọng Thủy tới Mộ Dạ chỉ còn thấy xác My Châu. Quá đau lòng, bèn ôm

Khảo-cổ học đã xếp các di-chỉ trong thời An Dương-Vương thuộc nhóm “Di-chỉ khảo-cổ học Đường-Cổ”. Đó là các di-chỉ đã phát-hiện và khai-quật ở: Phú-Xuyên, Đại-Áng (huyện Thường-Tín), Nam-Chinh (huyện Ứng-Hòa), Vinh-Quang, Chiền-Vậy (huyện Hoài-Đức), Hoàng-Ngô (huyện Quốc-Oai), Gò Chùa Thông (huyện Thanh-Trì), Đình Chàng, Đường-Mây (huyện Đông-Anh).

Thời-kỳ Âu-Lạc đã bước sang thời-đại sắt. Một số lưỡi cuốc sắt đã tìm thấy như ở Đường Mây, Chiền Vây, Đình Chàng. Sự chế-tạo đã biết bổ thép vào sắt làm cho công-cụ cứng và sắc hơn.

Tuy công-cụ bằng đá, đa-số đã được thay-thế bằng kim-loại, nhưng đặc-điểm số đồ đá trong nhóm di-chỉ Đường-Cổ, chủ-yếu là rìu bốn mặt. Kỹ-thuật chọn đá, cách chế-tác không còn được chú-ý như trước, và số lượng cũng giảm rất nhiều.

Đặc-điểm đồ đồng trong nhóm Đường-Cổ là các loại công-cụ như lao, giáo, rìu, mũi tên. Những công-cụ này có thể vừa dùng cho việc sản-xuất nông-nghiệp vừa dùng làm vũ-khí khi có chiến-tranh. Di-chỉ ở Vinh-Quang và Đình Chàng phát-hiện được loại rìu xéo gót vuông có trang-trí hoa-văn hình vuông.

Nhìn chung, đồ đồng trong nhóm Đường-Cổ có kích-thước, kiểu dáng giống đồ đồng ở di-chỉ Thiệu-Dương và Đông-Sơn, đồng-thời có một số đặc-điểm giống di-chỉ thuộc thời-đại đồng thau ở trung-du và đồng-bằng Bắc-Việt.

** Về đồ gốm, nhóm Đường-Cổ làm bằng đất sét pha cát mịn, nguyên-liệu được chọn lựa một cách cẩn-thận, độ nung cao, ít thấm nước, màu sắc thường là trắng mốc, bóng nhợt, tốt hơn đồ gốm thuộc giai-đoạn Gò-Mun.*

*Thật thà gần với tinh ma,
Khác nào nghịch lửa xảy ra cháy nhà.*

*Tình duyên trải những ngày đắm-thắm,
Chàng lân-la dò thám liên châu. ³⁶
Mỵ Châu chẳng chút ngại-ngùng,
Lấy ngay liên nỏ, mặc chàng tráo xoay!*

*Ôi làm lỗ, nên gây họa lớn!
Nước nhà tan, ôm hận mỗi mòn!
Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
Ngàn năm tình sử vẫn còn tử-tê !*

*Vị đời sống ê-chề mặn đắng,
Thái Bình Dương so sánh còn thua. ³⁷
Thương cho Trọng Thủy, Mỵ Châu,
Mối tình oan trái, niềm đau quận lòng.*

*Thương cho phận má hồng số bạc.
Tiếc kiếp trai, tình hiếu khôn tròn.
Trăm năm tính cuộc vui buồn.
Chữ hân, chữ hận cùng vẫn khắc nhau.*

*“Trẻ tạo hóa đành hanh quá ngán
Chết đuối người trên cạn mà chơi!
Lò cừ nung nấu sự đời
Bức tranh vân cẩu vẽ người tang thương...” ³⁸*

Sử Luận

Qua truyện trên, ta thấy: Rồng và rùa là hai vật quý trong tứ linh (Long, ly, quy, phụng). Rồng được chọn làm vật tổ (Đi đôi với hèm kép Tiên Rồng), rùa cũng được đề cập vào triều Hạ, Việt Thường hiến rùa thần, tiếp sau đời hậu Lê, người anh hùng đất Lam Sơn được rùa vàng nơi hồ Hoàn Kiếm dâng gươm.

Như vậy, rồng và rùa tượng-trưng cho hồn sử, hồn đáy tầng của nòi giống, đáy sống của tổ tiên

truyền đời mai-mãi.

Rồng, rùa hay gươm thần là tinh hoa của nòi giống, là khí thiêng của sông núi, là sức mạnh chính nghĩa của truyền thống bất khuất. . . Tuy nhiên, sức mạnh của gươm thiêng hay nỏ thần cần được người anh hùng dân tộc sử dụng để cứu nước giữ nòi, chứ không phải tạo dựng quyền lợi cho cá nhân hay phe phái.

Nỏ thần hay gươm thiêng chưa đủ để chiến thắng ngoại xâm. Điều quyết thắng là nhờ ở lòng dân, lòng quân, trên dưới một lòng. Gốc nước là dân, nhà cầm quyền không biết lấy lòng khoan-nhân đại độ, nghĩ cách làm cho dân no, dưỡng dân cho biết điều hay lẽ phải thì dân đâu có mến đức mà hết lòng hết dạ trong lúc đất nước nguy nan.

Cuộc hôn nhân giữa Trọng Thủy (nòi Hán) với Mỵ Châu (dòng Việt), có thể nói là cuộc hôn nhân gián điệp giữa nòi Hán và dòng Việt. Trọng Thủy ở ngay trọng địa của bộ chỉ huy quân sự Việt. Dựa vào lòng tin cậy của Mỵ Châu, Trọng Thủy đã tìm được cách chế của nỏ thần (liên châu thần nỏ) và các vị trí phòng thủ trong thành Cổ Loa. Khi có tất-cả các chi tiết quan-trọng cần-thiết, Trọng Thủy lấy cớ về thăm nhà để đem tất-cả những bí-mật. Triệu Đà mới hoạch định được kế-sách hạ thành Cổ Loa,

Đây cũng là kinh-nghiệm giàn-diệp đầu-tiên trong lịch-sử Việt và cũng là bài học muôn đời về **tuyệt đối bí-mật quốc-phòng**.

Thời-đại An Dương vương tuy ngắn-ngủi, nhưng đã đánh dấu bước chuyển mình lớn trong lịch sử Việt - Từ tinh-thần thái hòa của một quốc-gia nông-nghiệp chuyển sang ý-thức dân-tộc thống-nhất chống ngoại-xâm.

Nhà Thục thay thế triều Hùng chỉ là sự xung đột nội bộ. Ngay truyền-thuyết dân-gian cũng không

coi Thục-Phán như kẻ ngoại-xâm, nên đều tôn thờ cả hai triều Hùng - Thục.

Mặc-dầu triều-đại An-Dương Vương ngắn-ngủi (257 - 208 trc. T.L.) nếu so với triều Hùng, nhưng lại ghi nhiều biến-chuyển của thời-đại:

Tên nước Âu-Lạc phản-ảnh sự kết-hợp của hai yếu-tố Âu và Lạc, hay có nghĩa là nước Âu của người Lạc-Việt? “Âu” gắn liền với các khái-niệm nước Tây Âu, người Âu Việt, nòng Âu-Cơ, huyện Tây Vu (biến âm của Tây Âu), của “lạc” theo nghĩa hẹp là người Lạc Việt ở vùng nước Văn-lang gắn liền với khái-niệm ruộng Lạc, dân Lạc, Lạc-tướng, lạc-hầu,...và có thể cả chim Lạc, vật tổ nữa. Theo nghĩa rộng hơn thì Âu-Lạc là nước Âu của những người Lạc tộc vốn sống ở miền Lĩnh Nam và vùng Bắc Việt. Nước Âu của người Lạc-Việt thay thế nước Văn-Lang cũng của người Lạc-Việt. Có thể nói nước Âu-Lạc ra đời như kết-quả một cuộc nội biến. An-Dương vương là người Lạc-Việt chứ không phải là một nhân-vật ngoại tộc đến chinh-phục, thôn-tính, đồng-hóa nước Văn-Lang.”

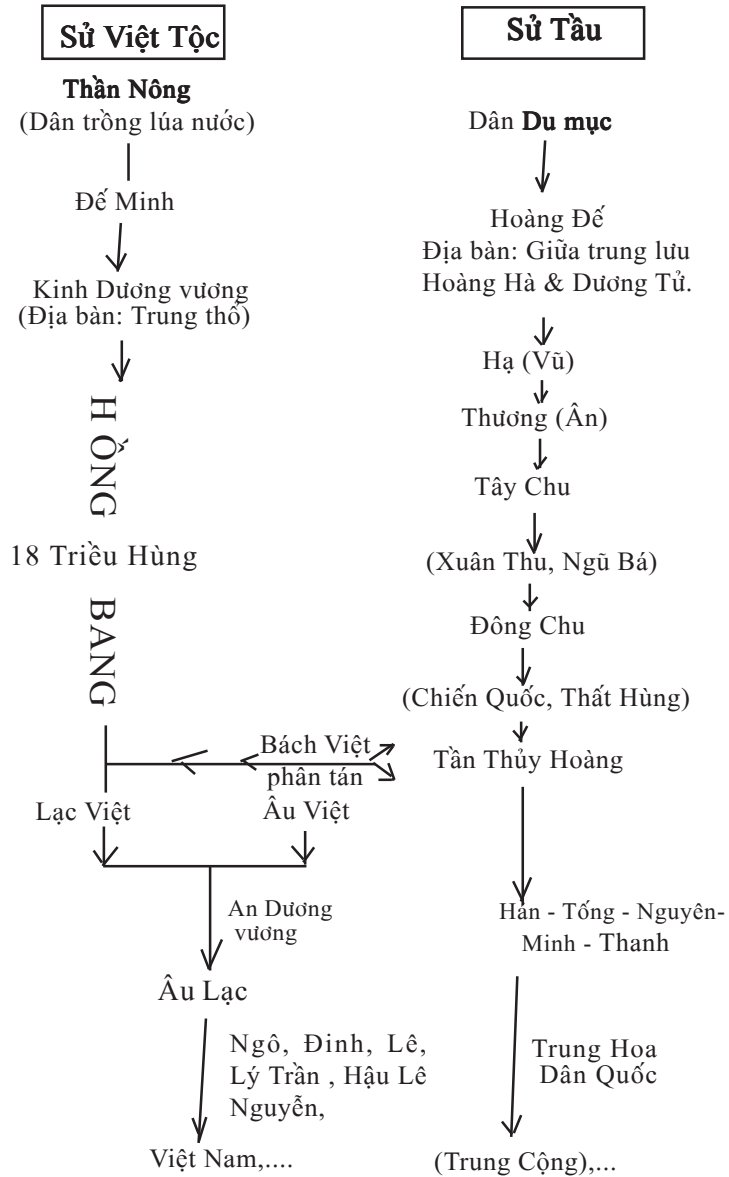
(Lê Văn-Hảo, “Hùng-Vương Dựng Nước”, Tập 4, tr. 419, Nhà xb. Khoa-Học Xã-Hội, 1974.)

*** Về mặt xã-hội**, cùng trong khối văn-minh Bách-Việt và gần-gũi Lạc-Việt, nên trong thời-kỳ An-Dương Vương, đời sống dân chúng Âu-Lạc tương-tự thời Hùng Vương: những ngôi nhà sàn kê cánh đồng lúa; những ngày hội đội mũ lông chim múa hát, tiếp-tục đúc những trống, thạp đồng nổi tiếng, thủ công-nghệ phát-triển cao, sản-phẩm bền hơn trước,...

*** Về Di-tích khảo-cổ:**

Những công-cụ bằng đá được thay-thế bằng kim-loại. Những lưỡi cày bằng đồng dày hơn, lớn hơn và cứng hơn đã tìm thấy tại xóm Nhồi (Cổ-Loa).

Bảng Đối Chiếu Triệu Đại



Sử luận:

Dấu-tích thành Cổ-Loa, kho tên đồng hàng vạn mũi đã tìm thấy ở Cầu-Vực (Cổ-Loa) không những là nguồn giải-thích cho truyền-thuyết nỏ thần mà còn là dấu-tích của một công-trình quân-sự, và liên-quan đến tổ-chức một đội quân hùng mạnh, quy-mô với tầm-mức một quốc-gia dưới một thể-chế trung-ương chặt-chẽ hơn thời Hùng. Có như vậy, quân-đội thời An-Dương Vương mới đủ khả-năng chặn đứng nhiều cuộc tấn-công quân-sự của Triệu-Đà, khiến Triệu-Đà phải dùng gian kế mới chiếm được Âu-Lạc.

Sách *Lĩnh Nam Chí Quái* kể: “Khi nước Nam nội thuộc nhà Đường, Cao-Biên sang làm Đô hộ, muốn trấn-yểm các nơi linh-tích, bắt đứa con gái 17, 18 tuổi chưa chồng cho ăn hoa quả, mặc áo quần tề-chỉnh, sang trọng đặt ngồi lên ngai rồi rình khi cất nhắc chân tay, thốt-nhiên chém đi. Thường hay dùng thuật ấy để trấn-áp bách thần. Khi Biền dùng mẹo ấy để trấn-áp thần núi Tản thì thần cưỡi ngựa trắng đứng trên mây mà lướt đi.

Cao-Biền than rằng: “Linh khí nước Nam còn thịnh-vượng lắm, không tài nào mà trừ được”.

Lại một buổi sớm, Cao-Biển đứng ở cửa Đông Nam La thành trông ra bờ sông Tô-Lịch thấy trong sông nổi cơn gió to, sóng đánh cuộn-cuộn, mây kéo mù-mịt rồi có một người dị dạng mặc áo vàng, đầu đội mũ đỏ, tay cầm hốt vàng có bóng thấp-thoáng như mây phủ, mãi đến lúc mặt trời gần cao ba trượng mà chưa tan. Cao-Biển lấy làm lạ, muốn dùng thuật trấn-áp, bèn đem vàng bạc đồng sắt chọn huýt mà chôn xuống cùng với lá bùa yểm. Đêm ấy, mưa gió

sấm sét âm-âm, có tiếng quỷ thần hò hét quát tháo kinh-thiên-động-địa.

Một lát sau, bùa yểm cùng vàng, bạc, đồng, sắt đều bị sét đánh bật tung lên tan ra như bụi cát bay tăn vào trong không trung. Cao-Biên sợ hãi than rằng: “Ở xứ này có thần thiêng như thế, ta nên về Tàu, chớ ở đây lâu tất có ngày mang họa.”

* Sự-kiện An-Dương Vương xây thành đến đâu lở đến đó, và cho là yêu quái phá-hoại. Đó chỉ là “thần-cách-hóa” bành-động phản-đối của một số dân, lính bị bắt buộc phải phục-dịch, hoặc dời xóm làng đi nơi khác, dành đất cho khu-vực xây thành.

Ngôai ra, xây theo hình tròn ốc³⁹ thì rất lợi thế cho việc thủ thành, trong bắn ra thì gần, nhưng địch tiến vào thì rất xa (tiến theo hình tròn ốc).

An-Dương Vương có “linh quang thần nổ” (nổ thần hay liên nổ), với thành cao hào rộng thế mà triều-đại chỉ tồn-tại 50 năm (257-207 tr. Tây Lịch), và cuối cùng bị mất vào tay Triệu-Đà, đủ chứng-tỏ điều-kiện bảo-vệ đất nước cốt ở tinh-thần bất-khuất và đoàn-kết của toàn dân.

* Mối tình oan trái của Mỵ-Châu với Trọng-Thủy hay cuộc hôn-nhân gián-điệp của nòi Hoa với tộc Việt, ông Pazzi tác-giả cuốn “Người Việt Cao Quý” đã có những nhận xét sâu sắc: “Bài học lịch-sử của dân-tộc Việt là chuyện cô gái Mỵ-Châu lấy người ngoài nước tên là Trọng-Thủy mà cơ-nghiệp nhà vua sụp-đổ tan-tành, đất nước bị lệ-thuộc lâu dài.

“Có lẽ do những phản-ứng sâu xa, do những kinh-nghiệm lịch-sử, người Việt vẫn khinh ghét rất đậm-đà tất-cả những phụ-nữ lấy chồng nước ngoài, nhất là khi nước ngoài ấy thuộc về các dân-tộc đã làm hại đến quyền lợi vật-chất hay tinh-thần của họ. Trong ngôn-ngữ ngày

xưa có câu thành-ngữ “**thằng Ngô con đĩ**” để chỉ người Tàu và các bà vợ Việt mặc dầu họ vẫn tiếp đón niềm-nở văn-hóa Trung-quốc và quý-trọng nền văn-hóa ấy...”

Thế nhưng, trong trường-hợp để đổi lấy sự hòa-bình hay mở-mang bờ-cõi thì vua Anb-Tôn nhà Trần sẵn-sàng gả con gái yêu của mình là Huyền-Trân Công-chúa cho Chế-Mân để lấy hai châu Ô và châu Ri.

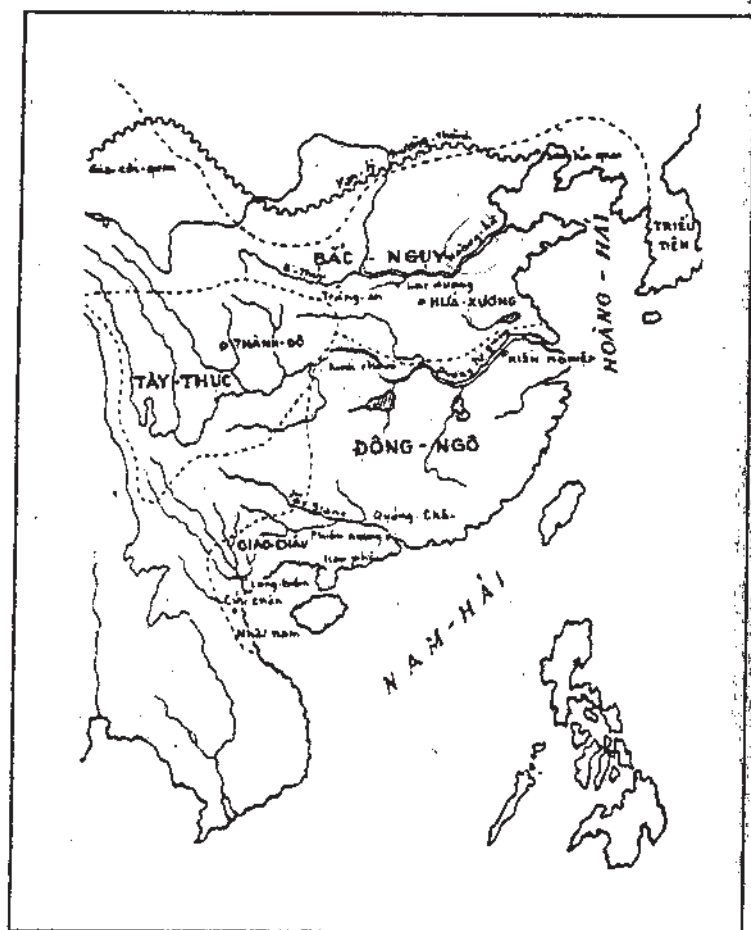
An-Dương Vương chém Mỵ-Châu, thái-độ người Việt khinh-khi gái Việt lấy người nước ngoài nếu không vì lợi-ích cho quốc-gia dân-tộc,...đều nói lên “Nợ nước nặng hơn tình nhà” trong văn-bóa Việt.



Đặng Dung mài gương dưới trăng

*Đại Việt chi ký
Xuân thu chi hương.”*

(Xuân Thu Hoa/ XY Lý Đông A)



Bản đồ thời Tam Quốc.

ĐẶC ĐIỂM THỜI AN DƯƠNG VƯƠNG:

Mặc-dầu ngắn-ngủi (267-208 trc. T.L.) nhưng ghi nhiều biến-chuyển của thời-đại:

1- Về mặt xã-hội: Đời sống dân-chúng tương tự thời Hùng vương. những ngôi nhà sàn kê cánh đồng lúa, những ngày hội đội mũ lông chim múa hát, tiếp-tục đúc những trống đồng, thạp đồng nổi tiếng, thủ công-nghệ phát-triển cao, sản-phẩm bền hơn trước...

2- Về di-tích khảo-cổ: Những công-cụ bằng đá thay thế bằng kim-loại. Những lưỡi cày dày hơn, cứng hơn và lớn hơn đã tìm thấy tại xóm Nhồi, Cổ Loa. Khảo-cổ-học đã xếp các di-chỉ trong thời An Dương vương thuộc nhóm di-chỉ khảo-cổ Đồng Cổ. Thời-kỳ Âu Lạc đã bước sang **thời đại sắt**. Một số lưỡi cuốc sắt đã tìm thấy ở Đường Mây, Chiên vậy, Đình Chàng,... Sự chế-tạo đã biết bỏ thép vào sắt để công-cụ cứng và sắc hơn.

Nhìn chung, đồ đồng trong nhóm Đồng Cổ có kích-thước, kiểu dáng giống đồ đồng ở di-chỉ Đông Sơn, đồng-thời có một số đặc-điểm giống di chỉ thuộc thời-đại đồng thau ở Trung-du và đồng bằng Bắc Việt...

3- Về chính-trị & Quốc-phòng:

Dấu-tích thành Cổ Loa, kho tên đồng hàng vạn mũi tên đã tìm thấy ở Cầu Vực (Cổ Loa) không những là nguồn giải-thích cho truyền-thuyết nỏ thần mà còn là dấu-tích của công-trình quân-sự, và liên quan đến tổ-chức một quân-đội hùng mạnh, quy-mô với tầm-mức quốc-gia, dưới một thể-chế trung ương chặt-chẽ hơn thời Hùng. Có như vậy, quân đội thời An Dương vương mới đủ khả-năng chặn đứng nhiều cuộc tấn-công quân-sự của Triệu Đà,

khiến Triệu Đà phải dùng gian kế mới chiếm được Âu Lạc.

Như vậy, thời An Dương vương, đất nước đã chuyển mình từ tinh-thần thái hòa của một quốc gia thuần-túy nông nghiệp sang ý-thức dân-tộc thống-nhất chống ngoại xâm, từ cơ-cấu tổ-chức “*lạc chế*” (*Trung-ương điều-hợp - địa-phương phân quyền*) ở đời Hùng sang thể-chế trung-ương chặt chẽ hơn, quy-mô chính-trị và quân-sự hơn.

Câu chuyện My Châu + Trọng Thủy có thể nói là cuộc *hôn-nhân chính-trị* qua sự bang-giao giữa nòi Hoa và tộc Việt. Đây cũng là kinh-nghiệm gián-điệp đầu tiên trong lịch-sử Việt, và cũng là bài học muôn đời về *tuyệt-đối bí-mật quốc phòng*.

Quốc-phòng đối với dân Việt đã thành một phong-tục. Tất cả những vị anh-hùng cứu nước, diệt giặc bất kể thuộc đẳng cấp nào: vua, quan, hay dân đều được lập miếu, đền thờ. Thờ cúng anh-hùng (Cultes des héros) mà Thomas Carlyle mới đưa ra và được thế-giới nồng-nhiệt tán-thưởng thì người Việt đã thực-hành từ lúc mới bắt đầu lập quốc.



Xuân Thu Hoa

*Chi Hồng Bàng chín vạn mở Kinh Dương
Bọc trứng ngày trăm con chia núi bể
Giống Tiên Rồng văn-hóa cực Viêm phương
Nước Đại Việt xuân thu hùng vạn thế.*

*Đại Việt chi ký
Xuân thu chi hương*

*“Đinh Tiên Hoàng khi cờ lau Vạn Thắng
Trần Hưng Đạo khi Vạn Kiếp chi cơ
Lê văn Hưu khi chép pho sử thặng
Hàn Nguyễn Thuyên khi đọc tế ngư tồ.*

*Đại Việt chi ký
Xuân thu chi hoa*

*“Lê Thái Tổ khi Bình Ngô Đại Cáo
Còn non sông anh khí vẫn bàng-bàng
Lê Hồng Đức khi vườn Quỳnh chính giáo
Còn non sông nắng hóa vẫn chang-chang.*

*Đại Việt chi ký
Xuân thu chi quang*

*“Nguyễn Quang Trung khi bình Thanh thệ chúng
Nguyễn văn Thành khi chén rượu diều tang
Phan Sào Nam khi chép pho vong quốc
Còn là hồn Đại Việt sống vô cương.*

*Đại Việt chi ký
Xuân thu chi hương*

*“Chi Hồng Bàng chín vạn mở Kinh Dương
Bọc trứng trăm con chia núi, bể
Giống Tiên Rồng văn hóa cực Viêm phương
Nước Đại Việt xuân thu hùng vạn thế.*

Đến năm 602, đất Giao Châu thuộc nhà Tùy, sau đó thuộc nhà Đường, tuy-nhiên các lãnh-tu người Việt như Khúc Thừa Dụ, Khúc Hạo, Khúc thừa Mỹ đã nắm quyền điều-khiển dân mình từ 906 đến năm 923, nhà Nam Hán đã chiếm lại cho đến năm 931 bị đẩy lui, Bắc phương phải để cho dân Việt tự chủ.

Bắc thuộc lần 5: (1414 T.L. - 1427)

Sau khi được tin Mộc-Thanh bị bại trận, vua nhà Minh sai Trương-Phụ đem binh sang cứu viện.

Trương-Phụ một mặt đưa chiếu của vua Minh lấy lời giả nhân nghĩa “Phù Trần”, một mặt tiến quân chiếm đất, lập quận huyện để cai-trị.

Quân của Trương-Phụ đi đến đâu giết hại quân dân và làm những điều tàn-ác như xé thịt người thành nui, hoặc rút ruột người treo lên cây, hoặc nấu thịt người để làm dầu đốt, những người Việt nào tòng phục chúng mà giết được nhiều người bản quốc thì được cho làm quan,...!

Đến năm 1413, vua tôi nhà Hậu Trần gồm Trần-Quý-Khoách, Nguyễn Cảnh-Dị, Đặng-Dung, Nguyễn-Súy đều bị bắt và giải về Yên-Kinh. Đi đến giữa đường, vua Trần Quý -Khoách nhẩy xuống biển tự tử, các ông Đặng-Dung, Nguyễn-Súy, Nguyễn Cảnh-Dị cũng tử tiết theo. Trương-Phụ toàn thắng, đặt quan cai-trị và để lại quân binh phòng giữ chỗ giáp giới nước Chiêm-Thành.



Tiếp Nối Tinh Thần Việt, Vượt Thắng.

*** Tổng Quan :** Hơn ngàn năm Bắc thuộc, để được tự-do và có chủ quyền, dân Việt đã đấu-tranh quyết-liệt -” *Không đổ máu, tuyệt không xoay-chuyển được thời-đại.*”

Có 5 thời-kỳ Bắc thuộc:

1- Nhà Triệu (Triệu Đà) từ 207 - 111 trc. T.L.

2- Bắc thuộc lần 2: Lệ thuộc nhà Tây Hán (111 Trc. T.L. - 39 T.L.)

3- Bắc thuộc lần 3: Lệ thuộc nhà Đông Hán (43 - 544 TL.)

4- Lệ thuộc nhà Tùy và nhà Đường từ 603-939 T.L..

5- Lệ thuộc nhà Minh (1414-1425 T.L.).

*** Đại cương chính-sách cai-trị của nhà Triệu:**

Nguyên Nhâm Ngao và Triệu Đà vốn là thuộc tướng của Tần Thủy Hoàng. Nhân triều Tần suy thoái, Nhâm Ngao trước khi chết đã khuyên Triệu Đà nên lợi-dụng thời-cơ xây-dựng bá nghiệp. Triệu Đà xưng vương, đổi 2 quận Quế Lâm và Nam Hải thành Nam Việt, tiếp thôn-tính Âu Lạc lập thành một triều-đình riêng, biệt-lập với nhà Tần.

Có 3 điểm nổi bật trong thời Triệu:

*** Phối-hợp Việt - Hoa** nơi triều-đình (Triệu Dương vương (Kiến Đức) là con trưởng của Minh Vương, mẹ là Thuật Dương thuộc nội Việt. (Vũ vương (Triệu Đà), Văn vương, Minh vương, Dương vương (kiến Đức), Ai vương.)

- Hành-đông quan thái phó Lữ Gia chém đầu sứ giả An Thiếu Quý và Cù Thi, tỏ rõ sự quyết tâm chống lại âm-mưu thôn-tính Việt của nhà Hán .

“Lữ Gia cấm ngang kiếm thép ngăn đường Bắc thuộc. Cù thi, Ai vương khốc thét - hồn xiêu lạc nẻo u mê -mắt mẹ chưa kịp nét cười xuân, quân Hán tràn đầy cửa Việt”

-Kinh-nghiệm đầu-tiên cho thấy, **chính-sách đối ngoại của Trung Hoa tùy thuộc vào tỷ-lệ sức mạnh của hai bên.**

Bắc thuộc lần 2: (111 trc. T.L. - 39 sau T.L.)

Vấn duy-trì quý tộc Việt để coi-sóc dân Việt, nhưng thủ-đoạn Hán hóa khôn-ngoa qua thái-thứ Tích Quang và Nhâm Diêm, điều mà sử-gia gọi là “khai hóa”, có nghĩa là buộc dân ta theo lễ nghĩa, phong-tục nòi Hán, từ cách ăn mặc, nếp sống nhất nhất phải theo Tàu!

Bắc thuộc lần 3: (43 T.L. - 544 sau T.L./ Lệ thuộc nhà Đông Hán (43-220), nhà Đông Ngô (221-280), nhà Tấn (280-420), nhà Tống (420-479), nhà Tề (479-502), nhà Lương (502-544).

- Dã tâm thời Đông Hán qua Mã Viện đã thể hiện **“Đồng trụ chiết Giao chỉ diệt”**. Chính Henri Maspéro đã kết-luận: *“Mã Viện là người đầu tiên dùng bạo-lực cưỡng gian văn-hóa Lạc Việt, tức là văn-hóa Trung quốc áp đặt vào đời sống của xã hội Việt.”*

Nhà Đông Hán mất ngôi, nước Tàu chia là 3: Ngụy - Thục và Đông Ngô. Nước Giao Châu thuộc Đông Ngô. Trong thời lệ thuộc Đông Ngô, Bà Triệu cùng với anh là Triệu Quốc Đạt khởi binh chống-cự quân Ngô. Sau đó Giao châu lệ thuộc nhà

Tấn. Tiếp đến nhà Tống, đặc-biệt ở thời này, lịch sử Việt đã tạo nên trang sử oanh-liệt, vẻ-vang cho nòi giống - Đức Lý Thường Kiệt và Tôn Đản đã đem quân phạt Tống, **lấy công làm thủ**. Ta có thể nói: *“Không đọc sử không đủ tư cách nói việc quốc gia. Đọc sử không giải được nghĩa và không nắm được thể dụng, tất không thể có được bản-lĩnh về chính-trị. Cần đem một trí-thức suốt mắt thống-nhất vào một nhãn quang mới phân-tách được 1 biến-cố trên lịch-sử cho thích-đáng... Cuộc chiến-tranh Lý - Tống là sự xung-đột giữa hai thể-chế, mà dân-chủ quyết-định tất thắng.”*

Xã hội Tống chạy theo tư bản (Phép bảo giáp (để tăng quân số), bảo mã (tăng chiến ngựa), sai người đi biên các khe ngòi, địa-thế, sửa binh khí, làm thuyền và cấm người châu huyện gần biên-giới đi lai buôn bán với người Giao Châu....), Vương an Thạch tu-chỉnh quan-hệ kinh-tế nông-nghiệp với công, thương nghiệp, một mặt đem kinh-tế quốc-gia lệ-thuộc sự chỉ-đạo của chính-phủ, và một mặt chính phủ lấy chính-trị xâm-lược phát-triển ra ngoài làm phương hướng. Để thí-nghiệm sự phát-triển ấy đổ vào đầu dân ta bằng bằng sự cấm chợ ngăn sông ở biên-giới và sự ăn cướp mỏ vàng ở Quảng Nguyên.

Tờ tuyên ngôn khai chiến phát ra từ triều Lý, kịch-liệt công-kích sự biên-pháp của Vương An Thạch vì mục-tiêu đen tối của biên-pháp.

*Các trận Ung, Khâm, Liêm của Lý Thường Kiệt cần được đưa vào chiến sử và phát-huy hết giá trị của nó. Kinh-nghiệm trên quân sử là **Lấy công làm thủ**.*

Bắc thuộc lần 4: (603 T.L. - 939 sau T.L.)

tâm, và tham vọng của người bạn láng-giềng. Tinh-thần quyết tâm sắt đá này được un-đúc, nung-nấu qua ngàn năm đô-hộ của phương Bắc. Nó bắt rễ từ tâm-hồn và ý-chí dân Việt, không muốn mình trở thành người Hoa, hoặc chư-hầu của một đế quốc to lớn kia. Tổ-tiên Việt biết nhận thức về cơ-cấu quốc-gia, biết xây-dựng nền triều-chính, có vua quan, và một xã-hội với các giai-tầng rõ-rệt, quăn-quít, thân-thiết với nhau trong tương-quan quân thần, huynh đệ.

Nền đô-hộ phương Bắc đã tạo hai tác-dụng lớn: Giai-cấp sĩ-phu sẵn-sàng đón nhận văn-hóa Trung-Hoa để làm giàu ngôn-ngữ và xếp đặt xã-hội cho quy-cử.

Các tư-tưởng Lão, Phật, Khổng... được chuyển dịch dễ-dàng vào tâm-tình Việt.

Mặt khác, sự thống-trị hà-khắc của phương Bắc (Tàu) làm nảy sinh sự đối-kháng tự-nhiên chống lại quân thù, cũng như chống lại mọi can-thiệp bên ngoài. Suốt hơn 1000 năm bị đô-hộ, dân Việt đã nổi dậy hơn 7 lần chống lại, những đạo quân thiện chiến khổng-lồ của Trung-Hoa. Chưa có lịch-sử của dân-tộc nào nổi bật hơn lịch-sử Việt-Nam về sức mạnh chiến-đấu cho nền độc-lập của mình...

Một học-giả Việt-Nam nêu lên một tổng-hợp mới về sự hình-thành Việt-Nam qua 5 thời-đại:

1-Trước tiên, thời-kỳ văn-hóa Đông-Sơn còn gọi là văn-hóa Lạc-Việt, quyền lực Trung-quốc chưa xâm-phạm đến Việt-Nam. Dấu tích văn-minh trước kỷ-nguyên đồ đồng rải-rác vùng duyên-hải và hải-đảo Đông Nam Á. Ranh-giới văn-hóa và chính-trị giữa hai nước Trung-Hoa và Việt-Nam được minh định.

2-Thời kỳ thứ hai, gọi là thời-kỳ Hán - Việt, với sự xâm-nhập và bành-trướng lực-lượng phương Bắc vào Việt-Nam. Giới sỹ-phu giữ vai-trò lãnh-đạo đã chịu ảnh-hưởng Trung-quốc. Triết-học Trung-quốc xâm-nhập xã-

Tổng-Luận Thời Bắc Thuộc

*

1/ Dã Tâm Tiêu-Diệt và Hoa Hóa

Hơn ngàn năm lệ-thuộc Trung-Hoa, các thái-thú và thứ-sử từ thời Tây Hán đến Minh triều, dù mềm-dẻo hay tàn-bạo đều thực-thi chính-sách tiêu-diệt và đồng hóa dân Việt. Các thái-thú nham-biễm như Nhâm-Diên, Tích-Quang và Sỹ-Nhiếp, họ khôn-ngoan dùng thủ-đoạn vỗ-về dân-chúng hầu dễ-dàng làm thay đổi phong-tục, tập-quán, mà họ tự nhận là khai-bóa cho dân Việt. Các thái-thú này nguy-biễm hơn là các thái-thú công-khai tàn bạo. Càng tàn-bạo càng dễ-dàng kích-động tinh-thần đấu-tranh của dân chúng.

Chính-sách đồng-hóa từ Hoàng-đế kế-truyền từ đời này qua đời khác, thực-hiện song-song qua hai hình-thức:

- Tiêu-diệt dân bản-xứ bằng phương-pháp thống-trị rất hà-khắc.

- Di dân chiếm đất.

Một câu chuyện khá lý-thú để tỉnh-thức những ai quên nguồn gốc, chạy theo Hoa tộc. “Sau cuộc cách-mạng Tân-Hợi (1911), Tôn-Văn (Tôn-Dật-Tiên), với tư-cách đảng-trưởng Trung-Hoa Quốc-Dân đảng sang thăm Nhật-Bản. Tôn-Văn được ông Khuyển-Dưỡng-Nghị, đảng trưởng Nhật-Bản Quốc-Dân đảng tiếp đón. Trong bữa tiệc, ông Khuyển Dưỡng-Nghị đã hỏi Tôn-Văn: “Tôi được biết tiên-sinh có dịp qua Hà-nội, vậy xin tiên-sinh cho

biết tôn ý về dân-tộc Việt-Nam.” - Tôn-Văn đáp ngay: “Người Việt-Nam vốn nô-lệ tính, ngày xưa họ bị chúng tôi đô-hộ, ngày nay lại bị người Pháp cai-trị, dân-tộc ấy không có tương-lai. Được dịp, ông Khuyển Dường-Nghị đáp lại: “ Về điểm này, tôi xin không đồng ý với tiên-sinh. Ngày nay người Việt họ bị thua người Pháp vì họ thiếu khí-giới tối tân, nhưng xét lịch-sử thì trong số Bách-Việt, chỉ còn có họ là thoát khỏi nạn Hoa hóa. Tôi tin rằng một dân-tộc đã biết tự-hào một cách bền-bỉ như vậy thì sớm muộn cũng sẽ lấy lại được quyền tự chủ.” Tôn-Văn đỏ mặt không trả lời, vì biết mình nói hớ. Tôn-Văn tự hiểu ông Khuyển Dường-Nghị ám-chỉ ông là người Quảng-Đông, tổ-tiên Tôn-Văn thuộc Bách-Việt, nhưng kém xa dân Việt-Nam vì họ đã bị Hán (Hoa) hóa hoàn-toàn!⁴⁰

Qua câu truyện trên đủ chứng-tỏ sự thành-công của chính sách đồng-hóa của Trung Quốc. Đến như Tôn-Văn thuộc thành-phần biểu-biết sâu rộng mà còn bị Hán (Hoa) hóa hoàn-toàn thì chúng ta không ngạc-nhiên khi ngày nay không còn thấy một vết-tích gì của Bách-Việt, một sắc dân trước kia đông-đảo ngang hàng dân Hoa. Điều này đã giải-thích sự gia-tăng dân-số Trung-Hoa một cách mau chóng trong mấy thế-kỷ, từ 313 triệu vào năm 1779 và nay trên một tỷ dân.

2/ Tinh-Thần Bất-Khuất Của Dân Việt

* **Khía Cảnh Văn-Hóa:** Như trên, chúng ta thấy sự du-nhập văn-hóa Trung-Hoa vào nước Việt đã không đạt được kết-quả mong muốn của đế quyền Trung-Hoa, mà ngược lại số dân Hoa muốn sống còn phải thích-nghi với môi-trường Việt. Họ đã bị đồng-hóa vào nếp sống, vào nền văn-hóa Việt. Chứng-cớ là nhóm Mã-Lưu thời Đông-Hán do Mã-Viện lưu lại

ở Giao-Chỉ, cũng như dưới triều Nguyễn, số người Hoa (Mạc-Cửu, Mạc-Thiên-Tích, v.v...) ở miền Nam đã bị Việt-hóa, mà không còn vết-tích gì nữa, ngoài vài trang ghi chép trong sử cũ.

* **Về Khía-Cạnh Tôn-Giáo:** Lão giáo cũng như Nho giáo phát-xuất từ Trung-Hoa, còn Phật-giáo gốc từ Ấn-Độ, đã du-nhập vào nước Việt trước, rồi sau đó mới qua trung-gian của tăng-sĩ Trung-Hoa. Có lúc Phật-giáo ở nước ta thịnh hơn Phật-giáo ở Trung-Hoa.

Nho-giáo đã ảnh-hưởng nhiều vào tầng lớp sĩ-phu, còn Phật-giáo và Lão-giáo ảnh-hưởng rộng-rãi ở lớp dân-chúng, nhưng cốt-lõi văn-hóa dân-gian Việt rất vững-chắc đã dung-hòa được cả ba tôn-giáo Phật, Lão, Khổng nên mới có **“Tam Giáo Đồng Lưu”**, mà không một tôn-giáo nào có thể trở thành quốc-giáo.

Trong cuốn “The Birth Of Vietnam”, Keith Weller Taylor đã viết về “Tổng-Quát Thời-Đại Hùng Vương”:

“... Quả thật, ngôn-ngữ Việt đã tồn-tại, truyền-thống dân-tộc này được tôi-luyện và thăng-hoa. Dầu tiếp-xúc kề-cận với Trung-Hoa, dân-tộc Việt đã bảo-tồn được ngôn-ngữ và truyền-thống thần-kỳ của mình.

Mười thế-kỷ nô-lệ, người dân Việt đã thực chứng dã-tâm thống-trị cũng như linh-hội những điều hay, lẽ phải của Trung-Hoa. Dân-tộc Việt vẫn có thể tiếp-nhận, thưởng-thức những áng thơ Đường nhưng vẫn sẵn-sàng chiến-đấu bảo-vệ quê-hương mỗi khi bị xâm-lăng.

Lịch-sử Việt trải dài bao nhiêu vinh nhục để dân-tộc được sống còn trước một đế quốc hùng mạnh trên địa-cầu. Chính sách của người Tàu không bao-giờ khước từ tham-vọng đô-hộ Việt-Nam. Suốt chiều dài lịch-sử qua 10 thế-kỷ, Việt-Nam đã tạo-dựng cho mình một tinh-thần dân-tộc và một nền tự-trị, đối đầu được với mọi manh

chiếc thuyền xin ở làm dân Việt-Nam. Chúa Hiền nhân muốn khai-khẩn đất Chân-Lạp, bèn cho vào ở đất Đông-Phố (tức là đất Gia-Định). Bọn Ngạn-Địch chia nhau ở đất Lộc-dã (Đồng-Nai, Biên-Hòa), Mỹ-Tho và Ban-Lân (thuộc Biên-Hòa) cày ruộng làm nhà lập ra phường phố.

Năm 1688, Hoàng-Tiến giết Dương-Ngạn-Địch, dựng đồn ở Nan-Khê, làm tàu đúc súng để chống nhau với Chân-Lạp. Vua Chân-Lạp là Nặc-Ông-Thu cũng đào hào đắp lũy để làm kế cố thủ và bỏ không chịu thần-phục chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn bấy giờ là Nguyễn Phúc-Trân sai quan đem quân đi đánh dẹp, dùng mưu giết được Hoàng-Tiến và bắt vua Chân-Lạp phải theo lệ triều cống.

Đến năm 1698, chúa Nguyễn là Nguyễn-Phúc-Chu sai Nguyễn-Hữu-Kinh làm kinh-lược đất Chân-Lạp, chia đất Đông-phố ra làm dinh, huyện, lấy Đồng-Nai làm huyện Phúc-Long và Sài-gon làm huyện Tân-Bình; sai quan vào cai-trị hai dinh Biên-Hòa và Gia-định. Đồng-thời chiêu-mộ lưu dân từ Quảng-bình trở vào để lập ra thôn xã và khai-khẩn ruộng đất. Những người Tàu ở Trấn-Biên (Biên-Hòa) thì lập thành xã Thanh-Hà, những người ở Phan-trấn (Gia-Định) lập xã Minh-hương. Tất-cả những người Tàu này đều thuộc về sổ bộ nước Việt". Ngoài ra, trong khi nhà Thanh thay nhà Minh cai trị bên Tàu, Mạc-Cửu ở Quảng-Đông bỏ sang ở Chân-Lạp, mở sông bạc, chiêu-mộ những lưu-dân lập ra 7 xã, gọi là Hà-Tiên. Năm 1708, Mạc-Cửu xin thuộc về chúa Nguyễn, chúa Nguyễn phong cho chức tổng-binh, giữ đất Hà-Tiên.

Từ năm 1699 cho đến 1759, Chân-Lạp cứ loạn-lạc luôn, nội tình chia-rẽ vì tranh ngôi vua nên mỗi lần thất-bại hay cầu-cứu chúa Nguyễn lại một lần dâng đất tạ ơn:

hội Việt-Nam. Văn-hóa Việt giao-hòa văn-hóa Trung-quốc trong sinh-hoạt chung của dân-tộc trước trào-lưu truyền-giao của các tăng-sĩ Phật-giáo đến bằng biển từ Ấn-Độ.

3-Thời kỳ thứ ba gọi là thời-kỳ Giao - Việt, xuất hiện khi tỉnh-lỵ Giao được xác-định là lãnh-thổ Việt-Nam. Ý-thức ranh-giới văn-hóa, chính-trị được củng-cố dần với các nhà lãnh-đạo miền Bắc xuôi Nam mở rộng biên giới. Lin-I, vị vua Chiêm-Thành chống-đối lại áp-lực của Việt-Nam. Chiến-tranh do Lin-I phát-động dọc duyên-hải, phản-ảnh rõ-rệt nét đặc-thù của thời-đại này.

-Giai-đoạn 4 trải dài đến thế-kỷ thứ 6 khi lực-lượng Trung-quốc tạm thời rút-lui khỏi lãnh-thổ Việt, các vị anh-hùng địa-phương cố-gắng thiết-lập một ý-thức ranh-giới cho Việt-Nam, không những đối với các nước phía Nam mà còn đối với phía Bắc. Thời-đại này, dân Việt tự sắp đặt tổ-chức cơ-cấu và chính-trị...

- Giai-đoạn 5 gọi là thời-kỳ Đường - Việt. Thời kỳ này mang rõ nét một nước Việt-Nam trong đế-quốc Trung-Hoa. Áp-lực phương Bắc thật nặng-nề đã gây sự phản-kháng quyết-liệt của dân-tộc Việt qua các cuộc khởi-nghĩa. Thời-kỳ Đường - Việt này mang rõ nét chia cắt ranh-giới văn-hóa và chính-trị Việt-Nam với các nước láng-giềng. Vào thế-kỷ 10, các nhà lãnh-đạo Việt-Nam tách rời Việt-Nam khỏi Trung-quốc về chính-trị, văn-hóa và quân-sự để dựng lên một thực-thể lãnh-thổ và dân-tộc có một tiến-trình lịch-sử oai-hùng và hiển-hách.

Mỗi thời-kỳ tô lên lịch-sử Việt-Nam những nét đặc-thù làm nổi bật sự khác-biệt văn-hóa Việt với các nước láng-giềng.

Vào thế-kỷ thứ 10, Việt-Nam ý-thức trọn-vẹn vận-mệnh quốc-gia không thể phụ-thuộc phương Bắc. Miền Bắc không còn trở nên mối nguy-cơ tồn vong cho tương-

lai Việt-Nam khi mất được mở rộng để canh-chừng mọi động tĩnh đe-dọa...”

//

Công mở mang đất đai của nhà Nguyễn:

Từ năm 1558 đời vua Anh-Tông nhà Hậu lê, Nguyễn-Hoàng xin Trịnh-Kiểm vào trấn-thủ đất Thuận-Hóa là đã có ý phòng-bị chống lại họ Trịnh. Tiếp sau, hai họ Trịnh - Nguyễn phân cách Nam Bắc, đánh nhau trong khoảng 45 năm, gây tàn hại cho đất nước.

*** Dứt Chiêm-Thành (Lâm-Áp)**

Vùng thuộc quyền chúa Nguyễn khởi đầu gồm hai đất Thuận-Hóa, Quảng-Nam, bắc có dãy Hoành sơn, sông Linh Giang (sông Gianh), nam có núi Hải-Vân và Bi-sơn, đất hẹp dân nghèo, nên buộc chúa Nguyễn muốn tung-boành phải tiến về phía Nam để mở rộng bờ cõi.

Năm 1611, Nguyễn-Hoàng vào đánh nước Chiêm-Thành lấy đất lập ra phủ Phú-Yên. Đến năm 1653 vua nước Chiêm-Thành sang quấy-nhiều đất Phú-Yên, chúa Nguyễn-Phúc-Tấn sai quan Hùng-Lộc sang đánh. Vua Chiêm xin hàng. Chúa Nguyễn cắt đất từ sông Phan-Lang trở vào dành cho vua Chiêm, còn từ sông Phan-Lang trở ra lập thành Thái-Ninh phủ sau đổi làm phủ Diên-Khánh (Khánh-Hòa bây giờ).

Năm 1693, vua nước Chiêm-Thành bỏ lệ tiến-cống chúa Nguyễn, Chúa Nguyễn lúc bấy giờ là Nguyễn Phúc-Chu sai tổng-binh Nguyễn-Hữu-Kính đem quân chiếm Chiêm-Thành và đổi thành Thuận Thành trấn. Năm 1697 chúa Nguyễn đặt phủ Bình-

Thuận lấy đất Phan-Lý (Phan-ri) Phan-Lang (Phan-Rang) làm huyện Yên-Phúc và huyện Hòa-Đa.

*** Mở Đất Nam Việt**

Theo “Việt-Nam Sử Lược” của Trần-Trọng-Kim: “Nước Chân-Lạp ở vào quăng dưới sông Mê-kông, có lắm sông nhiều ngòi, ruộng đất phì nhiêu mà nước Nam ta thường hay mất mùa, dân tình đói khổ, trong lúc Trịnh Nguyễn đánh nhau nên nhiều người bỏ vào khẩn đất, làm ruộng ở Mò-Xoài (Bà Rịa) và ở Đồng-Nai (nay thuộc Biên-Hòa).

Năm 1658, vua Chân-Lạp mất, chú cháu tranh nhau, sang cầu cứu chúa Nguyễn. Chúa Hiền bấy giờ sai đem 3000 quân sang bắt được Nặc-Ông-Chân đem về giam, sau thả cho về nước bắt phải triều-cống và phải che-chở người Việt-Nam sang làm ăn ở Chân-Lạp.

Năm 1674, nước Chân-Lạp có người Nặc-Ông-Đài đi cầu-viện nước Tiêm-La (Thái-Lan) để đánh Nặc-Ông-Nộn. Nặc-Ông-Nộn cầu cứu chúa Nguyễn. Chúa Hiền bèn sai Nguyễn-Dương-Lâm cùng với Nguyễn-Đình-Phái làm tham-mưu đem binh hai đạo sang đánh Nặc-Ông-Đài, phá được đồn Sài-gon, rồi tiến quân vây thành Nam-vang. Nặc-Ông-Đài bỏ thành chạy vào chết ở trong rừng.

Nặc-Ông-Thu ra hàng. Vì Nặc-Ông-Thu là chính dòng con trưởng cho nên lại lập làm chánh quốc vương đóng ở Long-Úc, để Nặc-Ông-Nộn làm đệ nhị quốc vương, đóng ở Sài-gon, bắt hàng năm phải triều-cống.

Năm 1679, tổng-binh đất Long-Môn (Quảng-Tây), Dương-Ngạn-Địch, phó tướng Hoàng-Tiến, tổng-binh Châu-Cao, châu Lôi và châu Liêm (thuộc Quảng-Đông) là Trần-thượng-Xuyên, phó tướng Trần-An-Bình đều không chịu làm tôi nhà Thanh, đem 3000 quân cùng 50

nguyên nhân của cuộc thắng trận bằng những cách thi-thố và xử trí của triều Trần thời bấy giờ:

Sự phát-động “*Nguyên lão hội nghị*” tại Phúc Xá biểu-lộ một ý nghĩa là tinh-thần dân-chủ chưa mất, đó là yếu-tố cần để vận-động “*toàn dân kháng chiến*”. Cũng nhờ đó mà làm cho đời sống chính-trị của quốc-gia không bị “*năm bè bảy mối*”.

Chiến-lược của kháng-chiến bấy giờ là “*trì cữu chiến*” ***phối hợp với du-kích chiến, tiêu-hao chiến, nó là toàn dân chiến lược***. Cuộc tổng động viên về tinh-thần làm bằng vè và hịch; cuộc tổng động viên nhân-lực bằng sự khoát sung quân-đội, chiêu la tướng tài, tổ-chức dân chúng, huấn-luyện chiến-bị; cuộc tổng-động-viên vật lực làm bằng thu tập kinh-tế về các giải đất dự-định làm an toàn, di động các lao-động đi sinh sản, tổ-chức “***đồng không, nhà trống***”, tổ chức dân dũng và cần vương quân. Sự ân xá các tội phạm và sự thu dụng các phần-tử bất-đắc-chí còn là một đả-kích cho âm-mưu của giặc Nguyên định lấy Trần Ích Tắc làm chính-phủ bù-nhìn.

Lòng trung dũng của toàn thể tướng sĩ phối hợp với sự đoàn-kết nhất chí của tất cả dân chúng ***quyết chết nghĩa là quyết sống***, người-người đều khắc hai chữ “***Sát Thát***” vào bả vai, tỏ ý không hàng và không thỏa-hiệp.

Ngoại-giao cũng thực-hành theo mục-đích của chiến-lược. Lấy một lập-trường nghiêm chỉnh và một hành-động quả-đoán để đối-phó với quân địch mới là đạo quyết thắng. Sự làm trung-lập-hóa nước Chăm (Chiêm Thành) thành-công nhờ ở lòng kiên-quyết tỏ rõ sự tín-ngĩa của nước ta không cho giặc mượn đường đánh họ. Điều đó đáng giá lòng

- Năm 1755, Nặc-Nguyên dâng hai phủ Tầm-Bôn và Lô-Lạp để chuộc tội.

- Năm 1759, Nặc-Tôn dâng đất Tầm-phong-Long tạ ơn chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn sai đem dinh Long-bồ về xứ Tầm-bào, tức là tỉnh-lỵ Vĩnh-Long bây giờ, và đặt ra ba đạo: Đông-khẩu ở Sa-đéc, Tân-châu ở Tiền-giang và Châu-đốc ở Hậu-giang. Nặc -Tôn lại dâng 5 phủ: Hương-Úc, Cần-Bột, Trúc-Sâm, Sài-Mạt và Linh-Quỳnh để tạ ơn Mạc-Thiên Tứ. Mạc-thiên-Tứ đem những đất ấy dâng chúa Nguyễn, chúa cho thuộc về trấn Hà-Tiên.

Kết-quả 6 tỉnh Nam-Việt bây-giờ là đất lấy của nước Chân-Lạp mà người Việt khai-thác ra.

*



Cuộc thắng lợi kháng Nguyên

Sự thắng lợi vẻ-vang của cuộc kháng Nguyên là một bài học lịch-sử lớn-lao cho đạo lập quốc trên suốt mặt văn-hóa. Chính ở đó mới rõ nguyên-ủy của đạo thắng trận chân-chính.

Hốt Tất Liệt, hung thần trên con ngựa Mông Cổ, tuyên-bố phải mang dân-tộc ở màn vải trên đầu hết giống nòi thế-giới mới phỉ chí. Quân Nguyên đã chiếm lĩnh và chinh-phục nòi Hoa (Hán) làm tay sai, lấy đó làm căn-cứ địa tốc quân sang đến Arabie, Perse, qua Sibérie sang tận Danube, mà tới cửa ngõ thành Vienne. Trong đời đạo quân ấy chỉ biết có ngọn gió Itsé làm đắm thuyền với bàn tay Việt làm tan-tác mảnh giáp không còn.

Chiến-lược của quân Nguyên y theo nền-tảng và quan-hệ xã-hội và kinh-tế du-mục hiếu chiến của lính ngựa. Sự phối bị của quân-đội ấy hoàn-toàn theo thể-chế của phong-kiến bộ-lạc.

Để cho hợp với mục-đích chiến-lược, tất cả đồ trang bị đều nhẹ-nhàng, gọn-gàng, kín-đáo. Bộ tổng tham-mưu thi-hành chiến-lược trên quy-mô và khoa-học thật hiện-đại. Sau khi đã triển-khai lưới gián-điệp khắp nước và tình-báo chiến địa xong xuôi mới quy-định một kế-hoạch tác-chiến. Nước bị đánh chịu uy-hiếp dưới một kế-hoạch tác-chiến lấy tiêu-diệt về kinh-tế, văn-hóa, chính-trị suốt mặt bằng sách-lược rất quý-quyết, tàn-ác, phá-hoại triệt-để và cất-nhắc nhanh-chóng, giống như “*toàn diện chiến và quốc-lực chiến ngày nay*”.

Sự thắng trận của Trần Hưng Đạo đặt trên cả một nền-tảng xã-hội đời Lý đến Trần, và cả một thể-hệ vật-chất cùng tinh-thần trọn vẹn. Kết

cấu của xã-hội ta lúc bấy giờ một bề là xã-hội đan lát theo chính-trị tổ-chức từ gia-đình, gia-tộc, tông tộc đến quốc-gia phối-hợp từ bảo đến giáp, thôn, xã, tổng, tỉnh và quốc-gia. Sự sinh-hoạt kinh-tế quốc-dân từ đời Lý qua quân điền (*chia đều ruộng cho dân*), bình-đẳng trên tài-sản và tự-do trên hưởng dụng. Trên nền-tảng xã-hội ấy mà sản sinh nguồn-cội của ***độc-lập ngay trên tinh thần. Sự thống nhất tinh-hoa của “Tam Giáo”*** lại đi qua hình-thức gột lọc của dân-tộc mà biểu-hiệu ra một thể-hệ tư-tưởng cảm-giác độc-lập. Ngoài ra sự hiện diện chữ nô-m làm cho sự diễn-đạt được độc-lập. Các sự-nghiệp lớn-lao của các nhà đại-sử-học có phương-pháp khoa-học, có trí-óc, có sáng-kiến, có tài-ba tổ-chức giúp vào sự điều-dưỡng tinh-thần quốc dân trong lò lửa ái quốc. Các văn-nghệ, nghệ thuật và thần đạo sáng-suốt tự bấy giờ còn nung đúc sinh-hoạt của quốc-dân trong một bầu không khí cao-thượng, nó cần cho mọi xã-hội văn-minh.

Thể-chế dân bản chính trị cũng là độc sáng của ta với chế-độ vốn cũ là công đình, nơi mà toàn thể dân-chúng hội-hợp bàn luận việc nước, Chính sách khoa-cử, đề-điều, doanh-điền, trọng công và trọng thương làm cho toàn-thể xã-hội ngày một phồn-thịnh.

Sự tập quyền chính-thể của nhà Trần vẫn không mất hẳn tác-dụng dân-chủ của dân chúng. **Giáo-dục đi đôi với sự giảng cứu vô bị; phát-triển nông thôn và ngư nghiệp càng làm cho năng lực bản thân của dân chúng rất cao.** Tất cả các công việc trên tạo thành căn-bản của dân-tộc rất lớn.

Dưới bối-cảnh đó, cuộc chiến-tranh Trần - Nguyên chính-thức bùng-nổ sau các cuộc ngoại-giao gay-gắt. Ở đây ta có thể trông thấy những

khống-chế dưới tầng-khu, tầng-kỷ và tầng-cương, thầy bói cũng bị cai-quản bởi một ty cục sở tại, muồi bị khống-chế dưới “diêm-thuế cục”. Ngoài các quân khu, tư-pháp khu, còn các hành-chánh khu, tất cả những cơ-cấu ấy khếp lại thành những gọng kìm xiết chặt người Việt. Chúng đã dùng lưỡi lê bắt ép người Việt mặc áo Tàu, nói tiếng Tàu, cắt tóc, để răng trắng, mặc áo khách, bắt các nhân tài Việt (như Lê-Tắc làm quyền An-Nam Chí Lược, Nguyễn Văn-An xây thành Bắc Kinh), giả-vờ dụ các nhân-tài ra rồi giết đi, hiếp-tróc đàn bà con gái, di dân tù tội sang tranh cướp, đoạt-chiếm tài-sản người Việt,... diệt chủng người Việt bằng cách lao-động, đầy ải cho kiệt sức (mò trai đáy bể, kéo gỗ trên rừng, săn tê-giác trên núi...), hạn-chế kinh-tế, năng-lực và văn-hóa thủy-chuẩn của người Việt.

Trong tình-huống ngặt-nghèo như vậy, Bình-Định vương Lê-Lợi làm thế nào để vận-động được quần chúng ?

- Dùng sấm truyền gây dư-luận qua khẩu vận (*bằng miệng dân loan-truyền*). Hiệu-năng không những để các anh-hùng thảo-dã biết đến con người lãnh-tụ của mình mà còn gây được lòng tin mãnh-liệt nơi dân-chúng.

- Về quân-sự, “*chiến-lược địa-lý đã vạch ra theo thế tam-giác: Lục-Hoa, Hòa-Bình và Tản-Viên sơn. Ở đây, nguyên-tắc hành binh, “tàng ư cửu địa chi hạ, động ư cửu thiên chi thượng” (lúc cần để dưỡng quân thì thật kín-đáo an-toàn, khi tham trận thì vũ lộng chín tầng trời). Sự lấy thời-gian đối lấy không-gian là chiến-lược chính của hoàn-cảnh ấy*”.

- Về ngoại-giao, một mặt ly-gián Chàm với Tàu, một mặt mua chuộc sự trung-lập của họ và vạch rõ cho họ biết cái lợi hại sự trung-lập cho

ơn của người Chàm và tình hữu nghị (vua Chàm lấy Huyền Trân) của hai nước tuyệt không thể còn chỗ nào để người Chàm quay giáo lại theo quân Nguyên. Các bộ-tộc khác đều được an phủ một cách xứng-đáng...

Khu an toàn đã dự kế trước, ở đấy thành lập một căn-cứ để tổng phản-công và hồi sinh của nòi giống.

Tất cả những gắng sức làm bằng máu và mồ hôi vô kể. Người dân đào cả những con sông để vận-tải, giữ chặt các nơi hiểm-yếu, len-lỏi, chết đói và khổ nhọc hàng mấy năm ngoài khu du-kích.

Quân Nguyên chia 5 đường vào: Vân Nam, Chi Lăng (bộ quân), Vạn Kiếp (thủy quân), Tây kết và Thuận Hóa (quân đồn bộ). Đại bản-doanh đóng ở Bắc Lệ, hữu ở Thăng Long, tả ở Vạn Kiếp. Quân ta, Trần Hưng Đạo tức tam quân tổng-tư-lệnh, Trần Quang Khải ví như tư-lệnh lục quân, Trần Nhật Duật với Trần Quốc Toản ví như tư-lệnh du-kích quân. Giờ phản công đến sau bốn năm kháng chiến, để sau trận Chương Dương, Hàm Tử và Tây Kết phá vỡ hữu dục và quân biệt động của bên địch, tiến lên thu vớt nốt hiệu quả của tiêu hao chiến bằng trận Vạn Kiếp, để rồi khếp chính quy và du kích quân lên bao-vây Thoát Hoan ở Bắc Lệ, y phải chui vào ống đồng hết vía về Tàu.

Cuộc thắng trận đã đem lại bởi dân-tộc có cơ-bản nội tại phối-hợp với lúc lâm-thời có một quốc sách. Sự kiến-thiết một hồi sinh căn-cứ-địa chính là tiêu-điểm của cuộc thắng lợi. Sự phát-huy được sức-lực toàn dân ví như dây cung căng lên bắn ra hết sức, mũi tên theo một phương-hướng sống còn cho nòi giống. Sự độc-lập và thắng-lợi là nhờ

những hiệu-quả của các tiền-đề mà phát-huy ra thực-tiễn.

Cuộc thắng lợi kháng Minh

Năm 1355-1368 Chu Nguyên Chương đã chiếm trọn miền Nam, tiếp đưa quân lên Bắc, chiếm được Bắc Kinh, lên ngôi, đổi quốc-hiệu là Minh triều, đóng đô ở Kim Lăng (Nam Kinh ngày nay).

Về phía Nam, Thành Tổ cũng muốn mở-mang bờ cõi. Nhân dịp Hồ Quý Ly chiếm ngôi nhà Trần, Thành Tổ sai Trương Phụ xâm-chiếm Việt Nam, đặt “*bố chính ti*” để cai-trị, nước Chiêm Thành cũng phụ thuộc ti này.

Trước khi đoàn viễn-chinh lên đường, Thành Tổ đã chỉ-thị cho tướng Chu Năng như sau: “*Một khi binh lính vào nước Nam, trừ các sách vở và bản in của đạo Phật và đạo Lão, còn thì mọi sách vở, văn tự, cả những dân ca, sách dạy trẻ đều phải đốt hết. Những bia nào của Trung quốc xây dựng từ trước thì đều giữ-gìn cẩn-thận, còn các bia do An Nam dựng thì phá-hủy cho hết...*”

Lúc đó, nước ta có vị anh-hùng áo vải Lê-Thái-Tổ húy Lê-Lợi, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1385, người làng Lam-Sơn, tỉnh Thanh-Hóa.

Khi nhà Minh đem quân chiếm nước Việt, cai-trị rất tàn-ác: bắt dân Việt khai mỏ vàng, săn voi trắng, mò hạt trân-châu, cấm dân nấu muối riêng, bắt nạp cống đủ điều, thuế-má nặng-nề,...

Hơn 20 năm, dân tình khổ-ải trăm bề.

Lê-Thái Tổ trước tình-thế quốc-dân đau khổ, quyết chí dẹp loạn.

Quan cai-trị người Minh biết ngài là hào-kiệt

nước Nam, cố dụ ngài ra làm quan, ngài từ-chối mà nói rằng: “*Làm trai nên giúp nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm muôn đời, chứ sao lại chịu bo-bo làm đầy-tớ người.*”

Đầu xuân Mậu-Tuất (ngày 7/2/1418), trong bầu không-khí linh-thiên của ngày tết dân-tộc, Lê-Lợi dựng cờ khởi-ngĩa ở Lam-Sơn và truyền hịch đi khắp nơi kêu gọi toàn dân vùng lên đuổi giặc.

Gần 10 năm gian-khổ, ba lần phải rút về Chí-Linh, nhiều khi khốn-đốn, vợ con bị giặc bắt, lương-thực khô cạn,... nhưng vẫn kiên-trì. Sau ngài đuổi được Phương-Chính, chém đầu Liễu-Thăng ở núi Mã-An, bắt sống Thôi-Tụ, Hồng-Phúc, quét sạch quân Minh, tái dựng nền tự chủ của nước nhà.

Sử Luận:

Sau khi đánh bại nhà Hồ (Hồ-Quý-Ly), quân nhà Minh thi-hành một chính-sách thống-trị rất sâu độc. rất phong-kiến, rất thực-dân, không còn lời nào tả xiết! Mục-đích thâm-độc của nhà Minh là bắt người Việt đồng-hóa với người Tàu. Từ ăn mặc, cúng tế, học-hành,... việc gì cũng bắt theo như người Tàu. Những di-tích, đền-đài của người Việt thì chúng phá-hủy, sách vở, châu báu cùng đàn bà con gái bị bắt đem về Tàu rất nhiều!

Chính-quyền trung-ương được tổ-chức bằng ba đầu cai-quản (triumvirat): Đô-chỉ-huy-sứ (cầm đầu quân-sự), án-sát-sứ và bố-chính-sứ (chỉ-huy quyền tư-pháp và dân-sự). Chế-độ quân-sự tập quyền này trói tất cả nhân-lực, vật-lực, tài-lực Việt vào một thể-chế cực-kỳ nghiêm-mật. Công-nhân bị khống-chế dưới “hương lăm” (nơi thu hết thóc gạo Việt), nhà buôn bị khống chế bởi thương-vụ cục (nơi thu thuế má và chiếm hết các lời lãi), thầy tu bị

các trại nghe tin như thế, xôn-xao tan rã chạy trốn, tranh nhau qua cầu, cầu đổ sa cả xuống sông chết chìm vô kể.

“Vua Quang-Trung đốc quân đánh giặc, áo ngự bào bị thuốc súng bắn vào đen như mực. Đến trưa vào thành Thăng-Long, sai tướng đem binh đuổi quân nhà Thanh đến cửa Nam-Quan, những dân Tàu ở gần Lạng-Sơn sợ khiếp, dất-dúi nhau mà chạy, từ cửa ải về phía Bắc hơn mấy trăm dặm, tịnh không nghe thấy tiếng một người nào.

“Vào thành Thăng-Long, vua Quang-Trung ra lệnh chiêu an, bắt được cả ấn tín của Tôn Sĩ-nghị bỏ lại, trong những giấy tờ bắt được có tờ mật dụ của vua Càn-Long: “Việc quân không nên hấp-tấp. Hãy đưa hịch truyền thanh-thế đi trước, và cho các quan nhà Lê họp nghĩa binh, tìm tự quân nhà Lê đem ra đứng đầu để đối-địch với Nguyễn-Huệ, thử xem sự thế thế nào. Nếu lòng người nước Nam còn nhớ nhà Lê, có quân ta kéo đến, ai là chẳng gắng sức. Nguyễn Huệ tất phải tháo lui; ta nhân lấy dịp ấy mà sai tự quân đuổi theo, đại binh ta theo sau, như thế không khó nhọc mà nên công to, đó là mẹo hay hơn cả. Ví bằng, người trong nước, nửa theo đảng họ, nửa theo đảng kia, thì Nguyễn-Huệ tất không chịu lui. Vậy ta hãy đưa thư sang chỉ đường họa phúc, xem nó đối đáp làm sao. Đợi khi nào thủy quân đi đường biển sang đánh mặt Thuận-Hóa và Quảng-Nam rồi, bộ binh sẽ tiến lên sau.

“Nguyễn-Huệ trước sau bị địch, tất phải chịu thua. Bấy giờ ta sẽ nhân mà làm ơn cho cả hai bên; từ đất Thuận-Hóa Quảng-Nam trở vào Nam thì cho Nguyễn-Huệ; tự châu Hoan, châu Ái trở ra thì phong cho tự quân nhà Lê. Ta đóng đại binh lại để kiểm-cha cả hai bên, rồi sau sẽ có xử trí.”

tương-lai của họ. Các bộ-lạc thiểu số cũng được vận-động vì mệnh-vận chung của giải đất mà hỗ-trợ tích-cực tinh-thần cùng vật-chất.

- Về cách-mạng, người lãnh-đạo có một tinh-thần “tự thắng”. Mạnh-Tử xưa có nói: “*Trời sắp giáng đại mệnh cho ai tất bắt người đó óc mũi, gân nhừ, tim héo, phổi mòn, đủ chiều khôn-khổ, bách chiết thiên ma, làm cho người đó động lòng đứng dậy mà lớn lao lên*”. Người nào muốn đi tìm lẽ sống cho dân-tộc đều phải nan hành khổ hạnh, người đó phải là **thắng nhân**, phải **tự thắng** tất-cả những yếu hèn, dục vọng dốt-nát, chia-rẽ,...làm vẫn đục tình người. Thắng nhân là cuộc đấu-tranh tự thắng trên thể-xác, tri-thức; tự thắng trên thể sống chính mình và với người.

Bình-Định Vương Lê-Lợi đã từng-trải biết bao gian-nan, đã sống thực-tiến trong đời sống của quốc-dân với dân-tộc để quyết tâm vạch ra con đường chính-xác sống còn của dân-tộc; đã nắm vững lấy cương-vị chủ-đạo của mình mà gánh-vác lấy sứ-mệnh cứu dân cứu nước.

Dấn thân con đường cách-mạng có khắc-chế mình có thắng chính mình mới giúp người để thắng. Có làm chủ chính mình thì mới giúp người làm chủ, giúp toàn dân làm chủ đất nước. Cách-mạng xã-hội chỉ có thể thực-hiện được khi song hành với cách-mạng bản thân.

Cứu lấy nước nhà nghĩa là tranh-đấu lại chủ-quyền về mình, chủ quyền đó phải là căn-bản và chân-chính ở mình, tự quyết, tự trị, tự lập, không thể dùng hình-thức giả-tạo hay vay mượn.

Con đường và phương-hướng chính-trị c dân-tộc phải do ánh-sáng tự đáy hồn lịch-sử tỏa ra chỉ đường, làm nền-tảng của chính-trị và cách-mạng.

Đem **đại-nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân mà thay cho cuồng bạo**. Sau khi chiến thắng lại vẫn sẵn-sàng đem báu vật triều-cống, Bình-Định vương Lê-Lợi tiếp-nối tinh-thần trách-nhiệm của người lãnh-đạo đối với toàn dân. Không vì những cao-ngạo, tự-ái nhất thời mà quên quyền-lợi lâu dài của dân-tộc.

Tóm lại, cuộc cách-mạng phát động bởi Bình-Định Vương Lê-Lợi là một khuôn-khổ trọn vẹn trên mọi mặt và **mọi nguyên-tắc của dân-tộc cách-mạng**.

***Vua Quang Trung đại phá quân Thanh**

Năm 1788, vua Càn-Long sai Tôn-Sĩ-Nghị khởi quân bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Quý Châu, Vân Nam sang đánh nước Việt.

Tôn-Sĩ-Nghị kéo quân đến Kinh-bắc (Bắc-Ninh), vua Chiêu-Thống ra chào mừng rồi theo quân Tàu về Thăng-Long.

Vua Chiêu-Thống tuy thụ phong, nhưng các văn thư đều phải đề niên-hiệu Càn-Long, ngày ngày đến dinh Sĩ-Nghị châu-chức việc quân quốc. Người bấy giờ cho rằng: “ Nước Nam ta từ khi có đế vương đến giờ, không thấy vua nào hèn-lụy đến thế. Tiếng làm vua mà phải theo niên-hiệu vua Tàu, việc gì cũng phải bầm đến quan tổng-đốc, thế thì có khác gì đã bị nội thuộc Tàu ?

”Bắc-Bình-vương Nguyễn-Huệ được tin quân nhà Thanh đã sang đóng ở Thăng-Long, lập-tức hội các tướng-sĩ bàn việc đem binh ra đánh. Các tướng sĩ đều xin hãy chính ngôi tôn, để yên lòng người rồi sẽ khởi binh.

Bắc-bình-vương bèn sai đắp đàn ở núi Bàn

Sơn, ngày 25 tháng 1 năm Mậu-thân (1788), vương làm lễ lên ngôi hoàng-đế, rồi tự mình thống-lãnh thủy-bộ đại binh ra đánh giặc Thanh. Tới Nghệ-an nghỉ 10 ngày để mộ thêm binh, cả thấy được 10 vạn quân và hơn 100 con voi...

Vua Quang Trung truyền cho tướng-sĩ ăn tết Nguyên- đán trước, để đến hôm trừ-tịch sẽ cất quân. Vua định ngày mùng 7 tháng Giêng sẽ vào thành Thăng-Long mở tiệc ăn mừng...Ba quân (tiền quân, tả quân và hữu quân) được lệnh, đến hôm 30 tiến binh ra Bắc. Khi quân sang sông Giản-Thủy, cánh nghĩa quân của vua Lê tan vỡ. Vua Quang-Trung thân đốc các quân đuổi theo đến huyện Phú-Xuyên bắt sống trọn toán quân Tàu đóng ở đấy, vì thế không có tin báo về; những quân Tàu đóng ở làng Hà-Hồi, Ngọc Hồi đều không biết gì cả. Nửa đêm ngày 3 tháng Giêng năm Kỷ-dậu (1789), quân vua Quang-Trung vây kín đồn Hà-hồi, bắc loa lên gọi, quân sĩ dạ ran. Quân canh đồn bấy giờ mới biết, rúng động tinh-thần, đều xin hàng, bởi thế, lấy được hết cả quân lương và đồ khí-giới. Sáng mờ-mờ ngày mùng 5, quân Tây-Sơn tiến đến làng Ngọc Hồi, quân Tàu bắn ra như mưa. Vua Quang-Trung sai người lấy những mảnh ván, ghép ba mảnh lại làm một, lấy rơm cỏ thấm nước quăn ở ngoài, rồi sai quân kiêu dũng cứ 20 người khiêng một mảnh, mỗi người dắt một con dao nhọn, lại có 20 người cầm khí-giới theo sau. Vua Quang-Trung cỡi voi đi sau đốc chiến, quân ta vào gần đến cửa đồn, bỏ ván xuống, rút dao xông vào chém. Quân Tàu địch không nổi, xông-xao tán-loạn, xéo lẫn nhau mà chạy. Quân các đạo khác cũng toàn thắng. Tôn-Sĩ-Nghị nửa đêm được tin báo, hoảng-hốt không kịp thắng yên ngựa và mặc áo giáp, đem mấy tên lính kỵ chạy qua sông. Quân

Nhà vua muốn thay cái học cũ bằng cái học “nôm-na” mà nguyên cả lớp mặt tầng xã-hội coi “nôm na là cha mách què”. Thành-kiến này đã in sâu vào đầu óc mọi người, khiến làm tê-liệt sự cải-cách văn-học.

Ngoài lớp nho-sĩ hủ-lậu, còn có lớp “thầy cúng”, đội lốt tăng-lữ sinh-nhai bằng bùa phép dị-đoan. Hai lớp “hủ nho” và “thầy cúng” không thể nhất thời mà cải-hóa.

Vua Quang-Trung đã khấn-khoản mời Nguyễn-Thiếp (La-Sơn Phu-tử), một nhà nho cao-khiết để khuất-phục thành-phần nho-sĩ Bắc-hà mà trao cho nhiệm-vụ xây-dựng một nền văn-học mới. Tiếc thay, La-Sơn Phu-Tử có tiếng về khí-tiết, nhưng coi nhẹ tình-thần phục-vụ quốc-dân.

Thiếu cán-bộ lãnh-đạo cách-mạng văn-hóa, lại đột-ngột qua đời, Bùi Đắc-Tuyên chuyên quyền, bất tài làm cho guồng máy quân chính Bắc Hà tan-rã!

Lịch-sử Việt trước đã bùi-ngùi cho Hồ-Quý-Ly, nay lại phải thốn-thức về vua Quang-Trung.”

(Trích theo Lý Đông A, Chu Tri Lục IV, Sóng Đáy xb. 1965.)



Sử Luận :

Nhắc tới công-nghiệp của vua Quang-Trung, phần đông sử sách chỉ nhắc đến chiến-công mà quên phân-tách võ công trác-tuyệt và tư-tưởng cách-mạng dân-tộc tiến-bộ của ngài.

Qua lịch-sử nước nhà:

- Triều nhà Lý, danh tướng Lý-Thường-Kiệt tuy đem quân sang tung-hoành ở mấy châu Ung, Khâm, và Liêm, nhưng chỉ là đánh (lấy công làm thủ) để phá thế công của nhà Tống định xâm-lãng nước Việt.

- Thời nhà Trần, ba lần đánh bại quân Nguyên là nhờ ở **“toàn dân chiến-lược”**, toàn dân một lòng cự địch.

- Vào hậu bán hế-kỷ XVIII, thời kỳ Nam - Bắc phân tranh. Hai họ Trịnh, Nguyễn đã gây cho đất nước phân ly, xã-hội đồi-bại, chính-trị bất-lương, may nhờ vị đại anh-hùng dân-tộc Nguyễn-Huệ bại Thanh, cứu nước nhà thoát khỏi âm-mưu đô-hộ.

Thiên-tài quân-sự của vua Quang-Trung biểu-hiệu qua các trận: Đống Đa, Quy-Nhơn, và trận Gia-Định. Trận Đống Đa đánh sau 7 ngày cấp-tốc hành-quân, thực-hành chiến-thuật chọc thủng trung-ương (**trung-ương đột phá**) phối-hợp với sách-lược **tuyên-truyền thấm-thấu**.

Trận Gia-Định cũng đánh sau nửa tháng cường-bách hành-quân, chiến-lược đại bao-vây phối hợp tiểu bao-vây. Quân Xiêm (Thái-lan) đã bị tiêu-diệt hơn 10 vạn, vền-vện chạy về còn vài chục thớt voi.

Trận Qui-Nhơn đánh bại quân Pháp bằng trí-

óc khoa-học. Dùng nghi binh để đánh lạc chú-ý quân địch, rồi dùng nhựa thông phóng ra đánh hỏa công.

Kết quả tiêu-diệt quân địch cũng như hai trận lớn trên bộ...

Điểm đặc-biệt về quân-sự nơi vua Quang-Trung là **chiến tướng ngay trên mặt trận**, vào lúc có chiến mới cầm quân và mộ quân. Người không có thì-giờ để tập-luyện binh-sĩ, người hành binh với nhân-lực và vật lực có được một cách khẩn-cấp. Không sẵn có một quân-đội, không sẵn có một chính quyền, một lãnh-thổ, nhưng đã đánh là phải thắng. Người chưa hề bị nhục và cái lo của kẻ bại trận.

Lịch-sử cận-đại Âu-châu mới có danh-từ “**chiến-tranh chớp-nhoáng**” do cách hành-binh tốc chiến, tốc thắng của Hitler, nhưng Hitler cũng chỉ đánh được ít trận - Vua Quang-Trung đã thực-hiện chiến thuật ấy hơn 200 năm trước và trận nào cũng đánh như vậy cả.

Điểm đặc-biệt nữa là quân-đội của vua Quang-Trung tới đâu cũng là hành quân trên đất địch. Từ Thuận-Hóa vào Nam là đất chúa Nguyễn, từ Quảng-Bình trở ra là đất chúa Trịnh.

Võ-công của vua Quang-Trung là võ công thuần-túy. Vua Quang-Trung tự tạo lấy phương-tiện chiến thắng bằng đảm-lược, trí xét đoán rất nhanh và chính-xác.

Cách bài-binh bố-trận là khai-thác tối-đa khả-năng quân-sự của mình bằng những sáng-kiến bất-ngờ. Càng chiến-thắng, quân-đội của ngài càng tin-tưởng và kết với ngài làm một, đúng nghĩa “thủ túc chi binh”.

Không những thiên-tài về quân-sự, vua Quang-Trung còn có những viễn kiến về chính-trị.

Thiên-tài chính-trị của người biểu-hiệu bằng phương-thức đi trước thời-đại như dự-kế chính-trị. Thời đó, trừ chính-sách dự-toán hàng năm (budget annuel), há đã có nước nào có kế-hoạch chính-trị 10 năm ? Với chính-sách dự-trừ 10 năm của vua Quang-Trung: quân-sự đang được phát-triển, dự trừ lấy lại đất Lương Quảng, kinh-tế hết sức được chỉnh-lý và biên-chế; ngoại-giao thi-hành cương-quyết để yểm-trợ cho đối-ngoại mậu dịch, nhất là về mặt văn-hóa. Ngài chú-trọng đến việc xây-dựng và phát-huy một quốc đạo làm nông-cốt; Ngài đã mạnh-dạn dùng chữ nôm trong trường thi. Đề thi không cần lấy ở “tứ thư” mà lấy ở “ca-dao” hay những việc đã xảy ra trong lịch-sử Việt. Đây là hành-động then chốt xây-dựng lại học-thuật và tạo ra một lớp sỹ-phu mới có tinh-thần độc-lập văn-hóa...

Nhưng tiếc thay và cũng là điều chưa sót, đau lòng của dân-tộc Việt, đang trên bước đường xây-dựng đất nước, vua Quang-Trung băng-hà!

Sự-nghiệp của vua Quang-Trung tuy ngắn-ngủi, nhưng rất sáng chói. Sự-nghiệp của ngài là cả một khoa-học kiêm nghệ-thuật về quân-sự của thời đại XX, hợp với chiến-lược toàn-diện chiến của chiến-tranh chớp-nhoáng, cũng như về chính-trị phải nói rằng: Vua Quang-Trung là người của thời-đại XX trên kế-hoạch xã-hội và chính-trị.

Tiếc thay, trong sự-nghiệp xây dựng dân-tộc của vua Quang-Trung, trừ mặt quân-sự, trên hai phương-diện nội-trị và văn-hóa lại thất-bại !

Vua Quang-Trung dễ-dàng đánh bại 20 vạn quân Thanh, nhưng không thể dùng vũ-lực để thanh-toán hàng trận tâm-lý hủ-lậu đã kết-đúc từ nhiều đời trong quần chúng.

mạng bàn việc cứu quốc và chuẩn-bị lực-lượng hùng-hậu tổng phản-công giặc Pháp.

Phía thực-dân cũng âm-thầm tính kế, chuẩn-bị lực-lượng hùng-hậu để đánh một trận cuối cùng.

Năm 1908, những biến-cố dồn-dập, từ cuộc nổi dậy chống thuế và chống đi phu ở các tỉnh miền Trung, vụ lính Tây và tay sai ở Hà Thành bị đầu độc (do sự chủ mưu của Duy-Tân hội và nghĩa quân của Đề Thám), đến sự hoạt-động mạnh-mẽ của Đông-Kinh Nghĩa Thục, các thương hội, nông hội đã khiến cho giặc Pháp quyết-định tấn-công nghĩa quân Yên-Thế.

Bắc Giang khởi lửa ngập trời vào năm 1909, với các trận đánh khốc-liệt diễn ra tại rừng Phê, Đồng-Vương, Sơn-Quả, Đồn-Đệm, Núi Hàm-Lợn, Thanh-Thủy, Nai Tu-Châu, Mỏ Thổ, Đông-Mai, Lập Chí, Xuân-Lai, Hiền-Lương, Ninh-Bắc, Bạch-Đa, Thượng-Yên, Yên-Lỗ, Núi lang... Trước hỏa lực của Pháp quá mạnh, Đề Thám phải chuyển quân sang vùng Tam-Đảo rồi qua Thái Nguyên.

Năm 1910, nghĩa-quân Yên-Thế thiệt hại nặng-nề. Thực-dân chia quân ruồng-bố khắp nơi quyết diệt Đề Thám. Đề Thám và số nghĩa-quân phải di chuyển thường-xuyên, gian-khổ vô cùng.

Đến ngày 18 tháng 3 năm 1913, giặc Pháp dùng kế mua chuộc tên Lương-Tam-Kỳ phảỉ thủ-hạ đến ám-sát Đề Thám. Sau khi Đề Thám bị hại, cuộc khởi-nghĩa Yên-Thế hoàn-toàn thất bại !

Tất cả các cuộc khởi-nghĩa đấu tranh trên tuy rất anh-dũng, nhưng cho thấy rõ tính-cách giai-đoạn và thiếu phối-hợp trong một kế-hoạch toàn dân kháng-chiến.

*

Anh-Hùng Chống Pháp

(Từ năm 1859 - 1945)

Trong lịch-sử cận đại, dưới triều Nguyễn, với lối học “tứ-chương trích cú”, tinh-thần thủ-cựu nơi triều-đình, và chính-sách cấm đạo Thiên-chúa (Gia-Tô giáo), khiến dẫn đến sự đô-hộ của người Pháp.

Suốt thời-gian gần trăm năm, từ 1858 đến 1945, nhân dân cũng như sỹ-phu Việt, người thì tuân-tiết khi thành-trì thất-thủ, kẻ chiêu-mộ nghĩa quân chống giặc; người bôn-ba hải-ngoại tìm đường cứu quốc, kẻ khổ công dâng nạp điều-trần về cải-cách. Nhưng tiếc thay, những đóng góp đáng giá này lại không ngăn-chặn được bước chân đô-hộ của thực-dân Pháp, vì:

A/ Những điều-trần cải-cách không được triều-đình hưởng-ứng:

- Bùi-Viện dâng sớ xin mở-mang việc buôn-bán với ngoại quốc.

- Nguyễn-Trường-Tộ dâng điều-trần xin cải cách học-thuật, chỉnh-đốn võ bị, phát-triển thành thị, khai-thác khoáng-sản, thống-kê, đặc điển, khuyến-kích kỹ-nghệ, v.v...

B/ Những cuộc khởi-nghĩa thiếu kế-hoạch phối hợp:

- Nhân-dân 6 tỉnh Nam-Kỳ ứng nghĩa dưới cờ Trương-Định, Bình Tây Đại Nguyên-Soái. Số nghĩa-binh hưởng-ứng lên tới vạn người vào năm 1861. Nghĩa quân đã làm cho Pháp thiệt-hại nặng như trận Rạch-Tra và trận công đồn ở giữa Mỹ-Tho và Cây Mai. Trước những đánh phá của nghĩa-quân, đô-đốc Pháp Bonard đã phải xin viện binh. Đến

ngày 19-8-1864, ông bị tên bộ-hạ phản phúc Huỳnh-công-Tấn đầu hàng Pháp bắn chết.

- Nguyễn-Trung-Trực cầm đầu nghĩa quân ở Tân-An, Rạch-Giá từ năm 1860. Năm 1861, đốt tàu *Espérance*. Năm 1868, ông đem quân chiếm đồn Kiên-Giang (Rạch-Giá) giết viên tỉnh-trưởng người Pháp và quân giữ đồn. Bị bắt và bị đem bắn ở Rạch-Giá.

- Nguyễn-Hữu-Huân cầm đầu kháng-chiến ở Mỹ-Tho, Tân-An. Sau bị bắt và bị đi đày sang đảo Réunion. Được tha về nước năm 1875, lại kéo cờ khởi-nghĩa. Bị bắt và bị hành hình.

- Võ-Duy-Dương tức Thiên-bộ Dương (bộ tướng của Trương-Định) nổi tiếng kháng-chiến ở vùng Đồng-Tháp-Mười.

- Năm 1869-1870, Phan-Tòng khởi-nghĩa ở Hóc-Môn, Gò-Vấp, Ba-Tri.

- Năm 1874-1875, các ông Đoàn-công-Bửu, Nguyễn-xuân-Phụng khởi binh ở Trà-Vinh; Lê-Tấn-Kế, Trần-Bình nổi dậy ở Bá-Động.

- Năm 1885, hai ông Quãn-Hớn và Nguyễn-văn-Bường khởi-binh ở Bà-Điểm, Hóc-Môn.

Trận đánh nổi tiếng nhất là trận ở thôn 18 vườn trầu (Thập Bát Phù Viên), nơi đây nghĩa-binh bị vây đánh, 70 người cùng thể đánh tới chết, và họ đã giữ lời thề.

Ngoài Bắc, nổi bật người anh-hùng Yên-Thế, Hoàng-Hoa-Thám.

“Hơn 10 năm ròng-rã đánh nghĩa-quân Yên-Thế, quân lính Pháp vẫn không rửa sạch nỗi 4 câu của dân gian:

Ở đây là đất ông Đề
Tây lên thì có, Tây về thì không.

Thăm ông chỉ có câu này
Thề cùng giặc Pháp có mây, không tao.

Trước năm 1892, khi Đề-Thám chưa lãnh-đạo nghĩa quân Yên-Thế, giặc Pháp đã tổn-thất nặng-nề trong cuộc khởi-nghĩa của ông Hoàng-Đình Kinh (cai Kinh). Từ cuối năm 1887 đến 1892, quân thực-dân bốn lần chính-thức dồn đại quân định đè bẹp Yên-Thế với những trận đánh long trời lở đất ở Phó Bình-Gia, Bắc-Đài, Hữu Thượng, Mỏ Trạng, Bắc-Lệ,... dù chúng dùng nhiều thủ-đoạn bỉ-ối để khùng bố tinh-thần nghĩa quân như bắt giam thân quyến, đốt nhà, hãm hiếp phụ-nữ, tra tấn dân làng vô tội...

Khi cai Kinh mất, thực-dân phải đối đầu khổ-sở hơn nữa với Hoàng-Hoa-Thám, một thanh niên 30 tuổi tiếp-tục chỉ-huy cuộc kháng Pháp. Trong hai năm 1892-1894, thực-dân Pháp đã mất nhiều sỹ-quan và quân lính. Đầu tháng 9/1894, lực-lượng nghĩa quân mạnh thêm vì có một số nhóm kháng-cự mang vũ-khí gia-nhập. Giặc Pháp báo động tình-trạng đánh phá tuyến đường xe lửa chiến-lược Hà-Nội - Lạng-Sơn. Ngày 17-9-1894, nghĩa-quân phục-kích một chuyến xe, bắt sống tên Chesney chủ-nhiệm tờ báo *Tương-Lai Bắc-Kỳ* và cũng là thủ khoán khai thông tuyến đường xe lửa này.

Vì phải chia quân đối đầu với các cuộc nổi dậy khác, quân Pháp phải chấp nhận hai lần tráo hòa của Đề-Thám. Lần thứ nhất cuộc hòa-hoãn giữa hai bên chỉ duy-trì được 1 năm. Lần thứ hai kéo dài 12 năm từ 1897 đến 1909. Lợi-dụng trong những năm hòa-hoãn, Đề-Thám cùng các kiện tướng chuẩn-bị kế-hoạch trường-kỳ. Ông cho mở rộng việc khai-thác đồn điền Phồn-Xương để nuôi quân và gia-tăng lực-lượng, xây-dựng các công-sự, pháo-đài chiến-đấu, dùng Phồn-Xương làm nơi gập-gỡ các nhà cách-

trống mĩ quan, côn quyền coi như trò chơi ...”, văn-sĩ trong nước chỉ lo gọt-giũa văn-chương, ngâm-ngã thi phú. Đến khi địch tới, kẻ bàn chiến, người nói thủ, kẻ ứng hòa, không nhất quyết một lòng, khiến dẫn đến sự thất-thủ ba tỉnh miền Đông Nam-kỳ, rồi ba tỉnh phía Tây, sau đến sự bảo-hộ ở Trung và Bắc Kỳ là điều dễ hiểu.

Hoa Chính Khí

*Một ngày lạnh, nước người không tri kỷ
Ta vỗ án thét thành ca chính khí
Đông thê-thê như gió thổi u hồn
Thấu buốt tận lòng người trong cốt tủy.*

*Lòng sống chết, buồn vui bèn nổi dậy,
Thoắt lăm-le giục lòng người chọn lấy
Năm ngàn năm làn máu bén dạt-dào
Sóng lớp-lớp rượu ba tuần thuở ấy.*

*Tiếng vang-vang như thần kêu, quý hét
Trời ngập-ngập tựa quân khiêu, tướng thét
Gọi quá khứ, vị lai những u hồn
Muôn ngàn đời linh thiêng không sống chết.*

*Nước Mê Linh trắng thu còn vắng-vắng
Sông Bạch Đằng sóng vỗ thuyền cắc-cắc.
Non Chi Lăng gió cuốn rừng cung đao
Đồng Đống Đa xương người phơi man-mác.*

*Thuở “Sát Thát” chàm vai thê đầu xuất
Ngày “Bình Ngô” nổi cờ không khuất tất
Khi Cần Vương nhỏ mặt lũ gian hùng
Lúc cứu quốc vòng bốn lao uất-uất.*

Phong-Trào Đông Du và Duy-Tân:

- Bắt đầu từ năm 1902, Phan-Bội-Châu, thủ lĩnh Phong-trào Đông-Du, cụ là một nhà cách-mạng làm trụ-cột cho tất-cả công cuộc vận-động độc-lập của người Việt từ sau khi đảng Cần-Vương tan-rã cho đến hết kỳ thế-giới chiến-tranh thứ I.

- Phong-trào Duy-Tân do các ông Phan-Chu-Trinh, Đặng-Tử-Kính, Trần-Quí-Cáp, Huỳnh-Thúc-Kháng, Ngô-Đức-Kế, v.v....xướng-xuất.

Năm 1906, Phan-Chu-Trinh sang Nhật gặp nhà cách-mạng Phan-Bội-Châu. Khi về, cụ gửi cho toàn-quyền Đông-Dương một bức thư kể rõ những



Đi ảnh nhà Cách-mạng Phan-Bội-Châu

sai-lầm của chính-sách bảo-hộ. Cụ cùng các đồng chí đi hô-hào, cổ-động duy tân khắp nơi, như cải cách việc học, khuyến-khích công-nghệ, mở trường tân học, lập hội buôn, mở-mang dân trí,... Các vận động này đã đưa đến cuộc biểu-tình lớn xin xâu năm 1908. Đông-Kinh Nghĩa-Thực được lập lên ở Hà-nội vào năm 1907. Trường dạy không tiền cho thanh-niên nam nữ cả ba miền. Trường chú-trọng dạy Việt-văn, khoa-học, công-nghệ thường-thức. Đôi khi tổ-chức những buổi diễn-thuyết về các vấn-đề văn-hóa, khoa-học, v.v...Trường còn soạn những sách giáo-khoa và những bài ca cổ-động tinh-thần yêu nước.

- Ngoài những vận-động trên, còn có những âm-mưu và mấy cuộc khởi-nghĩa làm chấn-động toàn quốc:

*** Âm Mưu Khởi-Nghĩa của Vua Duy-Tân:**

Một nhóm chí-sĩ hầu hết là người đã dự vào phong-trào xin sùu năm 1908 muốn nhân cơ-hội nước Pháp lâm vào tình-trạng khó-khẩn trong đại-chiến thứ I, tổ-chức một cuộc âm-mưu nhằm lật-đổ nền thống-trị Pháp. Những người cầm đầu là Lê-Ngung, Trần-Cao-Vân, Thái-Phiên, Phan-Thành-Tài, Lê-Dương, Võ-văn-Trứ. Chương-trình là dùng lực-lượng của vài ngàn lính mộ đương luyện-tập ở Huế cùng các lính khổ xanh, khổ đỏ chiếm kinh-đô cùng 3 tỉnh Thừa-Thiên, Quảng-Nam, Quảng-Ngãi làm căn-cứ, lật-đổ Nam triều, đặt chính-phủ khác và tôn vua Duy-Tân lên làm vua lại. Dự-định đúng một giờ sáng ngày 3 tháng 5 năm 1916 khởi-sự, rước vua Duy-Tân ra khỏi cung. Rất tiếc, cơ mưu bị bại-lộ, nên vua Duy-Tân bị đi đày ở đảo Réunion, nhiều người dự vào cuộc âm-mưu đều bị chém hoạc đi đày.

*

*** Cuộc Khởi-nghĩa Thái-nguyên**

Năm 1917, muốn nhân cơ-hội Pháp bận chiến-tranh với Đức, ông Lương-Ngọc-Quyến lúc đó bị giam ở nhà tù Thái-Nguyên, bèn cổ-động tinh-thần ái quốc, và được nhiều binh-sĩ nghe theo.

Đêm ngày 31-8-1917, Trịnh-Cấn cầm đầu 200 lính hạ-sát viên giám-binh Pháp, chiếm các công-sở, phá nhà tù, giải-phóng tù nhân. Nghĩa-quân làm chủ Thái-Nguyên được ba ngày, nhưng vì thế cô, nên quân sĩ tử trận lần-lần, đội Cấn tự-sát.

*** Cuộc Khởi-nghĩa Yên-Bái**

Năm 1927, Việt-Nam Quốc-Dân đảng ra đời, do hai ông Nguyễn-Thái-Học và Nguyễn-Khắc-Nhu lãnh-đạo. Tôn-chỉ của đảng lấy “Tam Dân” làm chủ-nghĩa. Đảng bành-trướng rất mau, nhằm giải-phóng dân-tộc khỏi ách đô-hộ của thực-dân Pháp.

Đêm mùng 9 rạng ngày 10 tháng 2 năm 1930, Việt-Nam Quốc-Dân đảng mở một cuộc tổng bạo-động trên toàn cõi Bắc-Kỳ: Yên-Bái, Hưng-Hóa, Lâm-Thao, Hà-nội, Phụ-Dực (Thái-Bình), Hải-Dương.

Rất tiếc, cuộc khởi-nghĩa Yên-Bái thất-bại ! Lãnh-tụ Nguyễn-Thái-Học bị bắt tại Cổ-Vị (Hải-Dương) vào ngày 20/2/1930.

Ngày 17/6/1930, Nguyễn-Thái-Học và 12 đồng-chí lên đoạn đầu đài tại Yên-Bái.

Căn-cứ vào quá-trình lịch-sử dân-tộc, từ 1865 đến 1900, ta thấy đó là thời-kỳ cự-tuyệt giữa hai nền văn-hóa Âu Tây và Nho học. Trong khi Âu Tây phát-triển mạnh về công kỹ-nghệ, có vũ-khí tối-tân nhằm tìm thuộc-địa, ngược lại triều-đình Việt lúc bấy giờ “tự coi là mãn-túc, ếch ngồi đáy giếng không trông thấy trời, văn vui chơi, và yên nghỉ... Chính giáo thì hủ-lậu, mọi việc đều mô phỏng Minh Thanh. Võ sĩ thì cốt ở cờ

đảo Hoàng-sa và vùng biển Châu Dương Trường-sa để chiếm-hữu và hành xử chủ-quyền, mà chỉ đi ngang qua vùng biển Thái Châu Dương gồm 7 đảo thuộc nhóm An Vĩnh Hoàng-sa.

Như vậy, theo chính-sử Trung quốc trong suốt chiều dài lịch-sử từ các đời Tần Hán, Tùy Đường, Tống Nguyên đến đời nhà Minh, không thấy một dòng chữ nào đề cập đến việc Trung quốc đem quân đến chiếm cứ các hải-đảo tại biển Đông Hải.

“Trong các sách địa-dư do nhà nước ấn-hành như Hoàng Thanh Nhất Thống Địa Lý và Trung Quốc Địa Lý giáo khoa Thư xuất-bản 1894 và 1906 cũng nói rõ lãnh-thổ Trung quốc vào cuối thế-kỷ 19 chỉ chạy đến đảo Hải Nam hay tới bờ biển Châu Nhai thuộc đảo Quỳnh Châu tại vĩ tuyến 18.

“Trong tạp-chí “La Nature, xuất bản tại Paris năm 1933, hạm trưởng Jourdan Chauvaire đã tường thuật vụ này: “Nhắc lại chuyện hai chiếc pháo đỉnh tý-hon mang hiệu kỳ đề đốc Lý Chuẩn ghé Hoàng Sa không quá 24 giờ. Vậy mà chỉ trong vài giờ, ông Đề Đốc và đám thủ-hạ của ông ta có thể khảo-sát kỹ-lưỡng tất cả các đảo, cồn, đá, bãi và đã vẽ được 15 bản đồ. Đây chỉ là một công-tác tuyên-truyền.

“Trong công-tác khảo-sát địa-hình và địa-chất tại các hải đảo Hoàng Sa, phái-đoàn Lanessan của tiến sĩ khoa-học Armand Krempf đã phải làm việc ròng-rã trong 2 năm từ 1925 - 1927 mới có thể phân chất đất đai, đo đạc và vẽ họa đồ và đáy biển Hoàng Sa. Cũng nên ghi nhận rằng trong bản phúc-trình của Krempf có xác-định rằng: **“Về mặt địa-chất, các đảo Hoàng Sa là thành-phần của Việt Nam. Quần đảo Hoàng Sa là một cao-nguyên chìm dưới đáy biển Việt Nam, chạy thoải-thoải từ dãy Trường Sơn ra Cù Lao Ré.”**⁴¹

*Thà làm ma nước Nam, không vua Bắc
Đầu chẳng còn quyết không đường dóc tóc
Lửa đốt mình không phụ nợ non sông
Giây thắt cổ cho tròn trung nghĩa tấc.*

*Thuở “Sát Thát” chàm vai thê đầu xuất
Ngày “Bình Ngô” nổi cờ không khuất tất
Khi Cần Vương nhỏ mắt lũ gian hùng
Lúc cứu quốc vòng bôn lao uất-uất.*

*Thà làm ma nước Nam, không vua Bắc
Đầu chẳng còn quyết không đường dóc tóc
Lửa đốt mình không phụ nợ non sông
Giây thắt cổ cho tròn trung nghĩa tấc.*

*Muôn ngàn đời linh-thiên không sống chết
Những trung hồn xưa, nay, mai oanh-liệt
Mở nguồn sống xưa, nay, mai nước nòi
Muôn ngàn đời dạt-dào chính khí Việt.*

*Chính khí Việt khắp đất trời bàng-bạc
Chính khí Việt trong máu người Hồng Lạc
Gió thê-thê quật dậy hồn phục hưng
Gươm Vạn Thắng cứu nước nòi giết giặc.*

*Chính khí Việt là hồn gươm Vạn Thắng
Sắt tôi với máu đào hun lửa nóng
Và Đại Việt muôn năm cả toàn dân
Vượt đau nhục lên sống còn hùng tráng.*

Lý Đông A/Liễu Châu 4821 T.V.



Việt Nam Trường Tồn

III/ Đông Hải với Hoàng-sa & Trường-sa

Theo lịch-sử Trung Hoa, các triều-đại từ nhà Tần đến nhà Thanh, quân-đội Trung quốc không lai vãng đến vùng biển Đông Hải.

Sau ba phen thất-bại, nhà Nguyên không còn dám dòm-ngó đến Việt Nam cả trên lục-địa đến ngoài hải phận. ***Trong các thế-kỷ 13 và 14 quân Mông Cổ không chiếm-hữu quần-đảo Hoàng-sa và Trường-sa.***

Trong cuốn “*Tranh Chấp tại Biển Nam Hoa*” Marwyn S. Sannuels xác-định: Trong suốt thế-kỷ 14 các đội hải thuyền hùng-mạnh của nhà Nguyên có đi tuần-tiêu, nhưng tại biển Nam Hoa, *các hải-đảo Hoàng-sa và Trường-sa không bị chiếm đóng và không thuộc chủ-quyền lãnh-thổ của Trung quốc...*

Mãi đến thế-kỷ 15 dưới đời Minh Thánh Tổ (1403-1424) mới có những vụ thám-hiểm đại-dương tại các nước Nam Á, và một số quốc-gia Đông Phi. Theo giáo-sư John King Fairbank tại đại-học Harvard, từ năm 1400, thời phục-hưng Trung-hoa đã liên-lạc với nhiều quốc-gia trong việc kinh-doanh thương-mại hàng hải. Đồng-thời với 5 chiến-dịch Bắc Tiến chống Mông Cổ, Minh Thánh Tổ đã phái thái-giám Trịnh Hòa hướng-dẫn 7 cuộc hành-trình tại Ấn Độ dương, mệnh danh là “*Thất Hạ Tây Dương*” (hay Tây Trúc chỉ Ấn Độ và Tây dương là Ấn Độ Dương).

Điều đáng chú-ý là trong 7 chuyến công-du trên 30 quốc-gia ở Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương trong 28 năm, từ 1405 - 1433, chính-sử Trung Hoa cũng ghi rõ phái-bộ Trịnh Hòa chỉ đi qua biển Nam Hoa và những chuyến công-du này không hướng về Đông Hải, mà chỉ nhằm thám-hiểm Ấn Độ Dương. Như vậy không có chuyện phái-bộ Trịnh Hòa đến các

Khu Cao Pa Mờ (cột mốc 1 và 2) tỉnh Hà Tuyên dài 4 cây số, lấn sâu vào Việt Nam 2 cây số, tổng diện tích là 8 cây số vuông.

- Khu vực Trà Mần, Suối Lũng (cột mốc 136, 137) huyện Bảo Lạc, Cao Bằng có diện tích là 3.2 cây số vuông. Vùng này có mỏ than chì.

- Khu vực xã Nậm Chảy (cột mốc 2,3).

* Về hải phận, những quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà Trung Hoa gọi là Tây Sa và Nam Sa - Theo chứng tích lịch sử hiện còn tàng trữ tại các văn khố Việt Nam cũng như quốc tế là một phần lãnh thổ của đất nước Việt Nam.

“Cứ theo tài liệu ghi trong Hồng Đức Bản Đồ dưới thời vua Lê Thánh Tôn (1460-1479), ông Đỗ Bá tự Đào Phủ biên soạn trong sách “Toàn Tập Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ” phổ biến vào năm 1639 đã mô tả về “một bãi cát vàng” dài ước chừng 400 dặm, ngang 20 dặm, chạy từ cửa Đại Chiêm đến cửa Sa Vinh (Sa Huỳnh) thuộc tỉnh Quảng Ngãi và cách bờ biển khoảng 135 hải lý. Bãi cát vàng được xác nhận là đảo Hoàng Sa. Ngoài ghi nhận kể trên, trong quyển I, Hoàng Việt Địa Dư Chí của Phan Huy Chú, quyển 6 bộ Đại Nam Nhất Thống Chí, quyển Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu, Đại Nam Thực Lục Chính Biên, Đại Nam Hội Điển Sử Lệ của Quốc Sử quán triều Nguyễn, Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quý Đôn, tất cả các tài liệu này có ghi chép nhiều dữ-kiện liên-quan đến Hoàng Sa..

● Địa Lý Chính Trị

Quần đảo Hoàng Sa (Paracel Island) gồm 30 đảo, bãi san-hô và mỏm đá ngầm nhỏ. Vị-trí cách miền Trung Việt khoảng 1/3 khoảng cách đến những đảo

Những dân-chúng trên, chúng-tổ sự lỗ bịch, hàm=hồ hay mạo nhận quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa là “**ao nhả**” bất khả tranh-cãi của Tàu Cộng!

Chúng ta cũng không quên rằng Sự phát-triển kinh-tế đi đôi với quân-sự đã làm cho Trung Cộng càng bày tỏ tham-vọng trở nên một siêu cường bá-chủ thế-giới.

Tư lệnh hải quân Trung Quốc đã từng công-khai tuyên-bố: “*Vì sinh tồn, Trung Quốc cần dầu khí và ngư nghiệp ở Nam Hải. Cá sẽ là nguồn protein cho hơn tỷ dân Trung Hoa.*”

Mao Trạch Đông khi mới chiếm trọn lục địa Trung Quốc, trong một bài nói về biên-cương cũ của Trung Quốc, Mao đã đề-cập tới một số chư-hầu trước của Trung Quốc bị các đế-quốc phương Tây chiếm-đoạt như Nhật chiếm Cao Ly (Đại Hàn), Đài Loan, Lưu Cầu, Bành Hồ; Anh chiếm Miến Điện, Buthan, Népal và Hồng Kông; Pháp chiếm An Nam; Bồ chiếm Macao,... Trung Cộng sau đó còn đe-dọa sự ổn định của Đông Nam Á bằng cách dùng các mẫu hạm diễu oai tại các hải phận Việt Nam, Phi Luật Tân, Đài Loan, Nhật Bản,...

Gần đây, Trung Quốc tuyên-bố thẳng thừng cho thế giới thấy “*Mục đích của Bắc Kinh tại vùng biển Đông là tái lập với bất cứ giá nào sự nguyên-vẹn lãnh-thổ của đế quyền Trung Hoa.*”

Nguyên-vẹn lãnh-thổ của đế quyền Trung Hoa là bao gồm những chư-hầu mà xưa kia phải triều cống để tránh binh đao cho xứ-sở mình, mà các sử-gia khi đọc danh từ “*triều cống*” đều hiểu lầm là thuộc lãnh thổ của Trung Hoa, như các xứ Tây Tạng, Tây Bá Lợi Á, Tân Cương, Việt, Thái lan, Miến

Điện,...

Trong cuốn “*Tân Trung Quốc Sử Lược*” ấn hành năm 1952, Trung Cộng đã ghi lãnh-thổ Trung Quốc bao gồm: Miến Điện, Thái Lan, Việt Nam, Kampuchia, Lào, Mã Lai, Singapore, Phi Luật Tân.

Những bằng-cớ nêu trên đã nêu rõ “*truyền-thống thiên triều chủ-nghĩa*” từ thủy tổ Hoàng đế đến nay, đời-đời kế tiếp. Trong sử sách Tàu nếu có những câu mỹ-miêu như “*Phổ thiên chi hạ, mạc phi vương thổ*” thì phải hiểu ngay (*Dưới gầm trời, không chỗ nào không là đất của nhà vua Tàu*) chỉ rõ chính-sách “*bá chiếm*”; Hay “*Tam niên dưỡng chi, giáo chi tất giai ngô dân*” (*Ba năm nuôi dạy tất thành dân Hoa*) đó là chính sách đồng hóa các sắc dân khác.

Riêng đối với Việt Nam, chính sách “*bình thiên hạ*” đã được thi-hành truyền-tiếp qua các triều-đại:

- Nhà Tần xâm lăng Âu Lạc, nhưng không thành công.

- Nhà Triệu chiếm Âu Lạc (năm 179 tr. T.L.) lập ra Nam Việt.

- Nhà Hán, Tùy, Đường cai-trị Việt Nam trên 1000 năm (11 tr. T.L. đến 938 sau T.L.)

- Nhà Tống xua quân đánh Việt Nam hai lần nhưng đều thất bại, ngược lại bị Việt Nam đem quân phá Tống (Lý Thường Kiệt đột phá châu Ung và châu Liêm - Lấy công làm thủ).

- Nhà Nguyên đánh Việt Nam 3 lần đều thất bại (1258 - 1284 và 1285).

- Nhà Minh đánh chiếm Việt Nam trong 20 năm, sau cùng thất bại.

- Nhà Thanh đánh Việt Nam nhưng anh-hùng Nguyễn Huệ đã đánh bại quân Thanh...

-

Trung Quốc có trăm phương ngàn kế, với sách-lược vô cùng thâm-độc để xâm-lăng Việt Nam.

Cuối thế-kỷ 20, sau khi thất-bại dạy cho Việt Nam một bài học hồi đầu năm 1979, Trung quốc chuyển sang thủ-đoạn “*tầm ăn dâu*”, lấn chiếm đất và biển qua những hiệp-ước bất bình đẳng:

- Hiệp-ước nhượng đất ngày 30 tháng 12 năm 1999: Để thực-thi hiệp ước trên đất liền, vào 27 tháng 12 năm 2001, hai bên đã làm lễ cắm mốc để thiết-lập đường ranh giới mới.

Qua hiệp-ước biên-giới, Trung Cộng đã lấn chiếm đất của Việt Nam ở biên-giới như sau:

- Khu vực Nam Quan khoảng 0.62 km².
- Khu Bàn Dốc (cột mốc 53) bị mất 0.8km².
- Khu Cao Lộc (cột mốc 25,26, 27) ở Lạng-sơn.

- Khu Minh Tân (cột mốc 14) ở Hà Tuyên. Chiều sâu lấn vô hơn 1 cây số, và chiều dài hơn 4 cây số!

- Các thị trấn Ái Điểm (cột mốc 43) thị trấn Bình Mãng bị chiếm mỗi nơi khoảng 0.5 cây số vuông.

- Khu vực Phia Un (cột mốc 94, 95) huyện Trà Lĩnh, Cao Bằng bị mất khu vực núi Phia Un có mỏ mangan. Tổng diện tích là 2.2 cây số vuông.

- Khu vực Kim Mu, Kim Ngân, Mãn Sơn bị lấn sâu vào Việt Nam 2.5 cây số. Tổng diện tích là 22.5 cây số vuông.
- Khu vực Nà-Pàn, Léo Trình (cột mốc 29, 30, 31) ở Cao Bằng bị lấn sâu vào Việt Nam 1.3 cây số, tổng diện tích là 8.45 cây số vuông.

- Khu vực cột mốc 63-65 (Trà Lĩnh, Cao Bằng) dài 8 cây số, bị lấn sâu vào Việt Nam, tổng diện tích 16 cây số vuông.⁴²

-

Dưới triều-đại các vua Gia Long, Minh Mạng đều có cử quan trông coi, đo đạc cũng như đã dựng miếu trên đảo. Trong thời Pháp thuộc đã có nhiều cơ-quan hành-chánh cũng như khí-tượng do người Pháp đặt ra. Nha thương-chánh được thành-lập từ 1920 (Service des Douanes) đã tổ-chức tuần du quanh đảo để đề-phòng và ngăn-ngừa buôn lậu. Năm 1925, hải-học-viện Nha Trang cũng đã cử một nhóm bác-học ra đảo để nghiên-cứu. Người Pháp cũng đã có nhiều công-trình khí-tượng trên đảo và đến năm 1932 thì lập cơ-sở Đại Lý Hành Chánh (Délégation Administrative des Parcels) do Dụ số 10 ngày 20-3-1933, Bảo Đại năm thứ 13 thì đảo được đặt trực thuộc tỉnh Thừa-Thiên. Một đơn-vị quân lực VNCH cũng đã thường-trú tại Hoàng Sa cho đến khi bị Trung Cộng đánh chiếm vào năm 1973.

Công-pháp quốc-tế về lãnh hải ấn-định: Các đảo ở gần quốc gia nào thì thuộc quyền sở hữu của quốc-gia đó. Sự ấn định về thêm lục-địa càng rõ-ràng hơn. Thêm lục địa là phần đất nằm dưới mặt nước biển nối liền từ bờ biển của một quốc-gia trải dài cho tới lúc có độ sâu 200 fathom (fathom = 18828 mét). Các quần-đảo Trường Sa và Hoàng Sa đều có thêm lục-địa nối liền với bờ biển Việt Nam không có khoảng cách cũng như không có độ sâu qua mức công-pháp quốc-tế quy-định.

Và năm 1973 Mỹ (Ngoại trưởng Kissinger đã ngăn-cản chính-phủ Nguyễn văn Thiệu ra lệnh cho hải-quân chống đối quân Trung Cộng, và sau đó hạm đội Thái Bình Dương của Mỹ đã làm ngơ khi Trung Cộng xâm chiếm Hoàng Sa (Như vậy, Hoa Kỳ đã mở đường cho Trung Cộng xâm-chiếm Hoàng Sa)..

Ngày nay không những Trung Cộng ngang

phía Bắc của Philippines, cách đảo Lý Sơn khoảng 200 hải lý, và cách đảo Hải Nam 230 hải lý.

Tọa-độ của đảo: 16°30'B 112°00'Đ.

Các đảo chính: Đảo Đá, đảo Cây, đảo Phú Lâm.

Đường bờ biển 518 cây số.

Quần đảo trải dài từ 15°45' đến 17°15'Bắc và từ 110°00' đến 113°00' Đông - Có 4 điểm cực Bắc, Nam, Tây, Đông lần-lượt tại đá Bắc, bãi Ốc Tai Voi, đảo Tri Tôn và bãi Gò Nổi; độ dài đường bờ biển 578 km, điểm cao nhất của quần đảo là một vị-trí trên đảo Đá với cao độ 14m.

Về khoảng cách đến đất liền, quần đảo Hoàng Sa nằm gần Việt Nam hơn. Cụ-thể khoảng cách từ đảo Tri Tôn (15°47'B - 111°12'Đ) tới đảo Lý Sơn (Cù Lao Ré) 123 hải lý.

Đảo chia làm hai nhóm:

* Nhóm An Vĩnh (Amphitrite Group) ở phía Đông Bắc của quần đảo, nhóm này bao gồm đảo Bắc, đảo Cây (đảo Cù Mộc), đảo Trung, đảo Đá, đảo Linh Côn, đảo Nam, đảo Phú Lâm, đá Bông Bay, cồn Cát Bắc, Cát Nam, cồn Cát Tây, cồn Cát Trung, Hòn Tháp, đá Trường Nghĩa, bãi Bình Sơn, bãi Châu Nhai, bãi Gò Nổi, bãi La Mác, bãi Quảng Nghĩa, bãi Thủy Tề, bãi Ốc Tai Voi.

Theo Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí của Phan Huy Chú, An Vĩnh là tên một xã vào thời Chúa Nguyễn, thuộc huyện Bình Dương, phủ Tư Nghĩa trấn Quảng Nam, đến thời nhà Nguyễn thì thành tỉnh Quảng Ngãi.

Sách Đại Nam Thực Lục cũng có ghi: “Ngoài biển, xã An Vĩnh có hơn 100 cồn cát, chiều dài tới mấy ngàn dặm, tục gọi là “Vạn Lý Hoàng Sa Châu”.

Hồi đầu triều Nguyễn, đại đội Trường Sa gồm 70 người lấy dân xã An Vĩnh sung vào, hàng năm cứ đến tháng ba chèo thuyền ra đảo, 3 ngày 3 đêm thì tới đảo.

* Nhóm Lưỡi Liềm (Crescent Group) ở phía Tây Nam của quần đảo. Nhóm này được gọi là nhóm Trăng Khuyết, bao gồm đảo: Ba Ba, đảo Bạch Quy, đảo Duy Mông, đảo Hoàng Sa, đảo Hữu Nhật, đảo Lưỡi Liềm, đảo Ốc Hoa, đảo Quang Anh, đảo Quang Hòa, đảo Tri Tôn, đảo Bắc, đá Chim Én, đá Hải Sâm, đá Lồi, đá Sơn Kỳ, đá Trà Tây, bãi Đèn Pha, bãi Ngự Bình, bãi Xà Cù.

- Năm 1816, vua Gia Long ra lệnh cắm cờ trên đảo. Đại Nam Thực Lục chép rằng: Tháng 3 năm Bính Tý, niên hiệu Gia Long năm thứ 15 (1816) sai thủy quân và đội Hoàng Sa đi thuyền ra Hoàng Sa để thăm dò đường thủy.

- Năm 1835, vua Minh Mạng cho xây đền, đặt bia đá, đóng cọc và trồng cây. Đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải được trao nhiều nhiệm-vụ: khai thác, tuần tiễu, thu thuế dân trên đảo, và nhiệm-vụ biên phòng bảo-vệ hai quần đảo.

Trên thực-tế, các Chúa Nguyễn cũng như nhà Nguyễn sau này đều có nhiều hành-động liên-tục cử người ra cai quản, khai-thác các đảo trên cả 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Nhà nước Việt Nam đã tổ-chức các đội Hoàng Sa, Bắc Hải để thực-thi chủ quyền và khai-thác hai quần đảo. Các thể-lệ tuyển chọn, chế-độ khen-thưởng đãi-ngộ đối với các đội đều được nhà nước quy-định rõ-ràng. Các đội này được duy-trì và hoạt-động liên tục từ đời chúa Nguyễn (1558 - 1785) đến nhà Tây Sơn (1786 - 1802) và nhà Nguyễn.

Triều-đình nhà Nguyễn đã cử các tướng Phạm Quang Ánh (năm 1815), tướng Phúc Sĩ, Phạm Văn Nguyên, Phạm Hữu Nhật (các năm 1834, 1835, 1836) ra Hoàng Sa khảo-sát, đo-đạc các đảo.

Đầu những năm 30 của thế-kỷ 20, Pháp cho quân đóng ở các đảo chính thuộc quần đảo Trường Sa.

Năm 1933, toàn quyền Đông Dương ra nghị định quy thuộc quần đảo Trường Sa vào tỉnh Bà Rịa. Pháp cũng tách quần đảo Hoàng Sa ra khỏi Nam Nghĩa và đặt vào tỉnh Thừa Thiên.

Sau khi trở lại Đông Dương, Pháp đã yêu-cầu quân Trung Hoa Dân Quốc rút khỏi các đảo mà họ chiếm đóng trái phép vào năm 1946, và Pháp đã cho quân thay thế quân Trung quốc, xây-dựng lại trạm khí tượng, đài vô tuyến.

* Năm 1951, Hội-nghị San Francisco, có một đề-nghị bổ sung bản dự-thảo hòa-ước, yêu-cầu trao trả cho Trung quốc quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, nhưng hội-nghị đã bác-bỏ đề-nghị này với số phiếu áp-đảo là 46 phiếu thuận, 3 phiếu chống, 1 phiếu trắng.

* Công ước luật biển năm 1982, cho phép các quốc-gia ven biển được hưởng quy-chế thềm lục-địa để thăm-dò và khai-thác tài nguyên. Mọi sự tùy-tiện chiếm cứ của nước ngoài dù có bằng vũ lực hay không đều bất-hợp-pháp và vô hiệu-lực.

Tất-cả các sự-kiện nêu trên, ta có thể khẳng định **sự xâm lấn Hoàng Sa và Trường của Trung Cộng hay Đài Loan hiện nay đều là bất hợp pháp và vô hiệu lực.**



Chung dự tính hình thành “**Vùng nhận dạng hàng không**”, để nhằm làm chủ việc kiểm-soát tàu bè qua lại trên biên Đông.-

Những sử-kIỆN trên hùng-hồn chứng-tỏ Trung Cộng là một hung-đồ của thế-giới hiện nay. Từ ngàn xưa, ông cha ta đã nói: **Thương cho roi cho vọt**, ...

Để dạy-dỗ một học-trò ngỗ-nghịch trong lớp, thường hờn-xuộc với thầy cô, và bắt-nạt bạn-bè trong lớp, thì không thể nào không trừng-phạt để răn đe.

Một đứa con bướng-bỉnh không biết trọng hiếu thảo, hay gây sự với bà con láng-giềng, với những tình tình nghịch bạo động - Nếu không kịp thời trừng trị thì sẽ có ngày nó lấy lửa đốt nhà hay gây ra án mạng.



nhiên cường-chiếm Hoàng Sa và Trường Sa của ViệtNam, mà còn muốn làm bá-chủ ở Thái Bình Dương, quản-chế con đường tự do hàng hải quốc tế.

Thế=giới ngày nay vẫn không quên 5 Tội ác của Tàu Cộng:

- 1- Đàn áp Phật-giáo Tây Tạng.
- 2- Đàn áp Cơ Đốc giáo.
- 3- Thảm sát Thiên An Môn ngày 4 tháng 6 năm 1989.
- 4- Đàn áp Pháp Luân Công.
- 5- Tự vệ Đường Lưỡi Bò . (năm 1947 chính-phủ Trung Hoa Dân quốc đưa ra yêu sách chủ quyền biển Đông với đường lưỡi bò 11 đoạn - đến Cộng Hòa Nhân Dân Trung quốc còn 8 đoạn)

Ngoài ra trên 2 triệu người đã bị bọn cầm quyền Trung quốc mổ lấy nội tạng sống.

David Kilgour -
Evidence & Common Sense

“310 triệu dân Mỹ nên bắt đầu nghe những gì Peter Navarro và Greg Autry viết trong cuốn *Death by China* (Chết dưới tay Trung Quốc) về việc 1.3 tỷ người dân Trung Quốc dưới sự chỉ-đạo của một chế-độ độc-tài toàn-trị đang hủy-hoại kế sinh-nhai của họ như thế nào. Tiếng chuông tự-do của cuốn sách này nên đánh thức các nhà lãnh-đạo Mỹ ra khỏi giấc ngủ của họ để họ cuối cùng nhìn ra rằng các chính-sách kinh-tế của Trung quốc đang làm phá sản Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ. Navarro và Autry mô-tả việc này đơn giản nhất có thể và quan-trọng là chỉ ra cách để Mỹ đối phó với mối đe-dọa này. ”

(Richard McCormack, nhà xuất bản và biên tập *Manufacturing & Technology News*.)

Trong cuốn “*Death by China*”, tác giả Peter Navarro & Greg Autry đã lưu ý:

* Để đổi lấy dầu Sudan **con buôn phủ quyết Trung-quốc** đã can-thiệp nạn diệt chủng Darfur, lực lượng quân sự Jan Jaweed dùng vũ-khí Trung quốc giết hơn 30,000 người dân Sudan vô tội.

* **Con buôn phủ quyết Trung Quốc** ngăn-cản Liên Hiệp quốc đã mở toang cánh cửa hạt nhân ở Trung Đông.

* Khắp Châu Phi, Châu Á, và Mỹ Latinh - Những khoản cho vay hậu-hình, lãi-suất thấp để xây dựng hạ-tầng đổi lấy nguyên-liệu và sự xâm-nhập thị trường nội-địa - Thay vì dùng lao-động nội-địa, Trung quốc sẽ mang đến đội quân kỹ-sư và công-nhân khổng lồ. Hạ tầng này cả về nghĩa đen và nghĩa bóng mở đường khai-thác và vận-chuyển nguyên liệu. Sau đó xóa bỏ các ngành tại chỗ, đẩy cao tỷ-lệ thất nghiệp, và đẩy các thuộc-địa mới lún sâu hơn nữa vào đói nghèo.

CHÍNH-NGHĨA KHÔNG THỂ SÁNG TỎ NẾU KHÔNG ĐI ĐÔI VỚI TRỪNG-PHẬT

*

Toàn thế-giới đều đã rõ Trung Cộng do Tập Cẩm Bình lãnh-đạo đang gây chiến tại biển Đông:

Chúng hung-hăng **xâm chiếm Hoàng Sa và Trường Sa** là những đảo vốn thuộc Việt Nam.

Ép buộc tay sai Công Sản Việt cho dân Tàu qua lại đất Việt mà không cần thông hành chiếu khán, **dân Tàu tự do ra vào đất Việt, gián điệp chúng tha hồ thâm tóm tình hình Việt Nam** để cần cho những thời-diểm xâm chiếm đất Việt.

Tiếp-tục diệt chủng các nước chung-quanh như chúng đã thực-hiện ở Campuchia thời Pol Pot. Nay

chúng áp-dụng ở Việt Nam qua các công-ty khai-triển Bauxite , lò đúc gang thép Formosa **gây nhiễm độc nguy-nan cho quốc-dân Việt!**

Chúng ngang-nhiên vẽ ra “**Lưỡi Bò**” để nói rộng lãnh hải, và coi đó là chủ quyền đương-nhiên của chúng từ những triều-đại Đại Hán xa xưa?!

Không những chúng còn khinh-miệt quốc gia Việt, dân-tộc Việt, mà chúng cũng coi-thường các quốc gia khác như: **Lào, Miên, Nhật, Úc, Ấn, Tân Gia Ba, Phi Luật Tân, Nam Dương, Mã Lai, v.v...**

Chúng đã ôm mộng “**Đại Hán**” từ nhiều năm trước - Chúng đã tạo dựng ra lịch-sử oai hùng của chúng từ đời Tần Thủy Hoàng đến nay; chúng đã dạy dỗ cho những thế-hệ trẻ của chúng tất-cả các quốc gia chung-quanh đều lệ-thuộc Trung Hoa, và nước Tàu có hình thể lớn rộng, bao gồm lục địa Trung Hoa và hết cả biển Đông. Chúng đã xây mộng **Tàu là bá chủ ở Á Đông**, v.v...

Chúng đã coi thường và quyết **không công nhận phán quyết ngày 12 tháng 7 năm 2016 của cơ quan trọng tài quốc tế tại Hoà Lan.**

Chúng **coi thường luật pháp quốc tế** mặc-dầu chúng đã ký những hiệp-ước mà chúng phải tuân theo?

Như vậy chúng-tổ chúng là thành-phần **ngang ngược, gây rối, phá-hoại nền an-ninh trật-tự của Thế-giới.**

Chúng thách đố quyền lực **với Hoa Kỳ.**

Chúng ngang-nhiên đòi chủ quyền trên đảo **Điều Ngự** của Nhật Bản.

Chúng ngỗ-ngược xâm-chiếm và nhằm cải tiến đảo Scarborough của Phi Luật Tân làm **căn-cứ quân sự của chúng trên Biển Đông.**

*“Nào Triệu, Trưng phát cờ nương tử
Tình đồng bào, máu chảy ruột mềm.”*

Đình Tiên Hoàng vườn cờ lau Vạn Thắng,
Dẹp sứ quân, thống nhất sơn hà.

Đời tiền Lê, Đại Hành câu cá,
Chân đạp cung Đoài,
Ngủng cao đầu nói *“Thọ tử Nam Sơn.”*
Tiếp Lý - Trần : Tam Giáo đồng quy,
Tâm hưng Việt Đạo
‘Nội Thánh Ngoại Vương’
Ba lần bại Nguyên.

Nguyễn Quang Trung
Trên bành voi bình Bắc.
Chấn động biên cương,
Không chó kêu, gà gáy,...

Thế mà nay: Tụi phận làm sao!
Thua cả Miên, Lào
Đứng vào hạng chót!

Mau mà tỉnh-thức:
Hãy nhớ xem:

Tàu đã áp-bức:

- Nuốt gọn các vùng
Nam Quan, Bàn Giốc.

- Chúng về lừa bò
Liếm ngọam biển Đông.

- Tại vùng biên-giới, biển đất Việt thành nơi
phế-thải.

- Di dân đầu-tư
Giả như lương thiện
Chiếu-khán không cần
Đạo quân thực sự
Gián điệp nằm vùng.
-Môi trường ô nhiễm

Tránh cái *“ xấy nấy cái hung”*,
Phe Dân Chủ phải mạnh hùng và quyết

- Trùng trị Trung Cộng về cái tội ngang-ngược
gây chiến với láng-giềng và cưỡng chiếm Biển Đông
qua các chính-sách như: **‘Cấm Vận’**, **San bằng các
hải đảo nhân tạo** ở Biển Đông do Trung Cộng tân tạo

- Dựa vào luật biển 1982, và phán quyết 12
tháng 7 năm 2016

- Bắt **Trung Cộng phải rút ra khỏi những hòn
đảo mà chúng xâm chiếm bất hợp pháp.**

- **Hoàn nguyên tình-trạng trước khi chúng xâm
chiếm.**

- Muốn chung sống hòa-bình, **phải dứt mộng
“Đại Hàn”**. Thiêu hủy những tài-liệu sai lạc dùng
huấn-luyện thế-hệ trẻ hiểu lầm về lịch-sử xa xưa.

- Phải **dứt bỏ tính hung hãn, đầu độc qua các
sản phẩm để tiêu diệt dân tộc khác., . . .**

- Kể từ sau Thế Chiến thứ II, chính-sách thuộc
địa chiếm đất đã không còn thì Trung Cộng dùng ảo
tưởng tiếp-tục trên đường xâm-lăng mở rộng đất-đại.

Hình thái thế giới ngày trước khi bước sang gia
đoạn ‘Nhân Bản Thái Hòa’ thế giới đang hình thành
an định từng vùng. Năm Châu sẽ có năm vùng trong
thái hòa ‘Toàn Thế Giới’.

Tha-thiết yêu-cầu các quốc-gia Dân Chủ, nhất
là Hoa Kỳ đứng đầu thế giới Tự Do có quyết định
sáng-suốt, không vì lợi riêng mà thả lỏng Trung Cộng
sống trong tư thế **“Phi nhân loại.”**

HỊCH THỜI ĐÀI (ĐUỐC DIÊN HỒNG XXI)

Trước thế loạn, vụ **nhân-bản**, hòa-đồng nhất thể,
Nước suy vong, khơi **cổn-nguồn**, hội-tụ đồng
tâm.

Nào phi-thuyền không gian vút chín tầng mây;
Nào máy bay không người lái; tàu ngầm lặn sâu
ngàn mét, tên lửa xuyên dương;

Trước chướng tai đầy gai mắt, Tàu Chiếm vênh
mặt bá quyền, Biển Đông xâm chiếm ..

Chú bé Bắc Hàn cuồng ngông, hăm-he hạt nhân
nguyên tử, hù dọa lung-tung,...

Nhìn về quốc nội:
Cái tội Cộng quân
Phản dân, hại nước
Hết mức ngu dân,
Làm thân nô lệ
Tàu Cộng gian tham.
Đúng một lũ quyền gian cướp xã tắc
Đời sống thừa, sống nhục, sống tội đòi!
Hèn với giặc,
Ác với dân.

Nay cần dạy bảo:
Điên-đảo say mê
Mác Lê lú-lấp
Mất gốc quên nguồn
La phường bội bạc.

Cảo thơm cần nhắc: “*Trúc xinh, trúc mọc bờ ao,
Em xinh em đứng chỗ nào cũng xinh.*”

(Ca Dao)

*Trời đường sáng bỗng dưng mờ mịt
Nhìn tương lai tắc tịt đường thông.
Nhớ xưa, chợt mộng qua đình,
Ngày xuân lễ hội, dân tình vui chơi!...*

* Ôi, vật đổi sao dời
Mòn hao dân vực
Bàn Giốc, Nam Quan,
Lấn tràn Đông Hải
Tàu cải Hoành - Trường
Bức tường hải lộ.

* Hộ quốc an dân
Thập phần tuột dốc!
Nói dóc thật gân
Đứng gần miệng hố
Lũ ngõ thông-manh.

* Dân sinh bế tắc
Kinh tế thụt lùi.
Dùi cui là giỏi
Mòn-mỏi miếng ăn
Tinh-anh sao được?

* Sách-lược hộ dân
Ngu dân một lũ
Ấp-ủ Mác Mao
Lao-đao đất nước.

* Mộng ước văn-minh
Thêm sinh cướp giật
Duy Vật còn ca
Càng sa đới rách !

Sử sách đời xưa:

“*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư . . .*

(Lý Thường Kiệt)

hóa là sự vui của sống còn. Sống mà không chủ-đích, sống vất-vưởng cho qua ngày không những là gánh nặng cho gia-đình, mà còn là một tai họa cho xã-hội.

Sống có nghĩa là tranh-đấu. Có tranh-đấu mới có tiến-bộ. Nhưng tranh-đấu phải nằm trong mục-đích tiến-hóa chung của tập-thể.

Một điều mà ít được chú-ý là cái “ta” cá-thể như sinh thể mất đi vì lẽ này hay lẽ khác, nhưng những cái “ta” tập-thể-tính vẫn tồn-tại trong ký-ức của tập-thể và vẫn có sức tác-động mạnh. “Hồn” danh-nhân thường là chất men làm hăng-say cả một dân-tộc trong đấu tranh sinh tồn. Hiện tượng “hồn thiêng” không phải tồn tại trong mây gió như Thúy-Kiều tưởng-tượng:

*“Trông ra ngọn cỏ lá cây
Thấy hiu-hiu thổi thì hay chị về...”*

(Nguyễn Du)

“Hồn thiêng” tồn tại ngay trong tâm khảm chung của tập-thể, tức là trong cõi “vô thể chất” (le monde immatériel) , mà nếu mượn từ-ngữ của khoa điện-toán thì ta gọi là trong “memory” của một dân-tộc; còn từ ngữ văn-chương thì gọi là “hồn dân-tộc” hay “khí thiêng sông núi” trong tâm-khảm tập-thể.

Ở sống người cũng như ở muôn loài, sống là sống trong một dòng sống nối tiếp. Vật hay người không một cá thể nào tự sinh, mà phải nảy sinh từ một dòng sống. Tất cả những cái “ta” mà ta có đều là thụ-đắc trên đường trường sinh-hoạt với xã-hội. Cái ta trí-thức chính là do thụ-đắc nơi học-đường, sách vở; cái ta chủ-nhân là do thụ-đắc trong những sinh-hoạt kinh-tế... Nói chung danh phận một người đều do nó xây-dựng trong khuôn-khổ một xã-hội. Khuôn-khổ này sinh-động và luôn-luôn là những hệ-

*Thâm hiểm bọn Tàu.
Trọng, tay sai cúi đầu nhận lệnh,
Đem mệnh dân trao mặc buông trôi !
Ôi thôi, đất nước đi đời
Năm ngàn văn hiến đến thời diệt vong?*

Nên nhớ rằng:

*Gốc Tàu Chệt tử đâu mà đến?
Tây Vực hoang, lưng ngựa sang Đông.
Xuôi Nam cướp đất Lạc Hồng,
Gây bao khổ nạn Con Rồng cháu Tiên.
Mượn của người gây phiền sử sách.
Hãy nhớ lời “Bất tác”⁴³ Khổng Khâu.
Thương thay cái lũ “Thieu Châu”
Vênh-vang mượn cấp của người làm vinh!.*

* Hãy phản tỉnh, cùng ca hồn nước:

*- Tụ vùng lên, rửa nhục non sông
- Lấp cho mất cột đồng Mã Viện
- Hãy hô vang: Đại Việt oai phong!
- Giống Tiên Rồng vang trong bốn cõi,
Làm rạng danh kim cổ anh-hùng.*

*Đốt lau sậy cháy bùng khắp chốn,
Xua cho tan Tàu khốn xâm-lãng,
Cùng tôi đòi Việt Cộng gian manh!
Cho lang sói vuốt nanh rơi rụng.*

*Quốc miếu tưng, Diên Hồng chính đạo
Phất quân ca ‘Sát bọ’ húng tâm
Đem thái hòa cho dân an lạc,
Để danh thơm ghi tạc nhiều đời.*

Khởi Xuân Đình Dậu, 2017.

Duy Khang.

Hãy cùng ca vui:

*Nắng Viêm chan hòa khắp cõi trời Nam
(Đại Nam Hải),*

*Giống Tiên + Rồng rạng-rỡ mỗi trăm
con (Bách Việt),*

Cùng gốc xưa, đất cũ, sáng văn Môn.

*Hãy đứng lên! cùng phục-hồi nếp
sống:*

*Thật oai-hùng, trong sáng rực Viêm
phương. Nào anh em: Việt, Thái, Miên, Lào,
Mường Mă, Pa (Pa-pou), Chàm, Ngải, Tày,
Phi,...*

Hãy đứng lên! cùng sống, còn, tiến
nối, hóa muôn ngàn năm.

Mau xua tan mọi cường đồ xâm-lược;

*Mau hướng tâm, tuy xa cách, mà cùng
trực.*

*Mau hoàn-thành Đại Nam Hải Liên
Bang.*

*Đứng lên: Việt, Thái, Miên Lào, Mường
Mă, Pa (Pa-pou), Chàm, Ngải, Tày, Phi,...*

*Nguồn sóng đáy mau dậy lên sóng sau
dồn sóng trước!*

Rửa thù chung, mở mày mặt cháu con.

*Cõi Đông Á, khối vương tròn Vạn
Thắng.*

(Đại Nam Hải ca/tài liệu vận động của chủ nghĩa Z)



Tổng Kết

Người ta đã ca ngợi không hết lời về sự độc-lập của Hoa-Kỳ, và Ba-Lan. Nhưng xét cho kỹ, nội chất độc-lập của Hoa-Kỳ chỉ là mặt trái sự chia-rẽ của nòi giống Anglo-Saxon; Tính-chất độc-lập của Ba-Lan chẳng phải do sức nội tại, mà là do sự xoay-vặn của thời-cuộc quốc-tế...

Không gì thuần-túy bằng tinh-thần độc-lập của nòi giống Việt, trải từ khi còn là một tốp người, tiến lên thành một dân-tộc, hai ba triệu rồi bốn - năm - bảy triệu, cho đến nay hơn 80 triệu, từng thắng lợi mọi chia-rẽ nội-bộ để thống-nhất quốc-gia dưới thời Đinh; từng đánh bại mãnh lực xâm-lược vào thời Trần; và đã hùng-bồn tự-lực giành độc-lập dưới ngọn cờ cách-mạng dân-tộc của Lê-Thái Tổ,...

Hơn thế-kỷ lâm-lý khổ-ải đã thấm-thấu vào lòng mọi người Việt. Cho nên tiến-trình phục-hưng của nòi giống ta có thể diễn-tả qua các giai-đoạn đại bi, đại giác, đại nguyện, đại hành, đại hùng, đại thế... Tự cảm-giác thấy cái đau khổ lớn-lao mà thức-tỉnh một cuộc cách-mạng rộng lớn...

Phục-hưng dân-tộc trước hết phải phục-hưng cá-nhân. Dân-tộc có độc-lập được hay không là nhờ ở năng-lực của thanh-niên.

Vai trò của tuổi trẻ là vai-trò chủ-động phục-hưng và kiến-thiết cho đất nước. Thế-hệ trẻ cần sống có chủ-đích. Bởi chủ-đích chính là hướng đi hay là lý-tưởng của cuộc đời. Sống là để tiến-bóa và tiến

- Người Việt sẽ dứt bỏ mộng Tây tiến, xâm lược lân bang của các vua thời phong-kiến cũ.

- Phi-líp-pin sẽ trút bỏ cái vỏ Tây phương mà trở lại với bạn-bè cùng xứ...

Biên-giới trong vùng sẽ được mở tung cho các cuộc du khảo, thăm hỏi. Ngôn-ngữ nước này sẽ là sinh-ngữ trong trường-học nước kia. Các học-giả sẽ ngồi lại với nhau, tìm-tòi đãi-lọc những từ-ngữ có cùng gốc-gác xa xưa. Các kế-hoạch-gia sẽ đề-cập đến những nhu-cầu phát-triển chung...

Một khối các quốc-gia xây-dựng trên tình tự anh em ruột thịt - Thật là niết viển ảnh tốt đẹp vô cùng!

Căn-cứ vào các liên-hệ nêu trên, ta có nhiều tin tưởng vào một tương-lai tươi sáng, khi các quốc-gia vùng Nam Hải thành thế liên-hòan. Nói cách khác “Trăm Việt trong vùng định mệnh” hồi-phục trong thế “Phi Long tại thiên”, và lúc đó “**Đại Nam Hải**” hành khúc vang khắp trời Đông.



số hoặc thuận hoặc nghịch cho công việc và kết quả của những xây-dựng ấy.

“**Sinh thế dị, trưởng thế nan**” (Sinh ra ở đời là chuyện thường, nhưng làm nên cuộc đời có công-nghiệp mới là khó). Làm người, ai cũng phải chết, nhưng chết có nhiều cách. “Có cái chết nhẹ-nhàng như “chiếc lá bay lượn với làn gió thoảng như thâm bảo sự đẹp của vạn-vật chỉ ở hiện-tại, cả thời-gian bám trên cành cây không giá-trị bằng vài phút bay lượn nên thơ. Có chiếc lá như sợ-hãi, ngần-ngại, rụt-rè, rồi khi gần tới mặt đất còn cố cất mình muốn bay trở lên cành cây. Có chiếc lá như con chim bị lảo-đảo mấy vòng trên không, rồi cố gượng ngoi đầu lên, hay giữ thăng-bằng cho chậm tới giây phút nằm phơi trên mặt đất...”⁴⁴

Do đó, thanh niên thời đại phải biết kiến lập một sinh-mệnh độc-lập và vượt thắng cho chính mình. Đời sống của con người vốn là một cuộc hành-trình có dự định, có kế-hoạch, để đạt tới một hoàn-thành có ý-nghĩa và giá-trị cho nhân sinh.

Thế hệ trẻ Việt hãy mạnh dạn đưa vai vác trái địa-cầu như Atlas

“Sinh vi nam tử yếu hy kỳ
Khẳng hứa càn khôn tự chuyển di...”
(Phan Bội-Châu)

Bàn cờ thời-đại biến đổi khôn lường - Truyện “Tái Ung mất ngựa” còn đó, manh tâm của Trung Cộng xâm-lấn biển Đông ngày nay, âu cũng là một cơ-hội tốt cho sự “**Hình Thành Tổ Hợp Liên Bang Đại Mam Hải**”, thế cân bằng, đối ứng với mộng bá-chủ truyền kiếp của nòi Hán, mà nhà cách-mạng Việt Lý Đông A cũng như các vị quốc trưởng Nam Dương, Mã Lai, Phi Luật Tân, v.v... trước kia đã từng vận-động, liên-kết trong giai-đoạn đầu mới chỉ là gieo mầm tiên khởi, còn cần những yếu-tố tiếp nối: thời

vận, công sức và phương tiện vun trồng ,...mầm kia mới trở thành đại thụ.

- Thời-vận chính là những:

* Sự trắng-trợn xâm lấn lân-bang, những “láo khoét ” tự nhận Biển Đông là “ao nhà” của Tàu Cộng,

* Sự coi thường phán quyết của tòa án trọng-tài Quốc Tế La Haye về “Đường Lưỡi Bò và bãi cát Scarborough ”

* Đe -dọa và hạn-chế quyền thông thương tự do của quốc-tế ở Biển Đông.

* Liều-linh và ngu-dốt đem “**tàu sân bay hàng mã Liêu Ninh**” ra dịch với hạm đội 3 và 7 của Hoa Kỳ.

* Gây hấn với các quốc gia Đông Nam Á và Ấn Độ.

* Chưa bắt kịp ý-thức “hòa đồng” thời-dại lại còn lẫn-quẩn với tư-tưởng lỗi-thời “**đế chế độc tài, phi nhân bản, phi nhân chủ, phi dân tộc.**”

* Điều-kiện kết-hợp khối Bách Việt xưa (Việt, Miên, Lào, Mã Lai, Phi Luật Tân, Nam Dương, Miến Điện, v.v...) đã thuận-tiện, hợp tình, hợp lý khi dựa vào “**mối tương-quan giữa chủng tộc học và ngôn ngữ**” của các nước này mà vận-động.

“Ý-chí kết-hợp đã nảy sinh từ thế-kỷ 19, trong khi toàn vùng còn chìm đắm trong vòng đô-hộ của Tây phương! José Rizal và Apolinario Malini người Phi Luật Tân đã từng nhắm tới việc hình-thành một **tổ hợp dân tộc** Malay gồm Bornéo, Nam Dương, Mã Lai và Phi Luật Tân.

Tại Nam Dương, lãnh-tụ Tan Malaka cũng đã nghĩ đến một liên-bang rộng lớn gồm cả Đông Nam Á lẫn Úc Châu mà ông gọi là “Asia”.

Vào năm 1939, Phibum Songkhram cùng nhóm cầm quyền đã bỏ quốc-hiệu cũ “Xiêm” đổi thành “**Thái**” và tung ra chủ-trương giải-phóng các quốc-gia gốc Thái tại Đông Nam Á lục-địa. (Một hội-nghị Đại Đông Á được tổ-chức ở Đông Kinh vào tháng 11 năm 1943, gồm có tổng-thống José P. Laurel của Phi, thủ tướng Ba Maw của Miến, hoàng-thân Waithayakon của Thái).

” Ngày nay, càng rõ hơn, sự cần-thiết kết-hợp các nước nhỏ tại Đông Nam Á, để cùng nhau chống lại họa “**bá chủ**” của Tàu. Trước hiểm-họa chung, phải cùng đi tìm lẽ sống, dù nội, ngoại, xa gần hãy triển-khai mối liên-hệ họ hàng, mối liên-hệ ngôn ngữ, văn-hóa, không còn những thù-hận lịch-sử trong những thời-gian cận đại:

- Xứ Lào không còn e-ngại người anh em bên bờ sông Cửu Long, kẻ bên này dãy Trường Sơn không còn mang binh quyền sang “đổi chúa thay ngôi”, cướp nhà, xẻ nước.

- Dân Khmer thôi đi mối huyết thù với người Việt, cảnh “cáp chuẩn vô nhân đạo” sẽ không còn xảy ra sau khi nhận ra bà con bên ngoại .

- Người Thái chắc còn nhớ lấy các câu trong “Hành Ca trên đường Nam thiên của bộ tộc mình”

Phải đi đường con don, con dím,
Đường con trâu, con bò lẫn trong rừng.
Ai có bò, bện thừng mà buộc,
Ai có trâu làm xẻo mà lòi.
Ai có con đeo dùi, mang nôi...

Nhớ đến hành ca này, tất người Thái không còn lo ngại mặt Tây biên .

* Bản thần tích xã Vi Cương (Phú Thọ) ghi chép khá rõ về các đời vua. Theo đó, 18 ngành vua Hùng có tất cả 180 đời vua nối nhau trị vì. Tính trong 18 chi đời vua Hùng truyền ngôi đại bảo cho 180 đời đế vương, sơn hà quy về một mối, kiến lập được 122 thánh điện, tổng cộng các năm của 18 đời thánh vương di truyền ngôi cho các triều thánh tử thần tôn là 2622 năm sinh được 986 chi, các hoàng tử công chúa sinh được 14378 cháu chất miêu duệ,

17/11- Thái Sơn: Có lẽ vì thế câu ca-dao Việt cổ xưa còn truyền lại: “Công cha như núi Thái Sơn - Nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra?

18/12- Cú địa : Hồ Động Đình thuộc phía Nam sông Trường Giang, Địa khu Bắc Trường Giang được gọi là tỉnh Hồ Bắc, tức Đất Kinh Châu thuở xưa. Đất khu phía Nam Trường Giang gọi là tỉnh Hồ Nam. Hồ Động Đình nằm trong tỉnh Hồ Nam. Xin đọc thêm tài-liệu về Đạo Mẫu để thấy rõ sự liên quan Đạo Mẫu với các địa danh như Động Đình Hồ. Mở đầu văn tế: Gió Động Đình Mẹ ru con ngủ - Chấn thượng đường ấp ủ năm canh....

● Các nhà biên khảo xưa, vì cho rằng Hùng vương là con cháu của Kinh Dương vương (nhân vật được coi là thủy tổ của Bách Việt) mà **suy đoán Đất nước của Hùng Vương bao gồm lên tới Động Đình hồ và Ba Thục**. Thực ra, nước Văn Lang nằm trong khối Bách Việt, và chỉ gồm một vùng từ Hoành Sơn cho Đến miền Nam Quảng Đông, Quảng Tây từ biển Đông cho đến biên giới Việt - Lào ngày nay.

19/13- Tại sao chia thành 15 bộ ? Phải chăng có liên hệ với số 15 trong ma phương (magic square)

Tổng cộng mỗi chiều ngang , dọc hay chéo đều bằng **15**.

8	1	6
3	5	7
4	9	2

Chú thích

X/ Y : X = số chú thích, Y = số trang.

1/1- Theo huyền sử, **Long Vương** thuộc dương, (Dương phải đi đôi với âm mới sinh sinh hóa-hóa) nên giống rồng thường ở biển sâu (âm).

2/1- “**Coi trời bằng vung**”- Tục ngữ, chỉ sự coi nhẹ uy quyền.

3/1- Trung Cộng đã cưỡng chiếm đảo **Trường Sa**, và xây cất đảo này thành đảo nhân tạo để đặt căn-cứ quân sự.

4/1- Chiến hạm **Liêu Ninh**: Trung Cộng mua lại tàu cũ thuộc khối Liên Xô đem về sửa chữa, đặt tên tàu mới là hạm đội Liêu Ninh. Liêu Ninh được chế-riều thành tàu Liêu Minh.

5/1- Dân **Chiệc**, Tiếng Thiều Châu có nghĩa là dân Tàu.

6/1- Sách, sử Tàu không những đã xuyên-tạc Nho học và nhập nhằng về chủng-tộc, cốt xóa bỏ nguồn-gốc lân-bang hòng Hán hóa dễ-dàng.

7/1- Chính phủ Phi Luật Tân đã kiện lên tòa án quốc Tế La Haye Trung Cộng đã xâm chiếm đảo Scarborough, và đã được phán quyết đảo này thuộc chủ quyền Phi Luật Tân.

8/1- Ngoài bãi Scarborough của Phi Luật, Trung Cộng còn cưỡng chiếm Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam, Tàu Đài Loan chiếm Ba Bình.

9/1- Không những cưỡng-chiếm đất liền và biển, Trung Cộng còn dã tâm Hán hóa các dân tộc chung quanh như Mông Cổ, Mãn Thanh, Hồi Hột, Tây Tạng, Việt Nam.

10/1- Ca dao.

11/2- **Ngôn bất tận ý**: Người xưa thường viết: Thư bất tận ngôn, ngôn bất tận ý = Thư không hết lời, lời chẳng hết ý.

12/3- Nguyễn Thùy, “ Cầm Đờ Việt Sử Trường Ca ”, Trévoux 22 tháng 8 năm 1990.

13/6- Người linh nhân (Neo-Anthropus, Homo-Sapiens - Sapiens có vào khoảng 40,000 năm về trước, cuối thời đồ đá cũ chuyển sang đồ đá mới.

Phỏng theo Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, Quốc Tử Quán Triều Nguyễn, Dịch Giả: Viện Sử Học. Nhà xuất bản: Giáo Dục - Hà Nội, 1998.

14/8- Dân Tàu cũng nhận Thần Nông là Tổ tiên của họ? - Điều này chỉ là sự cố ý Hán hóa và nhập-nhằng để xóa bỏ nguồn gốc dân Việt. Nếu **Thần Nông** là tổ của họ, thì phải gọi là **NôngThần** mới đúng ngôn ngữ Tàu.

15/9- **Bách Việt** là từ người Hán dùng để chỉ chung các người khác tộc Hán, sống ở miền Nam nước Tàu xưa.

16/9- **Đời, triều, chi?** Vì dựa vào số năm từ năm 2879 đến 258 TCN, tổng cộng 2621 năm, chia cho 18 đời (triều, chi?) vua Hùng nên một số sử gia như Trần Trọng Kim cho đó là hoang đường. Tuy nhiên, có giả thuyết cho rằng vào thời xưa, 18 triều Hùng là **18 chi**. mỗi chi có thể là 2, 3 vị làm vua.

a/ Theo Hùng vương là ai và lịch-sử các vua Hùng trong Wikipedia tiếng Việt, 18 đời vua Hùng gồm:

b/ Kinh Dương vương (2879-2794 TCN), húy Lộc Tục.

c/ Hùng Hiền vương)Lạc Long quân húy Sùng Lãm (2793-2525 TCN).

d/ Hùng Lân vương (Hùng Quốc vương) [2524-2253 TCN].

đ/ Hùng Diệp vương (Hùng Hoa vương) [225 -1913 TCN].

e/ Hùng Hy vương (1912-1713 TCN).

g-/ Hùng Huy vương (1712- 1632 TCN).

h/ Hùng Chiêu vương (1631-1432 TCN).

i/ Hùng Vi vương (1431- 1332 TCN).

k/ Hùng Định vương (1331-1252 TCN)

l/ Hùng Ai vương (1251-1162 TCN).

m/ Hùng Trinh vương (1161-1055 TCN).

n/ Hùng Vũ vương (1054-969 TCN)

o/ Hùng Việt vương (968-864 TCN)

p/ Hùng Anh vương (863-755 TCN)

q/ Hùng Triều vương (754-661 TCN).

r/ Hùng Tạo vương (660- 569 TCN).

s/- Hùng Nghi vương (568-409 TCN).

t/- Hùng Duệ vương (408-258 TCN).

* Theo Đại Việt Sử Lược, bộ sử xưa nhất của nước ta, ghi phong tục thuần lương chất phác, chính sự dùng lối “thắt nút” (xích thàng?). Thời-gian các vua Hùng tương-ứng với giai đoạn Đông Sơn.

* Ngọc Phả Hùng vương được soạn vào năm 980, đời vua Lê Đại Hành thì không phải là 18 đời. mà là 18 ngành với tổng cộng 180 đời vua.

“Di thượng Hùng đồ thập bát diệp, tử phú truyền cơ thái bảo nhất bách bát thập đại đế vương tôn vị nhất thống sơn hà”, nghĩa = 18 nhánh nhà Hùng, ngọc tử và ấn tín truyền đạo bảo trong khoảng 180 đời nhường ngôi đế vương, một mối non sông, xa thư trị nước.

* Nhiều tác phẩm khác như Tân Định Lĩnh Nam Chích Quái của nhà sử học đời hậu Lê là Vũ Quỳnh cũng viết là 18 ngành vua Hùng.

* Trong Ngọc Phả Hùng vương thì chữ “đời ” nên hiểu là chữ thế nên hiểu là một dòng.

Hiện ở đình Tây Đằng thuộc Ba Vì, Hà Nội có bài vị thờ Tam vị Quốc Chúa , 3 vị cuối cùng thuộc thế/chi/ nhánh Hùng vương thứ 18.

32/75 Một giàn: - Thục Phán thuộc Âu Lạc, Hùng vương thuộc Lạc Việt - Âu Việt và Lạc Việt đều chung trong Bách Việt và cũng là đồng chủng Việt, nên Thục Phán chiếm Lạc Việt không thể coi là xâm lược, mà chỉ nên coi đó là việc hợp nhất hai chi Âu Việt và Lạc Việt, cho nên quốc hiệu mới là Âu Lạc.

33/68 Biệt danh: - Thành xây theo hình tròn ốc (từ tâm điểm xoáy rộng dần lên như hình tròn ốc nên gọi là **Loa Thành**. Theo binh pháp, thành xây theo hình tròn ốc, thì giặc từ ngoài tấn công vào nếu theo đường vòng thì khó mà vào được nội thành, nhưng trong thành bắn ra thì theo đường bán kính rất dễ phản công.

34/68- Hạ phong = thế kém.

55/68- Thượng phong = thế mạnh hơn.

36/69- Liên châu: Liên châu thần nỏ. Nỏ bắn nhiều mũi tên một lúc.

37/69- Còn thua: - Vì buồn khổ cuộc đời, mà nước mắt tràn thế nếu so với nước biển thì nước mắt nhiều hơn nước biển.

38/69 Tang thương: Tang điền biến vi thương hải, thương hải biến vi tang điền - chỉ sự đổi thay. Cung Oán Ngâm Khúc của Đặng Trần Côn, bà Đoàn Thị Điểm dịch nôm.

39/74- Tròn ốc: Những dấu vết hiện-tại ở huyện Đông-Anh, tỉnh Phúc Yên cho ta biết Cổ-Loa là một thành đất có 3 vòng xoáy tròn ốc. Thành ngoài dài hơn 8000 mét, qua mấy xã Cổ-Loa, Dục Tú, Dục-Nội; thành giữa dài khoảng 6500 mét và thành trong dài 1600 mét. Chung quanh 3 vòng thành đều có hào rộng từ 10 mét đến 30 mét, nối với các lạch ăn thông tới sông Hoàng-giang ở phía Nam huyện Đông-Anh, để có thể ra sông Cầu, sông Hồng. Thuyền bè đi lại dễ-dàng. Thành Cổ-Loa có thể coi như là một công trình kiến trúc độc-đáo.

(Đào Văn-Dương, “Sử Thi Dân Gian Đời Thục”, Dân-Ý số 27, 1996).

40/86-Hán hóa hoàn toàn: Bản dịch của Mặc-Dịch.

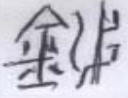
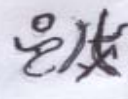
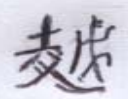
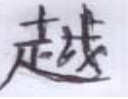
20/14-Lạc Việt: Theo Đại Việt Sử Ký Ngoại Ký Toàn thư. quyển 1, trang 150: GT72 đời Thành vương nhà Chu, (1063-1026 TCN), tên **Việt** bắt đầu có từ đây.

-Theo sách “Chúc Phương” của nhà Chu thì từ Dương Tử giang tỏa xuống có Cửu Mân, Bát Lạc, Tam Ân là Bách Việt. Chữ Việt có bộ mễ mới đúng là tên của ta, còn chữ Việt khác (như Việt viết với bộ tẩu là có ý khinh miệt).

Chữ tẩu bên trái có nghĩa là chạy.

Chữ bên phải chỉ người cầm qua (giáo mác)

Có 6 chữ Việt viết khác nhau:

	Bên trái: chỉ người đeo lông chim trên đầu và ở thắt lưng, tay cầm cái mác hay gậy. Chữ Việt thời cổ đại.
	Bên trên: có bộ mễ = gạo Bên dưới chỉ mầm hạt giống Toàn bộ chữ Việt chỉ dân nông nghiệp. (dùng thời Bạch Việt)
	Bên trái: chữ kim chỉ kim loại, Bên phải chỉ người chim cầm qua hay mác. Chữ Việt đúc trên gươm của Việt Câu Tiễn.
	Bên trái: chữ ấp chỉ đất nước, Bên phải chỉ người chim, tay cầm cái mác hay gậy. Chữ Việt dùng trong thời đại đồ đồng.
	Bên trái: bộ giao. Bên phải chỉ người chim cầm gậy hay mác. Chữ Việt ở bìa cuốn Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, 1697.
	Bên trái: bộ tẩu = chạy. Bên phải chỉ người chim cầm gậy hay mác. Chữ Việt thường viết sau này.

21/15- Các danh hiệu : Vương, lạc hầu, lạc tướng, quan lang, my nương đều là danh từ Hán việt. . Thời Hùng vương, tiếng nói có thể là ngôn-ngữ Mường? Sử gia Tàu khi viết về sử Việt không thể nào phiên âm những chữ Việt cổ như “khun, cun” là người đứng đầu một bộ lạc, tù trưởng. v.v.. mà viết ra vương. Sau đó, sử gia Việt đã viết lại sử Việt mà cứ dùng những danh từ trong sách Tàu nên mới có: vương, lạc hầu, lạc tướng,...

Ngoài ra, chúng ta cũng nhận thấy các tên húy của các vua Hùng đều không có! Vì chữ Nho không phiên âm ra được tiếng Việt cổ. Thí dụ làm sao viết ra chữ nho như Gáo, búa, lénh bẻng, lụ khụ, tông-tòng-tong, ngổ-ngẩn, v.v...Bởi vậy, các húy danh của 18 triều Hùng đều không có lưu lại!

22/17- Cả ba một thể: Trời - Đất - Người, cả ba một thể. Chí sĩ Trần Cao Vân đã có bài thơ Vịnh Tam Tài:

Trời Đất sinh Ta có ý không,
Chưa sinh Trời Đất có Ta trong
Ta cùng Trời - Đất ba ngôi sánh.
Trời - Đất cùng Ta một chữ đồng
Đất nứt Ta ra, Trời chuyển động
Ta thay Trời mở Đất mệnh mông.
Trời che Đất chở Ta thông thả
Trời Đất Ta đầy đủ hóa công.

Trần Cao Vân.

23/17- Chung thủy: Chung = có nghĩa là cái chén đựng, vừa có nghĩa là hết (chung cuộc); thủy = nước, bắt đầu (khởi thủy). Ba chén đựng nước trong (sau dùng rượu thay cho nước, vì rượu cất ở gạo chỉ nông nghiệp) chỉ lòng thành. tinh khiết dâng lên Trời - Đất và Tổ Tông

24/18- Hà Đồ- Lạc Thư (Tiên tThiên và Hậu Thiên, nhưng không có Trung Thiên! Để bổ túc và cũng chứng minh Tổ Tiên cất giữ Trung Thiên (Nhân đồ) qua các huyền thoại mà ÔngNguyễn Thiệu Dừng đã dựa vào các huyền thoại để vạch ra nhân đồ hoàn thành Thiên - Địa - Nhân = Tam Tài trọn nghĩa cho Kinh Dịch và đây cũng chứng tỏ người

Việt mới là tác giả chính của Kinh Dịch mà người Tàu đã nhận bừa Tàu là tác giả.

25/37- RỒNG Tiên: Rồng thuộc dương, nhưng rồng thường ẩn sâu dưới biển; Tiên thuộc âm thường trú non cao -Vi theo nguyên lý của Kinh Dịch ‘trong dương chứa âm, trong âm chứa dương’. Hai yếu tố âm - dương tuy đối lập nhưng thống nhất.

26/37- Một bọc trăm trứng sinh trăm con. Trăm ở đây có nghĩa là nhiều như trăm dân, trăm họ. Một bọc, là ý chỉ cùng một nòi giống.

27/37-Chia con: Sự chia tay, Lạc Long dẫn 50 con xuôi biển, mẹ Âu Cơ dẫn 50 con lên núi . là ý chỉ trăm con phát triển bờ cõi.

Truyện chia con giữa Long quân và Âu Cơ, nhiều người cho rằng là vì mâu-thuần. Hiểu như vậy là do quá vụ chứng cớ, hoặc thiếu suy luận về biểu tượng của câu nói. Tại sao không hiểu một cách đơn giản, chia con là để phát-triển bờ cõi!

28/52-Tây Bắc: Theo sử Tàu, đến năm 1,000 trước D.L., nòi Hán vẫn còn quanh-quẩn trên vùng Hoa Bắc, vùng lưu-vực sông Hoàng Hà, sau đó mới tràn ra biển và tiến xuống phía Nam tới lưu-vực sông Dương Tử.

29/52- Theo cổ sử Tàu, người lãnh-tụ đầu tiên của nhóm Hoa Hạ là Hoàng đế, vị thủy tổ dân Tàu: “Hoàng đế chiến Suy Vưu, bình Miêu Tộc...” Thời nhà Hạ gặp vua Kiệt, một hôn quân dâm-dăng, tàn-ác bị diệt, nhà Ân lên thay.

30/52- Tuổi trẻ: Phù Đổng khi sinh ra, lớn 3 tuổi mà chẳng nói, chỉ nằm trơ-trơ.

31/52- Bại hư: Thất bại, Tương truyền bài thơ này do Lý Thường Kiệt khi đem quân phá Tống đã làm để khích-lệ tinh-thần quân sĩ.

Nam quốc sơn hà nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

hoa biểu-lộ lên, là tư-tưởng và sự-nghiệp. Thế-hệ nào cũng thế, giá-trị thật người chỉ ở sự thể-hiện lên được cái tinh-hoa tiềm-ẩn trong thống-nhất giữa thân-phận và hoàn-cảnh. Hình-tượng tiền nhân qua đèn hương trên bàn thờ là những tấm gương thân-thiết và ưu-ái nhất, là những bài học thân tình nhất. Lấy chính ngay con người của tổ tông làm tấm gương, làm bài học cho con cháu còn gì quý báu hơn? Ra đời, rồi vào đời không phải chỉ tuổi thơ mới bờ-ngõ.

Trưởng thành vòng quay của chân vệt một con tàu cộng với sức cản, sức đẩy của nước, của gió, cộng với nọa-tính trọng-lượng mang trong mình, nhất là những lực đẩy con tàu đi xiêu, đi vẹo, quanh-co, lạc-lỡng trong biển cả. Muốn tới bến, tới bờ, muốn cuộc hành-trình có một ý-nghĩa tất-nhiên phải có một chủ-đích đi tới, phải có một hướng nhắm cho bánh lái liệu chiều điều-chỉnh. Thân thế của tiền nhân, những hiểu biết của tiền nhân là những gương sáng để hậu thế biết mà chọn lựa hướng đi của mình, chọn lựa lấy một chủ-đích trong cuộc đời, nhờ đó mà tự điều-chỉnh ra khỏi những quanh-co. Không nói thì ai cũng rõ chủ-đích ấy, hướng đi ấy là lý-tưởng của một cuộc đời. Đặc-tính của lý-tưởng là phục-vụ, đóng góp cho nhân-quần, xã-hội - Cũng như tàu bè trên biển cả, từng đoàn tàu đi về những bến khác nhau, con người cũng từng đoàn hướng vào những lý-tưởng khác nhau và cũng nhiều thế-hệ kế tiếp nhau cùng nhắm vào một hướng. Chỗ khác nhau giữa tàu bè và con người là biển cả và bến bờ của tàu bè có giới-hạn, còn tiến-hóa của nhân quyền xã-hội thì vô cùng, cho nên kẻ có lý-tưởng thì cuộc sống không bao giờ nhàm chán, bởi việc đời luôn-luôn đổi mới, luôn-luôn có những vấn-đề mỗi thời một khác.

Nhưng tại sao một cuộc sống lại phải có chủ đích? Sống tự nó là chủ-đích như kẻ đi dạo cảnh lang-thang cùng hoa cỏ, chân trời cá nước... chẳng thanh-thời, hạnh-phúc sao? Tàu trên biển cả là vật dụng chuyên chở thì phải có đích đưa hàng và khách đến nơi này, nơi khác, chứ cá trong biển cả thì làm gì có đích là để phải bơi tới, bơi lui; cứ lang-thang kiếm ăn, vui đâu thì đến, buồn đâu thì đi, có sao đâu?

41/120- Cù lao Ré: Nguyễn Hữu Thống, *Đông Hải với Hoàng Sa, Trường Sa Theo Chính Sử Trung Quốc*, Tạp chí Nguồn số 58, tháng 4/2916.

42/122- Cây số vuông: Đồng tác giả: Lê Đình Châu, Cao Hoài Đức, Thường Nhựt Thủy, Vĩnh Như, “*Cuộc Xâm Lăng Không Tiếng Súng*”, *Tù Sách Việt Thường*, 2005., trang 109.

43/137-Bất tác: Trong sách *Luận Ngữ*, Khổng Tử đã xác nhận “*Thuật nhi bất tác*” (*Thuật lại mà không phải là sáng tác*).

44/141- Khái Hưng, *Tự Lực Văn Đoàn*.



Bài đọc thêm 1

Đặc Thái Trong Thờ Phụng Tổ Tông

Hoài Nguyên Canada

Người Việt quan-niệm “*sống không phải là sống cá nhân rời-rạc, mà là tập đoàn tính.*” Những đóng góp phát-triển, thăng-hoa là những sự-nghiệp đích thực của con người. Khi sống là thời-gian để hoàn-thành sự-nghiệp. Sự-nghiệp lớn hay nhỏ phải đợi đến lúc qua đời mới kết-toán. Do đó, đối với người Việt ngày “*Giỗ* ” *quan trọng hơn ngày sinh.*

Kỷ-niệm ngày chết (*ngày giỗ*) tức là tưởng nhớ công đức, thành-tích của Tổ Tiên và cũng là để nhắc-nhở cho con cháu tiếp-nối truyền-thống gia-đình, tộc thuộc.

Nghiên-cứu việc thờ kính trong các làng xã Việt mới thấy tư-tưởng Việt thật là khoáng-đạt (*Có làng đã thờ làm thành hoàng một ông ăn mày chỉ vì cảm-phục ông là một người ung-dung, tự-tại bất-chấp ngoại cảnh*) và hiểu được quan-niệm về một cuộc đời như đã trình-bày mới thấy được việc thờ kính gia tiên đã được xây-dựng trên một căn-bản trí-thức rất chính-xác. Xã-hội Việt tan-rã ngay khi việc thờ kính tổ tiên rơi dần vào quên lãng, mà gốc gác tình-trạng này cũng bởi thiếu những dẫn-giải tới tinh lý khiến việc làm trở thành một sinh-hoạt máy-móc hay chỉ dựa trên những sự thật nửa vờ, không thỏa-mãn được tâm trí, rồi gặp những hoàn-cảnh không thuận-tiện thì người ta xa dần không đoái-hoài!

Nhưng dấu cho đèn hương có là hình tượng tinh hoa của tiền nhân thì việc thờ kính cũng là thờ kính tiền nhân sao có thể nói việc làm này chính là vì những thế-hệ hiện-tại và những thế-hệ mai sau?

Đã biết cuộc đời của tiền nhân đúc lại là một tinh-

vốn có nền văn minh theo một đường lối khác.)

** Những “bóp méo hay xuyên tạc về văn hóa lịch sử”:*

1/- Xuyên tạc “Trời” (thiên lý, Biến quan-niệm “Trời” (thiên lý đương nhiên) thành một hình-tượng có đầy-đủ uy-quyền tuyệt-đối.

Theo “Đại Tự Điển Tiếng Việt”, chữ “Trời” có nhiều nghĩa:

a/ Dùng như một danh từ. thì “Trời” có nghĩa là một khoảng không gian bao-phủ trên không, như:

*Kiếp sau, xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.”*

(Nguyễn Công Trứ)

b/ Dùng như tính từ, có nghĩa là hoang-dại, một khoảng thời gian. *Như ngổn trời, cửa trời cho, mười năm trời xa cách,...*

c/ Dùng như tán thán từ. *Thí dụ: Trời ơi, đất hỡi! Đờ trời đánh! Đội đá vá trời.*

Đa số chữ “Trời” trong ca-dao, tục-ngữ thường làm bối cảnh, để tăng ý cho câu văn. Thí dụ:

*Trời mưa cho lúa chín vàng,
Cho anh đi gặt, cho nàng đem cơm.*

*hay: Vái trời đừng gió, đừng mưa
Để trăng sáng tỏ, anh đưa em về.*

Trời đối với nông dân chỉ la bầu thiên-nhiên khách-quan và chỉ thời-tiết:

*Non kia ai đắp nà cao,
Sông kia ai bồi, ai đào mà sâu?*

Hay:

Trời nắng tốt dưa, trời mưa tốt lúa.

hoặc: Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.

Hãy nhìn kỹ vào mọi sống nói chung và sống người nói riêng, rồi tự trả lời những câu hỏi sau đây:

-Hãy tìm sự khác biệt giữa cơ-cấu một sinh-vật và cơ cấu một vật vô sinh. Có phải ở vật vô sinh như một tảng đá hay một cục sắt chẳng hạn, thì tất-cả chỉ là một khối lượng chống-chất đơn thể y hệt nhau, nọ tính và thụ động; còn ở một sinh-vật, tập-thể cũng như cá-thể, tất-cả là một tổ-chức có phân công giữa những đơn thể dị-biệt dầu khởi thủy chỉ là một tế-bào - mà ngay trong một tế-bào, cơ-cấu tổ-chức phân công cũng rất phức-tạp, tinh-vi. Sinh-vật không ù-lì, mà có phản-ứng thuận, nghịch với những thay đổi trong môi trường tùy theo những thay đổi ấy lợi, hay bất lợi cho sự tồn tại của nó.

Mỗi sinh-vật đều có vấn-đề tự tồn và mọi phần bộ trong cơ-cấu là được xếp đặt nhằm giải-quyết một phần việc trong vấn-đề ấy. Đấy không phải chỉ ở cơ thể một cá vật mà ở cộng-đồng cũng thế, rõ nhất là ở các bầy ong, kiến, mối; nhưng cả đến một rừng cây cũng có việc cho khối lượng quần sinh và việc cho mỗi cây cối riêng. Sống là có chủ-đích, mà chủ-đích của sống là sống còn, tiến hóa (sống còn và tiến hóa là một, bởi tiến-hóa là cái vui của sống còn và sống còn là các đích của tiến-hóa).

Lang-thang sa đâu ấm đấy làm sao sống còn? Làm sao tiến-hóa? Như vậy làm gì có chuyện sống là chủ-đích của sự sống, bởi đấy là đường dẫn tới tiêu-diệt chứ không phải giữ được sống mãi. Dựa vào xã-hội, vào tập-thể, một số người rất ít có thể lang-thang, vợ-vẫn. Nếu số người ấy lên quá một mức có thể dung-túng thì đó là một tai-họa phải giải-quyết; sống mà là gánh nặng mà kẻ khác phải dung-túng hay phải giải quyết, đấy là hạnh-phúc ư ? Hơn nữa lang-thang vợ-vẫn cùng mây nước, trời trăng, dầu cho có được xã-hội dung-túng, nhưng lâu riết cũng nhàm chán, làm gì có sống vui, sống mạnh mà nói hạnh-phúc? **Hạnh-phúc là phần thưởng cho những nỗ-lực thành-công từng chặng trên đường theo đuổi lý-tưởng, không nỗ-lực làm gì có thành-công, lấy đâu ra hạnh-phúc?** Và ngay trong nỗ

lực là một triển-khai sức sống, vui sống chứ không phải mơ-màng uể-oải? Không thể lằm nhể-ngời để bồi dưỡng sức sống với uể-oải, mơ-màng, lang-thang.

Tới đây, chúng ta có thể kết-luận về tư-tưởng Việt trong truyền-thống thờ kính Tổ tiên như sau:

Một cuộc sống là một nỗ lực liên-tục để thể hiện một cái TA trong cộng-đồng. Cái TA ấy thế nào phải đợi đến hết cuộc đời mới rõ, vì vậy ngày giỗ quan-trọng hơn ngày sinh gấp bội.

Chết không phải là hết... Chết là một kết-toán đi vào bất tử trong giới-hạn một gia-tộc hay một xã-hội hay nhân-loại, tùy theo kết-quả những đối đái khi sinh thời với môi-trường tập-thể mà có tác-động rộng hay hẹp. Lại tùy theo kết-toán ấy là một tích-sản nghịch chiều hay thuận chiều với tồn tiến của tập-thể mà bất tử ấy nằm ở vùng sáng hay vùng hủy-diệt. Những sống buông thả, lam-lũ, vô nguyên, vô trách, những sống cận lợi, vô luân, trắng-trợn, bạo-ngược kết toán bất tử sẽ nằm trong vùng tối là một ô danh trong dòng sống tập-thể. Những sống lương-thiện thuận chiều với tồn tiến của tập-thể, tích-sản không cứ lớn nhỏ, kết toán khi mãn phần sẽ là một tinh-hoa của cái TA nằm trong vùng sáng, ấy là thanh-danh, sự-nghiệp và chính là cái TA ĐẶC THÙ NGƯỜI vươn lên khỏi tầm sinh vật người được hình-tượng trên bàn thờ thành ĐỀN và HƯƠNG.

Trên mỗi dòng sống tập-thể, hai vùng sáng tối xô đẩy nhau trên hai thể sinh-tồn và hủy-diệt. Tiêu sản tích-lũy, thể hủy-diệt mạnh thì tập-thể bị đẩy đến tan rã, thể sinh-tồn mạnh thì tập-thể phát-huy ngày một lớn rộng và rực-rỡ. Định-chế thờ cúng tổ tiên chính là để đề cao những cuộc đời bất tử đã xây-dựng bằng những sự-nghiệp trên chiều tồn tiến của dòng sống, và đấy cũng là một chỉ-đạo cho mỗi thế-hệ kế tiếp biết chiều mà điều-chỉnh sinh-hoạt sao cho trí-thức đủ mạnh thấu suốt những u tối, hố bẫy trong cuộc đời, và sao lòng phải phơi-phới thanh-thời, trong sáng như nhật nguyệt.

Hoài Nguyên, Canada.

*

Bài đọc thêm 2

Cái lằm cố hữu hay Văn Hóa Việt là văn hóa Tàu?

Nhìn bề ngoài, ngay đến cơ thể cũng như mọi nếp sinh hoạt của người Việt đều giống người Hoa! Nên có nhiều người đã cho rằng “Văn Hóa Việt là bản sao của văn hóa Trung quốc”!

* Nếu nhìn kỹ, nếu co sai thì cũng như lằm khi nhìn trang sách, thay vì đọc xuôi thì lại đọc ngược! Một tấm vải nhìn lằm mặt trái làm mặt phải!

Theo cổ sử: Thời-kỳ đầu-tiên, hoa địa của Việt là núi Thái Sơn, sau đó (trước thời Nam Việt chưa bị Hán diệt) thì trọng địa là Ngũ Hồ, Ngũ Lĩnh rồi đến Quế Châu (Quảng Tây) - Từ khi nội thuộc Hán, trung tâm hoạt động dân tộc Việt là miền Nhị Hà. Sang An Nam đô hộ phủ, thủ đô của ta là Loa Thành (Hà Nội), nên hoạt động của dân tộc ta, thời Tiểu Việt dồn cả về vùng Loa Thành.

* Căn cứ vào những chứng-tích và sử sách, mặc dầu Khổng Tử đã lược bỏ mà soạn lại điển-tích mới, nhưng trong các sách ngoại ký, tạp ký của Tàu vẫn cho ta thấy những dấu vết ngàn xưa của dân tộc Việt (Đúng như điều nhận xét của sử gia Wolfram Eberhard trong cuốn “A History of China”, 1971: “No longer see China as a great civilization surrounded by barbarians, but we study the Chinese coming to terms with their neighbours, who had civilizations of quite different types.” (Chúng ta thấy rằng không hề có một nước Trung Quốc văn minh với chung quanh toàn là những dân man di, mà là những lân bang

Ông Từ trong xóm lại cùng ta...”

(Nguyễn Khuyến)

Khác hẳn với chế-độ phân phong đẳng-cấp của tông pháp Tây Chu. “*Lễ không xuống đến dân thường, hình không lên đến đại phu*” (Lễ bắt há thứ dân, hình bắt thưởng thương phu).

Trên thực-tế cho thấy đời sống con người có tương quan chặt-chẽ với vũ-trụ (tự nhiên), đồng thời thường hằng tiếp-xúc với tha nhân trong xã-hội ở mọi sinh-hoạt, và luôn-luôn nhờ tư-tưởng dẫn dắt trong mọi hoạt-động.

3/ Đời sống thanh-bình trở thành lầm than, cơ cực:

3-a/ Đời sống lầm than:

Tiếp-theo Tần, những “*nhãn-hiệu*” được đề ra cũng chỉ là một thứ *mạo-hóa*. Những mạo-hóa qua Hán Nho, rồi Tống Nho, và nhiều Nho khác nữa, tùy triều-đại, những Nho này vừa là những phân-hóa của chính Nho, vừa là những xuyên-tạc, mạo-hóa để biện-minh cho “*đế-chế cực quyền*” hay “*thiên triều chủ nghĩa*”.

Khi “*đế chế cực quyền*” ở Trung Hoa ảnh hưởng sang Việt Nam, tất-nhiên đời sống dân chúng lâm vào cảnh lầm-than, cơ-cực:

*Cái cò mày mổ cái tôm,
Cái tôm quặp lại, tôm ôm cái cò.
Cái cò mày mổ cái trai,
Cái trai quặp lại, trai-nhai cái cò.*

Hình-ảnh người nông-dân phải vật-lộn :

*Trời mưa quả dưa vẹo-vẹo,
Con ốc nằm co
Con tôm đánh đáo
Con cò kiếm ăn...*

hay *Con bên đông, vừa trông vừa chạy,
Con đằng Nam, vừa làm vừa chơi.*

Trời nhiều khi được nhân cách hóa, gân-gũi với thiên-nhiên, như:

*Bác thang lên hỏi ông trời:
Sao không bố-thí cho tôi tấm chồng?*

“Trời ” trong chính Nho luôn-luôn tác động theo hướng thiện, có nghĩa là hiếu sinh (*Đức hiếu sinh của Trời Đất*) giúp cho sự sống của muôn vật.

Từ “Trời” thành **Ngọc Hoàng Thượng đế** để rồi “Vua” thành “**thiên tử**”, con trời nên có oai quyền vô thượng! Khi “Trời” trong chính Nho biến thành “*thiên mệnh*”, “*Mệnh vua là mệnh trời*”. Vua phán chết là phải chết - Không chết là bất trung cũng là thời kỳ nặn ra một bọn bày tôi nô lệ, tranh nhau xu phụ cường quyền, ngược lại với tinh thần nho sỹ thời “*Phong kiến truyền hiền*” chỉ nhắm vào cái lý đương nhiên, hay thiên lý bằng-bạc trong trời đất.

Chính thái-độ xu-phụ này đã sản-sinh ra các từ-ngữ *Hán dân, Hán tộc, Hán học, Hán tự, Hán văn*,...không có trong thời phong kiến, và đã truyền sang ViệtNam, làm mất truyền-thống:

*Trời mưa mặc kệ trời mưa,
Tôi không có nón, trời chừa tôi ra.*

hay

Có trời mà cũng có ta...

2/ Xuyên tạc Truyền-thống dân chủ (*Phép vua thua lệ làng ở thời Hùng Vương*) trở thành nô-lệ cho nhà cầm quyền:

Nho học là một công-trình xây-dựng trong thực hành, song-song với văn-minh nông-nghiệp. Chính Nho là một chế-độ và học-thuyết lấy trật-tự xã-hội trong an

hòa làm chủ-địch. Sinh-hoạt chính-trị thời *phong-kiến truyền hiền* đã làm một cuộc cách-mạng hiền lành, ảnh-hưởng sâu rộng, nên mới có sử kiện, xứ Việt Thường cống Bạch Trĩ và Rùa thần cho nhà Chu (Sau Trung Hoa dựa vào những chi tiết ghi trên rùa thần làm quy lịch).

Giữa chính trị “*phong kiến truyền hiền*” và Nho học có liên-hệ hỗ-tương, qua-quạ lại-lại, khác nào như xe chạy cung-cấp cho đèn pha, và đèn pha soi đường cho xe chạy.

Nhưng chua-chát đã diễn ra, khi Khổng Tử “*tổ thuật*” xong Nho học thì cũng là lúc chế-độ “*phong kiến truyền hiền*” cáo chung! Sau đó Nho học bị chuyển hóa để biện-minh cho một chế-độ mạo-hóa, trên danh-hiệu thì giống nhau, nhưng thực-chất khác hẳn! Đó là “*đế chế tập quyền*” thay cho “*Phong kiến truyền hiền*” thời trước.

Theo lịch-sử Trung Quốc, nhà Chu khai-sáng là thời-kỳ giai-cấp quý-tộc thống-trị, trong đó mỗi một nước là một chư-hầu, quy-tụ trung-ương là nhà Chu.

Sách Tả Truyện có ghi vào 535 trc. C.N.:

“Xã hội chia làm **10 cấp**. Do những cấp trật ấy mà kẻ dưới phụng-sự người trên của chúng, người trên làm tròn bổn phận của mình đối với quỷ thần. Bởi vậy cho nên vua trung ương có thần tử là vua chư hầu. Chư hầu có thần tử là công khanh. Công khanh có thần tử là quan chức của mình. Quan chức có thần tử là ty chức. Ty chức có thần tử là vô số các quan lại nhỏ. Quan lại nhỏ có thần tử là phò tá. Phò tá có thần tử là nhân viên của mình. Nhân viên có thần tử là bộc lệ, bộc lệ hay nô-bộc có kẻ phụ dịch, ngựa có kẻ chăn ngựa, trâu bò có kẻ chăn dắt.

Và như thế mọi vật đều có dự-định cả.”

Theo truyền-thống của dân Việt là “*hòa hài*”.

Xã hội Việt vốn là xã-hội nông nghiệp. Qua chế-độ quân điền (*chia đều ruộng đất*), nông dân nào cũng có ruộng để cày cấy sinh nhai, trong khi đó nhiều quốc gia, ngay cả ở Á Châu, vì không có chế độ quân điền, hay bỏ chế-độ đó mà nông dân biến thành nông nô. Nghề nông gắn liền với môi-trường thiên-nhiên và xã-hội, nên tư tưởng của nông dân Việt là hài hòa, ***thống nhất vũ trụ - con người - và xã hội***:

Rủ nhau đi cấy đi cày.

Bây giờ khó nhọc, có ngày phong lưu.

Trên đồng cạn, dưới đồng sâu

Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa.

(Ca Dao)

Bức tranh lý-tưởng của nông dân là bức tranh “*thái hòa*”, “*an lạc*”:

Làng ta phong cảnh hữu tình

Dân cư an khúch như hình con long.

Nhờ trời hạ kế sang đông,

Làm nghề cày cấy vun trồng tốt tươi.

Vụ năm cho đến vụ mười,

Trong làng kẻ gái, người trai đua nghề.

Trời ra gắng, trời lặn về,

Ngày ngày, tháng tháng, nghiệp nghề truân chuyên.

Dưới dân họ, trên quan viên,

Công bình giữ mực, cầm quyền cho hay.

(Ca Dao)

Đối với xã-hội nông nghiệp, thiên-nhiên ảnh hưởng quan-trọng đến nhân sinh, cho nên mối liên-hệ giữa vũ-trụ với nhân sinh cần có sự hòa-đồng,...

Chú Đáo xóm đình lên với tớ,

(*Vạn Thế Sư Biểu*), mà không một lời nói đến Khổng phu nhân!

Việt phong khác với Nho phong đã được vạch rõ trong bài thơ “*Đu Xuân*” của nữ-sĩ Hồ Xuân Hương:

*Tám cột khen ai khéo khéo trồng,
Người thì lên đánh, kẻ đứng trông:
Trai đu gối hạc khom-khom cật,
Gái uốn lưng ong, ngửa-ngửa lòng...*

Những hội hè đình đám không dị, biệt trai, gái, già trẻ, đẳng cấp mà là những cơ-hội chia ăn, chia vui, vừa gây tình-thân tập-thể chặt-chẽ, vừa xóa đi những cách biệt vì công việc gánh vác trong xã hội, vừa giải tỏa những mệt mỏi, những căng thẳng trong những sinh-hoạt thường nhật. Hội hè, đình đám nối tiếp không-khí tung-bừng, hòa-hợp, đầm-ấm. Những ngày tết là những định chế nuôi dưỡng tinh-thần tập-thể và lạc-quan để sẵn-sàng cùng nhau gánh chịu những gian nguy.



hay: *Bạc đầu ra miệng mà mong được
Tiền chữa vào tay đã hết rồi
Van nợ lắm khi tràn nước mắt
Chạy ăn từng bữa toát mồ hôi.*

4/- Méo mó “**Trung Tín**”:

Trung Tín trong chính Nho là trung nghĩa và thành tín. Từ thời Tần về sau, “*trung tín*” trở thành “*Tuyệt đối thờ vua*” (*Trung thần bất sự nhị quân*) hay “*Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung*”).

Vai trò “*thiên tử*” trong Nho học và trong thời “*Phong Kiến truyền Hiền*” chỉ là một người, trước đại hội chư hầu, tuyên thệ lãnh nhiệm-vụ chấp-hành “*thiên lý*”, lấy đức hiếu sinh của Trời Đất, cho nên gọi là “*thiên tử*”. “*Thiên đạo mẫn thụ*”, ở người đức này gọi là “*lòng nhân*”. Chấp-hành lòng nhân vào việc quản-lý xã-hội là làm chính-trị, cho nên nói “*Nhân đạo mẫn chính*”. Cũng trong các đại hội, các thủ-lãnh chư-hầu phải tuyên thệ vâng theo thiên tử và giúp thiên tử thực-hiện sứ mệnh ấy. Như vậy gọi là “*trung thành*” (*trung nghĩa và thành tín*). Họ trung thành với thiên tử, cũng là trung thành với thiên mệnh mà thiên tử đã nhận lãnh.

Thiên tử với mệnh Trời sang thời đế chế cực quyền thành một nhân-vật huyền-bí, sinh ra đã có “*chân mạng đế vương*”, chẳng những ai-ai cũng phải thần phục, mà cả đến thần thánh cũng ở dưới quyền. Thiên tử thành một nhân vật tuyệt đối, ra đời ngay khi mới thành thai trong bụng mẹ! không còn là một chức-vụ nhận lãnh trước một đại-hội chư-hầu!

Khi tư-tưởng đã bị ngưng đọng ở mặt cụ thể của sự vật, thấy lãnh-thổ dưới quyền có giới-hạn, lại thấy cái thế có thể dùng võ lực để mở rộng lãnh-thổ thì *tham-vọng hoang tính, muốn trùm-bá khắp nơi* là điều không tránh được, nên đã trở thành **truyền thống**

xâm-lăng của Tàu!

Chữ “*trung*” trong Nho học, nội-dung là trung nghĩa tức là một lòng giữ chắc những điều đã giao ước. Cả thiên tử và các thủ-lãnh chư-hầu phải giữ lòng trung tín. Cho nên, vua phải ra vua. bầy tôi ra bầy tôi, có nghĩa là ở chức vụ nào phải hành xử theo đúng những đòi-hỏi của chức-vụ ấy. Chính ở điểm này, Mạnh Tử mới nói: *“Ta chưa từng nghe nói vua Trụ, mà chỉ nghe nói tên thất phu Trụ...”* (Ông không nhận Trụ vương ở địa vị trên ngai vàng, mà nhìn ở hành-vi thấy không phải là hành vi của một ông vua).

Với Hán, Tống, Minh và Thanh Nho,... sự từng phục của bầy tôi đối với vua là tuyệt đối. Vua là chủ nhân tuyệt đối không những của lãnh-thổ dưới quyền, mà tất cả dân cư trên lãnh-thổ ấy đều thuộc quyền vua. Chữ trung bây giờ thành nghĩa *trung quân*, đem cả sinh mệnh mà thờ vua. Vua xét bầy tôi phải chết, bầy tôi không chết là bầy tôi bất trung. Vua thường thị uy bằng chém giết và tàn-nhẫn đến giết cả tộc thuộc, gia nhân và tới luôn quê hương làng mạc.

Trung quân trở thành cái đạo mù quáng, gây nên một áp-lực khủng-khiếp vào tâm khảm con người.

5/ Tinh thần “**Nhân Bản**”, Con người sánh ngang với Trời Đất trở thành “**phi nhân bản**”:

Quan niệm cổ hữu của người Việt, “*Con người là cái tâm của trời đất*”, tư tưởng này cũng tìm thấy ở trong Kinh Dịch “*Nhân giả kỳ thiên địa chi đức*” (người ta là cái đức của Trời Đất)

Không có con người, vũ-trụ chỉ còn là vũ-trụ vô hồn, trống rỗng.

Chối bỏ quyền đặt định một chiều của hóa công là vận-dụng quy luật “*Vạn vật tương quan và hỗ-tương ảnh-hưởng*”. Do đó, đất nước, gió mưa vô tình diễn, nhưng qua sức con người thì: *Lúa vàng đồng, nong vàng*

kén - sáo diều vi-vu dưới trăng thanh gió mát, và thôn xóm nơi-nơi vang dội tiếng vui cười.”

Truyện bà Nữ Oa “*đội đá vá trời*” đều đã nói lên vai-trò độc lập và “*Tán thiên địa chi hóa dục*” (con người trợ giúp công sinh dưỡng của trời đất mà tài bồi cuộc sống cho con người).

Tinh thần này chính là tinh thần “*nhân bản*” và “*nhân chủ*”, chúng ta thường tự hào nước Việt có gần năm ngàn năm văn hiến. Văn là vẻ đẹp, văn biểu thị cho người (loài cầm thú chỉ có vết, chữ không có văn). Hiến cũng để biểu thị cho người, bởi chỉ con người mới có “*hiến*”.

6/ Mạo hóa lý tưởng “Bốn Bể Một Nhà”:

Lý tưởng “*Bốn Bể Một Nhà*” (Tứ hải giai huynh đệ) thực-sự chỉ là cái bình phong che đậy ý-đồ xâm lăng và Hán hóa. Dân Hán xưa nay, vốn tự tôn tự đại, coi các sắc dân chung quanh là “*Tứ Di*” (Đông Di, Tây Nhung, Bắc Địch và Nam Man). Góc bên trái lá cờ Trung Cộng có 4 ngôi sao nhỏ châu một ngôi sao lớn, tiếp-tục truyền thống tự tôn và xâm lăng của Trung Quốc! Bốn ngôi sao nhỏ không những nhắc lại quan niệm “*tứ di*”, và cũng nói lên ý nghĩ ngạo-mạn “*Trung Quốc là trung tâm điểm văn minh của thế giới, bốn biển châu về Trung quốc*”.

7/Mạo hóa “**Nam Nữ bình quyền**” thành “**Nam tôn nữ ti**”

Sau khi bị du-mục Hán tộc đô hộ, dân Việt bị hấp thụ những tư-tưởng hủ Nho!

Đối với Hán Nho không nhìn phụ-nữ trên con người toàn diện, mà chỉ chú vào sắc tính với vai-trò nội-trợ và sinh đẻ! Chính ở điểm này mà ta thấy mặc dầu tán-tụng Khổng Tử là “*bạc thầy muôn thuở*

Hoabinhian culture, somewhere in Southeast Asia. It would not surprise me if this had begun as early as 15,000 B.C.

** I suggest that the earliest dated edge-ground stone tools found in northern Australia and dated by carbon 14 at about 20,000 B.C. are of Hoabinhian origin.*

** While the earliest dates for pottery now known are in Japan at about 10,000 B.C., I expect that when more of the Hoabinhian sites with cord-marked pottery are dated, we will find that pottery was being made by these people well before 10,000 B.C., and was possibly invented by them.*

** The traditional reconstruction of Southeast Asian prehistory has had migration from the north bringing important developments in technology to Southeast Asia. I suggest instead that the first neolithic (that is Late Stone age) culture of North China, known as the Yangshao developed out of a Hoabinhian subculture that moved north from northern Southeast Asia about the sixth or seventh millennium B.C.*

** I suggest that the later so-called Lungshan culture, which supposedly grew from the Yangshao in North China and then exploded to the east and southeast, instead developed in South China and moved northward. Both of these cultures developed out of a Hoabinhian base..."*

12- Harold J. Wiens, *"Han Chinese Expansion on South China"*, The Shoe String Press Inc., 1967.

"Whether the historical data are reliable and further, whether the descriptions are sufficiently informative for classification purposes? Most researchers of Chinese history concede the astonishing

Annotated Bibliography

1- C.P. Fitzgerald, *"China, A Short Cultural History"*, Frederick A. Praeger, Publisher, N.Y. 1964.

Used Chinese sources wherever possible to indicate something of the economic background which in part at least determines the pattern of a culture.

2- Harold J. Wiens, *"Han Chinese Expansion on South China"*, The Shoe String Press Inc., 1967.

Whether the historical data are reliable and further, whether the descriptions are sufficiently informative for classification purposes? Most researchers of Chinese history concede the astonishing degree of reliability of Chinese historical facts. Where fault is found with Chinese history, it is with the distortion resulting from omission of facts, particularly in the accounts dealing with the so-called "barbarians" or non-Han Chinese tribes people.

3- Herrlee Glessner Creel, *"The Birth of China"*, Frederick Ungar Publishing Co., New York, 1970.

In writing to present as casual flat statements propositions which the specialists in this field may consider starting, or even untrue and incapable of demonstration.

4- Kenneth Scott Latourette, *"The Chinese Their History and Culture"*, New York, The Macmillan Co., 1964.

Chinese culture influenced profoundly all its immediate neighbours - Notably the Japanese, the Korean, the Semi-northern people to the North and West and the Asiatic people to the South.

*

5- **S. Oppenheimer**, *“Eden in the East, The Drowned Continent of Southeast Asia”*, Phoenix London, 1998.)

*“As presiously mentioned, the only remaining clue to the identity and language of the first-rice growers in this part of the world (Sakai cave dwellers of Southern Thailand 9260-7620 years ago. Surin Pookajotn) come from the present day Austro-Asiatic speaking. The so-called **Hoabinhians** the Pre-Neolithic inhabitants of Indo-China from at least 10,000 years ago, are usually thought to have been ancestors of Austro Asiatic speakers and are presumed to have learnt their agricultural skills thousands years later by diffusion from Early Neolithic culture, further North in China”.*

6- **Wolfram Eberhard**, *“A History of China”*, University of California Press, Berkeley and Los Angeles, 1971.

‘The account of China history here given is based on a study of the original documents and excavations, and on study of recent research done by Chinese, Japanese, and Western scholars, including author’s research. No longer see China as a great civilization surrounded by barbarians, but we study the Chinese coming to terms with their neighbours, who had civilizations of quite different types...’

7- **Charles O. Hucker**, *“China’s Imperial Past”*, Stanford University Press, Stanford, 1975)

Huang-ti reportedly fought and won a great battle against “barbarians” somewhere in modern Shansi province, and after his victory was accepted as national leader by tribes throughout the Yellow River plain. Some Chinese writers suggest that China’s history as a nation actually begins with Huang-ti.”

8- **Wilhelm G. Solhelm H**, ‘New Light On a Forgotten Past’, National Geographic, Vol. 139, March 1971.

‘... The traditional reconstruction of Southeast Asian prehistory has had migrations from the North bringing important developments in technology to Southeast Asia. I suggest instead that the first neolithic (that is the late Stone Age) culture of North China known as the Yangshao developed out of a ‘Hoabinhian subculture that moved North from northern Southeast Asia about the sixth or seventh millennium B.C..

9- **Carl G. Jung**, ‘The Jungians on Myth’; chapter One, “

“Myth is the primordial language natural to these psychic processes, and no intellectual formulation comes anywhere near the richness and expressiveness of mythological imagery. Such processes are concerned with the primordial images, and these are best and most succinctly reproduced by figurative language.”

10- **Wolfram Eberhard**, *“A History of China”*, University of California Press, Berkeley and Los Angeles, 1971.

‘The account of China history here given is based on a study of the original documents and excavations, and on study of recent research done by Chinese, Japanese, and Western scholars, including author’s research. No longer see China as a great civilization surrounded by barbarians, but we study the Chinese coming to terms with their neighbours, who had civilizations of quite different types.’

11- **Wilhelm G. Solhelm H**, Ph.D., ‘New Light On a Forgotten Past’, National Geographic, Vol. 139, March 1971.

‘...I agree with Sauer that the first domestication of plants in the world was done by the people

Sách Trích Dẫn & Tham Khảo

- 1- **Phan Bội Châu**, “*Việt Nam Vong Quốc Sử*”, nhà xuất bản Văn Sử Địa, 1957.
- 2- **X. Y. Thái Dịch Lý Đông A**: “*Huyết Hoa*” Nhà xuất bản Gió Đáy, xb. 1967 tại Sài Gòn.
- 3- **Vô Ngã Phạm Khắc Hàm**, “*Triết Lý Lý Đông A*”, Bản thảo, 1998.
- 4- **Phạm Việt Châu**, “*Trăm Việt Trên Vùng Định Mệnh*”, xb. tại Hoa Kỳ năm 1997.
- 5- **Tư Mã Thiên**, “*Sử Ký*” Nhữ Thanh dịch, Nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, 1988.
- 6- **Hồ Bạch Thảo**, “*Những Nét Đặc Trưng Về Lịch Sử Việt Nam*”, Mister Print, California, 2002.
- 7- **Thuận Đức, Âu Đại Nhậm, Trịnh Bá**, “*Bách Việt Tiên Hiền Chí*”, người dịch Trần Lam Giang, Thư viện Việt Nam ấn hành, 2006.
- 8- **Ngô Gia Văn Phái**, “*Hoàng Lê Nhất Thống Chí*”, nhà xuất bản văn học Hà Nội, 2002.
- 9- **Thái Phụng**, “*Tìm Hiểu Chủ Nghĩa Duy Dân*”, Bản thảo năm 1990.

degree of reliability of Chinese historical facts. Where fault is found with Chinese history, it is with the distortion resulting from omission of facts, particularly in the accounts dealing with the so-called “barbariana” or non-Han Chinese tribes people.

13- **Kenneth Scott La Tourette**, “The Chinese Their History and Culture”, The MacMillan Co. N.Y. 1964).

“Chữ China và Chinese ai cũng hiểu China là nước Tàu và Chinese là thuộc Tàu (người Tàu hay tiếng Tàu. Đó là nghĩa thông thường, nhưng khi đọc các tài liệu nghiên cứu về văn hóa lịch sử thì không nên hiểu một cách hạn hẹp vào nước Tàu hay người Tàu, mà nên hiểu là chỉ chung nhiều sắc dân cư ngụ khắp nước Tàu. Hai chữ China (tiếng Anh) và Chine (tiếng Pháp) do phiên âm từ chữ Tần (Ts'in, Ch'in), thời Tần Thủy Hoàng.

(The name China is a foreign appellation probably derived from a dynasty which reigned over the Empire in the 3rd century B.C. The Chinese long heldt as an ideal that there should be only one political as ministration for civilized mankind and regarded their own as that government. They might speak of China as Tien Hsia - “Under Heaven”. The most frequent name employed was Chung Kwo - “The Middle Kingdom”. The Chinese often denominated themselves Han Diên or the “Men of Han”, after a famous dynasty of that name. Tang Diên, or the “Men of Tang”, after another famous dynasty, was frequently on the lips of the Chinese in the South.”

Tham Khảo Sách Ngoại Quốc:



- 1-Arthur Cotterell, “*China, A Cultural His-tory*”, First Mentor Printing, October, 1990.
- 2-Fitzgerald, “*China, A Short Cultural His tory*”, Frederick A Pracger Publisher, N.Y. 1961.
- 3-Wolfram Eberhard, “*A History of China*”, Univer-sity of California Press, Berkeley and Los Ange-les, 1971.
- 4-Herold J. Wiens, “*Han Chinese Expansion on South China*”, The Shoe String Press Inc. 1967.
- 5-Herlee Glessner Creel, “*The Birth of China*”, Frederick Ungar Publishing Co., New York, 1970.
- 6-Henneth Scott Latourette, “*The Chinese Their His-tory and Culture*”, New York, The Macmillan Co.. 1954
- 7-Wilhelm G. Solheim H. Ph. D., “*New Light On A Forgotten Past*”, National Geogra phic, vol. 139, No. 3 March, 1971.
- 8-Charles O. Hucker, “*China’s Imperial Past*”, Stanford University Press, Stanford California, 1975

*

- 10- **Phan Bội Châu**, “*Việt Nam Vong Quốc Sử*”, nhà xuất bản Văn Sử Địa, 1957.
- 11- **X. Y. Thái Dịch Lý Đông A**: “*Huyết Hoa*” Nhà xuất bản Gió Đáy, xb. 1967 tại Sài Gòn.
- 12- **Dương Quảng Hàm**, “*Việt Nam Văn Học Sử Yếu*”, Sống mới in lại, 1979.
- 13-- **Ban Văn Học Hội Khai Trí Tiến Đức**, “Việt Nam Tự Điển”, Tổng Đoàn Thanh Niên Thiện Chí tái bản tại Hoa Kỳ, năm ?. Nguyệt san Ngày Về phát hành.
- 14--**Trần Trọng Kim**, “Việt Nam Sử Lược”, Sống Mới tái xb. 1978.
- 15- **Vô Ngã Phạm Khắc Hàm**, “*Triết Lý Lý Đông A*”, Bản thảo, 1998.
- 16- **Hoài Nguyên & Đinh Khang Hoạt**, “*Vấn Đề Văn Hóa Việt*”, 1994.



*Thư-từ và ngân phiếu
xin gửi về:
Ô. Đình Khang Hoạt
900 S. Pueblo St.
Gilbert, AZ. 85233
Email: hoatkding@gmail.com*

*Copyright © 2017 by Duy Khang
All rights reserved*